

GIÁO ÁN ÔN THI HSG

MÔN NGỮ VĂN LỚP 6

Giáo án giảng dạy thi HSG Ngữ Văn lớp 6

<http://www.tailieuviet.net>

BUỔI 1:

Ngày soạn: 27 /9 /2021

Ngày dạy: 04/10/2021: 6A4

08/10/2021: 6A3

ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

Trích “*Dế Mèn phiêu lưu kí*” - Tô Hoài

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Tô Hoài.
- Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ...
- Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.

2. Năng lực:

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.
- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.
- Phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.
- Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.
- Năng lực nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

**TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN:
BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp.	I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI 1. Truyện và truyện đồng thoại Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc. Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người. 2. Cốt truyện

- HS trả lời. - GV chốt kiến thức	Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc. 3. Nhân vật Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,... 4. Người kể chuyện Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện: + Ngôi thứ nhất; + Ngôi thứ ba. 5. Lời người kể chuyện và lời nhân vật Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy. Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện. II. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM 1. Tác giả: - Tô Hoài (1920-2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê nội ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), lớn lên ở quê ngoại - làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tô Hoài viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Ông có khối lượng tác phẩm phong phú và đa dạng, gồm nhiều thể loại - Các tác phẩm chính: “Võ sĩ Bọ Ngựa”, “Dê và Lợn”, “Đôi ri đá”, “Đảo hoang”... - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật 2. Tác phẩm: a. Thể loại: Truyện đồng thoại b. Xuất xứ: - “Bài học đường đời đầu tiên”(tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của “Dế Mèn phiêu lưu kí” - “Dế Mèn phiêu lưu kí” được in lần đầu năm 1941, là tác phẩm nổi tiếng và đặc sắc nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. c. Tóm tắt: Dế Mèn là chàng dế thanh niên cường tráng biết ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực. Tuy nhiên Dế Mèn tính tình kiêu căng, tự phụ luôn nghĩ mình “là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ”. Bởi thế mà Dế Mèn không chịu giúp đỡ Dế Choắt- người hàng xóm trạc tuổi Dế Mèn với vẻ ngoài ốm yếu, gầy gò như gã nghiện thuốc phiện. Dế Mèn vì thiếu suy nghĩ, lại thêm tính xốc nổi đã bày trò nghịch dại trêu chọc khiến Dế Choắt chết oan. Trước khi chết, Dế Choắt tha lỗi và khuyên Dế Mèn bỏ thói hung hăng,
--	---

bảy bạ. Đế Mèn sau khi chôn cất Đế Choắt vô cùng ân hận và suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

d. Giá trị nội dung:

- Miêu tả vẻ đẹp của Đế Mèn cường tráng nhưng t còn kiêu căng, xốc nổi.
- Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Đế Choắt, Đế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.

e. Giá trị nghệ thuật:

- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn
- Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc
- Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.
- M tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác
- Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.

f. Ý nghĩa

- Không quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.
- Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh.

III. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Bức chân dung tự hoạ của Đế Mèn:

Hình dáng	Hành động	Suy nghĩ	Ngôn ngữ
- chàng đế thanh niên cường tráng + càng: + vuốt: + cánh: + đầu: + răng: + râu: dài, cong	- đập ph phách - vũ lên phành phạch - nhai ... - trịnh trọng vuốt râu - cà khịa, quát nạt, đá ghẹo	- Tôi tợn lắm - Tôi cho là tôi giỏi. - Tôi tưởng: làm cử chỉ nông cuồng là tài ba, càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.	- Gọi Đế Choắt là “chú mày”, xưng “anh”. Gọi chị Cốc là “mày” xưng “tao”.

NT: Miêu tả, nhân hoá, giọng kể kiêu ngạo

=>Đế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ	=>Đế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi (nét chưa đẹp).
---	---

2. Bài học đường đời đầu tiên

a. Nhân vật Đế Choắt

Hình dáng	Cách sinh hoạt	Ngôn ngữ
-----------	----------------	----------

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.
 - Hình thức vấn đáp.
 - HS trả lời.
 - GV chốt kiến thức

	- Chạc tuổi: Dế Mèn - Người: gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện. - Cánh: ngắn cùn ... như người cời trần mặc áo ghi nê. - Đôi càng: bè bè, nặng nề - râu: cụt có một mẩu - Mặt mũi:	- Ăn xôi, ở thì	- Với Dế Mèn: + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”. + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” - Với chị Cốc: + Van lạy + Xưng hô: chị - em.
⇒ NT: miêu tả, sử dụng thành ngữ			
=> Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.			
b. Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt			
- Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt.			
- Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt			
=> Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt.			
c. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.			
Dế Mèn	Trước khi trêu chị Cốc	Sau khi trêu chị Cốc	Hậu quả
Hành động	- Mắng, coi thường, bắt nạt Choắt. - Cất giọng véo von trêu chị Cốc.	- Chui tọt vào hang. - Núp tận đáy hang, nằm im thít. - Mon men bò lên. - Chôn Dế Choắt.	Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết
Thái độ	Hung hăng, ngạo mạn, xác xược.	Sợ hãi, hèn nhát	Hối hận
Bài học	- Không nên kiêu căng, coi thường người khác. - Không nên xúc nổi để rồi hành động điên rồ.		

TIẾT 2,3: LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

Bài tập 1

Đọc kĩ đoạn văn, sau đó trả lời bằng cách chọn ý đúng nhất:

“...Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào”.

(Bài học đường đời đầu tiên - Ngữ văn 6, tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả? Văn bản thuộc thể loại truyện nào?

Câu 2: Đoạn văn trên trình bày theo phương thức biểu đạt nào? Phương thức nào là chính?

Câu 3: Đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ mấy? Người kể là ai?

Câu 4: Nội dung của đoạn văn trên?

Câu 5: Bài học cuộc sống em rút ra từ văn bản chứa đoạn văn trên ?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* của tác giả Tô Hoài; thuộc thể loại truyện đồng thoại.

Câu 2: Đoạn văn trên trình bày theo phương thức biểu đạt tự sự xen miêu tả, trong đó miêu tả là chính.

Câu 3: Đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ nhất. Người kể chuyện là Dế Mèn.

Câu 4: Nội dung của đoạn văn trên : cảnh kiếm mồi của các loài sinh vật trên đầm bãi trước của hang của Dế Mèn.

Câu 5: Bài học cuộc sống em rút ra từ văn bản chứa đoạn văn trên :

- Trong cuộc sống không được kiêu căng, tự phụ, coi thường người khác.
- Cần sống khiêm tốn, biết quan tâm giúp đỡ người khác.

Bài tập 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

« Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên ».

(Ngữ văn 6, tập 1, NXBGD-2021)

Câu 1. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn là gì?

Câu 2: *Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên...*

Đặt mình vào nhân vật Dế Mèn, viết tiếp những suy nghĩ của Dế (đoạn văn dài khoảng 10 dòng).

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn là : Ở đời mà có thói hung hăng, bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ sớm muộn cũng mang vạ vào mình.

Câu 2: Đoạn văn có sự nối tiếp tự nhiên, hợp lí mạch nghĩ của Dế Mèn xoay quanh niềm ân hận, đau khổ khôn nguôi, tự giày vò, day dứt bản thân về tội lỗi không thể tha thứ được của mình dẫn đến sự thức tỉnh, tự hứa hẹn cho cách sống tới,...những giọt nước mắt tự thanh lọc tâm hồn cũng có thể xuất hiện nơi chàng Dế cường tráng và sớm nhiễm thói nông cuồng ấy.

Bài tập 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi câu này :

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm . Vừa thương vừa ăn năn tội mình . Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.”

(Trích Ngữ văn 6 - tập 1)

Câu 1: Cho biết đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Tác giả? Nội dung đoạn trích?

Câu 2: Qua lời khuyên của Đế Choắt em hãy nêu cảm nhận mình bằng một đoạn văn (5-7 dòng) về nhân vật Đế Choắt?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Văn bản: Bài học đường đời đầu tiên
- Tác giả: Tô Hoài

Câu 2:

* **Về kĩ năng:** Đảm bảo một đoạn văn (phương thức biểu đạt tự chọn) từ 5 – 7 dòng, bố cục hợp lí (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn); không lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt trôi chảy.

* **Về kiến thức:** Học sinh có thể trình bày cảm nhận về nhân vật Đế Choắt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý sau:

- Thấy được Đế Choắt là một chú dế có lòng nhân hậu, trái tim độ lượng.
- Đế Mèn gây ra cái chết của Đế Choắt nhưng Đế Choắt không hề trách cứ hay tỏ thái độ căm giận. Ngược lại Đế Choắt còn chân thành khuyên nhủ Đế Mèn.
- Bày tỏ được tình cảm dành cho Đế Choắt...

Bài tập 5

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

.... “Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hoảng hốt quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Đế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Đế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình...”

(Trích “ Bài học đường đời đầu tiên”- Đế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài)

Câu 1: Tìm các từ láy và xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên. Trình bày tác dụng của các từ láy và biện pháp tu từ đó.

Câu 2: Giả sử em là nhân vật Đế Mèn, đứng trước mộ của Đế Choắt, em sẽ suy nghĩ gì?

Câu 3: Căn cứ vào đâu mà Đế Choắt đưa ra lời khuyên với Đế Mèn: “...Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy”? Em có suy nghĩ gì về lời khuyên của Đế Choắt và rút ra bài học cho bản thân (hãy trình bày bằng đoạn văn ngắn)

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

+ Chỉ ra các từ láy và biện pháp tu từ:

- Các từ láy trong đoạn văn: *thoi thóp, hoảng hốt, nông nổi, dại dột, hối hận, hung hăng, bậy bạ, ăn năn*

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa.

+ Tác dụng của từ láy và biện pháp tu từ nhân hoá:

- Các từ láy đã miêu tả một cách sinh động, cụ thể hình dáng của Dế Choắt và tâm trạng lo lắng, sợ hãi, ăn năn, hối hận của Dế Mèn sau khi trêu chị Cốc để Dế Choắt bị tấn công.
- Biện pháp tu từ nhân hoá khiến các Dế Mèn và Dế Choắt vốn là các loài vật trở nên gần gũi với con người, hiện ra như những con người biết hành động, suy nghĩ, có tình cảm, cảm xúc... Làm cho câu chuyện diễn ra chân thực, sinh động, hấp dẫn.

Câu 2

HS có thể viết về suy nghĩ của mình là:

- Vô cùng ân hận vì thói ngông cuồng, đại dốt của mình khiến dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.
- Hứa với Dế Choắt, tự hứa cả với lòng mình sẽ bỏ “ thói hung hăng, bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ” của mình.
- Cầu xin Dế Choắt tha thứ.

Câu 3

- + Dế Choắt đã căn cứ vào đặc điểm tính cách của Dế Mèn ở đầu đoạn trích và đặc biệt là hành động đứng trước của hang trêu chị Cốc của Dế Mèn dẫn đến hậu quả tai hại.
- + Suy nghĩ về lời khuyên của Dế Choắt: Lời khuyên của Dế Choắt là hoàn toàn đúng. Không chỉ đúng với nhân vật Dế Mèn mà còn đúng với tất cả các bạn trẻ có đặc điểm tính cách như Dế Mèn.
- + Bài học:
 - Không nên hung hăng, hống hách, bậy bạ, không nên kiêu căng, tự phụ, coi thường người khác,...
 - Cần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ nhau trong học tập và trong mọi lĩnh vực cuộc sống
 - Cần khiêm tốn, chống những biểu hiện tiêu cực, chống bạo lực học đường....

Bài tập 6

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...“*Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch, giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất hùng dũng*”

(Ngữ văn 6 - Tập 1)

Câu 1 Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2. Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào để viết đoạn văn trên? Đoạn văn trên ai là người kể chuyện? Người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể đó?

Câu 3 . Tìm một phép so sánh có trong đoạn trên. Cho biết đó là kiểu so sánh nào?

Câu 4: Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn trích trên?

Câu 5: Nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản có chứa đoạn trích trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

- Đoạn văn trên trích từ văn bản: ”Bài học đường đời đầu tiên”

Tác giả Tô Hoài

Câu 2:

-Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu: Miêu tả

- Ngôi kể của văn bản: Văn bản được kể bằng ngôi thứ nhất.

Đoạn văn trên Dế Mèn là người kể chuyện và sử dụng ngôi kể thứ nhất: "tôi"

- Tác dụng: + Cách kể này vừa gây ấn tượng về một câu chuyện có thực vừa tạo ra sự gắn kết giữa nhân vật và người đọc.

+ Làm câu chuyện trở lên gần gũi, đáng tin cậy đối với người đọc.

Câu 3:

Một phép so sánh có trong đoạn văn: Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.

- Kiểu so sánh: So sánh ngang bằng.

Câu 4

- Nội dung của đoạn trích: Đoạn văn miêu tả vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn (qua đó hé lộ một phần tính cách kiêu căng của nhân vật).

Câu 5:

HS nêu đủ, đúng giá trị của văn bản:

* Về nội dung: Miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính tình còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình.

* Về nghệ thuật: miêu tả loài vật sinh động, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Thực hành TV

-

.....

Ngày soạn: 4 / 10 /2021

Ngày dạy: 11,15 /10 /2021- 6A3,4

BUỔI 2:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
(TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC, NGHĨA CỦA TỪ)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- củng cố kiến thức về từ đơn, từ phức, nghĩa của từ.

2. Năng lực:

- Năng lực nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức lý thuyết của từ đơn và từ phức, nghĩa của từ. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Lý thuyết 1. Từ đơn và từ phức - Từ đơn do một tiếng tạo thành. - Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy). + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau. + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm.

- *Hình thức tổ chức: cá nhân*

- *HS thực hiện*

Bài tập 1:

Trong *Bài học đường đời đầu tiên* có những từ láy mô phỏng âm thanh như véo von, hừ hừ. Hãy tìm thêm những từ láy thuộc loại này trong văn bản.

Bài tập 2:

Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong các câu sau:

a. *Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.*

b. *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*

c. *Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu.*

Bài tập 3:

Tìm từ đơn đơn từ phức trong câu sau của Bác Hồ:

Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

(Hồ Chí Minh)

Bài tập 4:

Trong các từ sau từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy:

2. Nghĩa của từ ngữ

- Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.

II. Bài tập

1. Bài tập về Từ đơn và từ phức

Bài tập 1:

Những từ láy thuộc loại này trong văn bản: thỉnh thoảng, phanh phách, giòn giã, rung rinh, ngoàm ngoạp, hừ hừ.

Bài tập 2:

a. Phanh phách: Diễn tả được sức mạnh, sự cường tráng, khỏe mạnh của Dế Mèn.

b. Ngoàm ngoạp: Dế Mèn nhai nhanh như lưỡi liềm.

c. Dún dẩy: Sự nhún nhảy vô cùng điêu luyện, uyển chuyển của Dế Mèn.

Bài tập 3:

- **Các từ đơn:** *Tôi, chỉ, có, là, cho, nước, ta, được, ta, ai, cũng, có, cơm, ăn, áo, mặc, ai, cũng, được*

- **Các từ phức:** *một ham muốn, ham muốn, tột bậc, làm sao, độc lập, tự do, đồng bào, học hành.*

Bài tập 4:

thanh thản, hiền hậu, run rẩy, lấp ló, đất đá, hân hạnh, cỏ cây, khúc khuỷu, thăm thẳm, xinh xắn, xa xưa, di đứng, đối đáp, đủng đỉnh, buôn bán, mộng mơ, mỏng mảnh, may mặc, ngổn ngang, mơ mộng, loắt choắt, nghênh nghênh, mệnh mông, xa lạ

Bài tập 1:

Từ ngữ trong bài *Bài học đường đời đầu tiên* được dùng rất sáng tạo. Một số từ ngữ được dùng theo nghĩa khác với nghĩa thông thường. Chẳng hạn nghèo trong nghèo sức, mưa dầm sùi sụt trong điệu hát mưa dầm sùi sụt. Hãy giải thích nghĩa thông thường của nghèo, mưa dầm sùi sụt và nghĩa trong văn bản của những từ này.

Bài tập 2:

Đặt câu với thành ngữ: ăn xôi ở thì, tắt lửa tối đèn, hôi như cú mèo.

Bài tập 3:

Trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* có những hình ảnh so sánh thú vị, sinh động. Hãy tìm một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản này và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu

- Các từ ghép: thanh thản, hiền hậu, đất đá, cỏ cây, xa xưa, di đứng, đối đáp, buôn bán, mộng mơ, mỏng mảnh, may mặc, xa lạ, mơ mộng, hân hạnh

- Các từ láy: run rẩy, lấp ló, khúc khuỷu, xinh xắn, thăm thẳm, đủng đỉnh, ngổn ngang, loắt choắt, nghênh nghênh, mệnh mông,

Bài tập 5: Viết đoạn văn từ 5->7 câu nội dung tự chọn có sử dụng từ ghép và từ láy...

2. Bài tập về Nghĩa của từ ngữ

Bài tập 1:

Nghèo: có rất ít tiền của, không đủ để đáp ứng những yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất. Trong văn bản, nghèo sức được hiểu là sức khỏe yếu kém, yếu đuối, nhút nhát.

Mưa dầm sùi sụt: tiếng mưa nhỏ những kéo dài, rả rích. Trong văn bản này, điệu hát mưa dầm sùi sụt được hiểu là điệu hát kéo dài xen lẫn chút buồn bã.

Bài tập 2:

- Ăn xôi ở thì: Nó không được

học hành, lại không nhà không cửa, giờ chỉ tính chuyện tạm bợ trước mắt, ăn xôi ở thì cho qua tháng này.

- Tắt lửa tối đèn: Chúng ta phải yêu thương nhau phòng khi tối lửa tắt đèn có nhau.

- Hôi như cú mèo: Chú mày hôi như cú mèo, ta nào chịu được.

Bài tập 3:

Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao

từ đó.	vừa lia qua. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như 2 lưỡi liềm máy làm việc. Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Đến khi định thần lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rửa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cảnh đau khổ vừa gây ra. → Tác dụng: Nhân vật hiện lên sinh động, cử chỉ sống động, gần gũi như con người.
--------	---

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Lập dàn bài, viết bài văn kể lại một trải nghiệm....

.....

Ngày soạn: 11 / 10 /2021

Ngày dạy: 18,23 / 10 /2021- 6A3,4

BUỔI 3:

LẬP DÀN BÀI, VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Ôn lại kiến thức văn kể chuyện:

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân
- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

2. Năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? ? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao? ? Để viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân em cần làm theo trình tự nào?	I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm: - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. - Tập trung vào sự việc đã xảy ra. - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể. II. Các bước làm bài 1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý

	Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?	
	Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?	
	Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?	
	Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?	
	Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?	
c) Lập dàn ý - <i>Mở bài</i> : giới thiệu câu chuyện. - <i>Thân bài</i> : kể diễn biến câu chuyện. + Thời gian + Không gian + Những nhân vật có liên quan + Kể lại các sự việc - <i>Kết bài</i> : kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân. 2. Viết bài - Kể theo dàn ý - Nhất quán về ngôi kể - Sử dụng những 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại bài viết theo.		

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề bài 1:

Đề bài 1: Hãy kể lại một trải nghiệm mà em ấn tượng nhất.

Hướng dẫn làm bài

GV hướng dẫn HS chọn trải nghiệm mà em ấn tượng nhất (chuyến đi tham quan cùng các bạn trong lớp, chuyến đi du lịch cùng gia đình...)

- Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài.
- Về về nội

1. Mở bài:

- Giới thiệu câu chuyện.
- Ấn tượng của em em về câu chuyện đó.

2. Thân bài

- Giới thiệu kỷ niệm về chuyến trải nghiệm
- Xảy ra trong thời gian, không gian nào?
- Nhân vật liên quan đến câu chuyện (hình dáng, tuổi tác, tính cách, cách cư xử của người đó...)
- Diễn biến của câu chuyện.
- Điểm điểm của câu chuyện.
- Thái độ tình cảm của nhân vật trong câu chuyện.

3. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.

Bài văn tham khảo:

Mỗi lần về quê thăm ông bà ngoại, tôi đều có những trải nghiệm thật đáng nhớ. Vùng quê thanh bình đem đến nhiều điều tuyệt vời và thú vị.

Đó có thể là những buổi sáng thức dậy thật sớm để cùng ông đi dạo trên cánh đồng lúa mênh mông, cảm nhận hương thơm của bông lúa mới. Đó là những bữa cơm ngon lành mà bà ngoại nấu, dù giản dị nhưng chan chứa tình yêu thương của bà. Đó là những buổi chiều cùng đám bạn trong xóm đi thả diều, bắt cá ngoài đồng. Thật nhiều kỉ niệm đẹp đẽ nhưng có lẽ có một kỉ niệm mà tôi vẫn còn nhớ mãi cho đến bây giờ.

Đó là kỉ niệm xảy ra vào lúc tôi mười tuổi. Tôi và anh Hoàng - anh trai của tôi rủ nhau đi câu cá. Hai anh em tôi ngồi câu cá được một lúc thì nghe thấy tiếng hò reo sôi nổi. Phía đằng xa là một nhóm học sinh đang thi bơi lội. Chúng tôi chạy đến chỗ cuộc thi diễn ra. Thì ra là nhóm bạn hàng xóm tôi mới quen hôm trước. Tôi cảm thấy rất thích thú, liền đề nghị được tham gia. Tôi liền rủ anh Hoàng nhưng anh lại từ chối. Tôi biết vì sao anh Hoàng từ chối tham gia. Trước đây, anh từng đạt giải Nhất cuộc thi bơi của thành phố. Anh rất yêu thích bơi lội. Bạn bè, người thân đều nói anh có tài năng. Nhưng vì một sự cố, anh đã từ bỏ ước mơ của mình. Điều đó đã khiến tôi cảm thấy rất buồn...

Nhóm thi đấu của chúng tôi gồm có năm người. Trọng tài là Tuấn - người bạn hàng xóm thân thiết nhất của tôi. Sau khi trọng tài còi bắt đầu hiệp đấu. Hai tuyển thủ từ tư thế chuẩn bị đã nhanh chóng vào cuộc đua. Tiếng hò hào, cổ vũ vang vọng khắp con sông. Các đối thủ ngang sức ngang tài, không ai chịu kém ai vẫn đang bơi song song nhau. Tôi cố gắng bơi hết sức. Bỗng nhiên tôi cảm thấy chân bên trái của mình bị tê. Tôi bơi chậm lại rồi dần tụt lùi phía sau. Tôi nghe thấy có tiếng ai hoảng hốt kêu lên: “Hình như thằng Lâm bị chuột rút rồi”.

Tôi vùng vẫy trong nước. Nhưng không thể bơi tiếp. Không biết bản thân đã uống biết bao nhiêu là nước. Trong lúc mê man, tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc: “Lâm ơi, em ơi! Mau tỉnh lại đi em!”. Cho đến khi tỉnh táo thì tôi đã thấy anh Hoàng trước mặt mình. Khuôn mặt của anh đầy lo lắng. Hình như chính anh Hoàng là người đã cứu tôi.

Tôi dần dần tỉnh lại. Tôi thấy mọi người xung quanh đều thở phào nhẹ nhõm. Có tiếng nói cất lên: “Anh Hoàng tài thật, ở khoảng cách xa như vậy mà đã cứu được Lâm một cách thần kỳ!”. Có tiếng hưởng ứng: “Đúng vậy!”, “Đúng vậy!”... Tôi mỉm cười, lòng đầy tự hào rồi nhìn anh Hoàng, khẽ nói: “Cảm ơn anh!”.

Nhờ có trải nghiệm ngày hôm đó, tình cảm của hai anh em càng trở nên thân thiết. Không chỉ vậy, anh Hoàng còn quay trở lại tập luyện để chuẩn bị cho cuộc thi bơi dành cho thiếu niên sắp diễn ra. Một trải nghiệm nhỏ nhưng đem đến cho anh em tôi thật nhiều điều tốt đẹp.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đề bài 2: Hãy kể lại một trải nghiệm mà em ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng em.

1. Mở bài

Giới thiệu về người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

2. Thân bài

- Lý do xuất hiện trải nghiệm.

- Diễn biến của trải nghiệm:

- Thời gian, địa điểm diễn ra trải nghiệm.
- Ngoại hình, tâm trạng: khuôn mặt, ánh mắt, nụ cười...
- Hành động, cử chỉ: trò chuyện, giúp đỡ...
- Tình cảm, cảm xúc: yêu quý, trân trọng, biết ơn...

3. Kết bài

- Bài học nhận ra sau trải nghiệm.
- Thái độ, tình cảm đối với người thân sau trải nghiệm.

Bài văn tham khảo

Câu chuyện xảy ra cách đây hai tháng trước, nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi lại cảm thấy mọi thứ như vừa mới xảy ra. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi có một trải nghiệm tuyệt vời như vậy.

Nhân dịp mừng 8 tháng 3, bố, tôi và em Thu đã quyết định sẽ tặng cho mẹ một món quà đặc biệt - đó là một bữa tiệc thịnh soạn do chính tay ba bố con tôi chuẩn bị. Tôi đã lên kế hoạch để nhờ cô Hòa - đồng nghiệp của mẹ giúp đỡ. Cô sẽ rủ mẹ đi mua sắm sau giờ làm để bố con tôi có thời gian chuẩn bị mọi thứ.

Buổi chiều hôm đó, sau khi tan học, tôi cố gắng về nhà thật sớm. Bố cũng đã xin công ty cho về sớm. Lúc về đến nhà, tôi thấy trên bàn đã có một bó hoa rất đẹp. Một bó hoa hồng nhung thật đẹp. Loài hoa tượng trưng cho tình yêu. Tôi thầm nghĩ khi nhận được bó hoa này chắc chắn mẹ sẽ rất hạnh phúc.

Sau khi dọn cất sách vở, tôi liền vào bếp giúp bố. Tôi phụ trách rửa rau, thái thịt và nấu cơm. Còn việc chế biến món ăn sẽ do đảm nhận. Em Thu phụ trách dọn lau dọn bàn ăn, chuẩn bị bát đĩa. Hơn hai tiếng đồng hồ trôi qua, ba bố con tôi đã hoàn thành những món ăn mà mẹ thích: sườn xào chua ngọt, đậu kho thịt, canh cá chua ngọt... Những món ăn hấp dẫn, đẹp mắt đã được dọn lên bàn. Ở giữa bàn còn là một lọ hoa hồng do chính tay tôi tự cắm. Sau khi làm xong hết mọi công việc, ba bố con tôi đều đồng ý với nhau rằng công việc quả nội trợ quả thật rất vất vả.

Đến bảy giờ tối, tôi nhắn tin báo cho cô Hòa mọi việc chuẩn bị đã xong. Khoảng mười lăm phút sau thì mẹ đã về đến nhà. Em Thu được giao nhiệm vụ đón mẹ. Khi mẹ bước vào bếp, bố đã cầm bó hoa hồng tặng mẹ. Lúc đó tôi nhìn thấy khuôn mặt của mẹ rất ngạc nhiên, kế tiếp là nụ cười hạnh phúc. Cả gia đình ngồi vào bàn ăn. Mẹ đã rất ngạc nhiên khi nghe tôi kể về quá trình nấu ăn của ba bố con. Chúng tôi cùng nhau ăn cơm thật vui vẻ, mẹ còn khen các món ăn rất ngon. Buổi tối hôm đó, gia đình tôi ngập tràn tiếng cười hạnh phúc.

Đó là lần đầu tiên tôi được trải nghiệm công việc nấu ăn. Nhờ vậy mà tôi nhận ra mẹ đã vất vả như thế nào để nấu cho chúng tôi những bữa cơm ngon. Bởi vậy mà tôi cảm thấy thương và yêu mẹ nhiều hơn.

Đề bài 3: Hãy kể lại một trải nghiệm khiến em ân hận.

1. Mở bài: Giới thiệu về người thân và sự việc, tình huống người thân khiến em ân hận.

2. Thân bài

a. Giới thiệu khái quát về câu chuyện

- Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện.
- Giới thiệu những nhân vật có liên quan đến câu chuyện.
- b. Kể lại các sự việc trong câu chuyện
- Điều gì đã xảy ra?
- Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?
- Cảm xúc của người viết khi xảy ra câu chuyện, khi kể lại câu chuyện?

3. Kết bài

Nêu cảm xúc của người viết với câu chuyện đã xảy ra.

Bài viết tham khảo

Tôi là một đứa trẻ ham chơi nên đã từng gây ra nhiều lỗi lầm. Câu chuyện xảy ra khi tôi còn học lớp 5, nhưng là một trải nghiệm mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi.

Vì là con trai nên tôi rất mê chơi game. Hôm đó là buổi tối thứ năm. Tôi đang ngồi học bài nhưng lại suy nghĩ về trận đấu lúc chiều. Càng nghĩ, tôi càng cảm thấy không phục vì đã thua Hoàng - cậu bạn cùng lớp mới chơi game chưa được bao lâu nhưng đã đánh thắng mình. Bởi vậy, tôi quyết tâm phải luyện tập thêm để phục thù. Nghĩ vậy, tôi liền thu dọn sách vở rồi xuống nhà. Thấy mẹ đang ở trong bếp, tôi nói với mẹ:

- Mẹ ơi, con có bài tập khó quá không làm được. Con mang sang nhà Tuấn nhờ bạn giải giúp nhé?

Mẹ đồng ý và dặn tôi về sớm vì bố sắp đi làm về. Tôi chỉ vâng dạ cho có rồi nhảy lên xe đạp đi luôn. Nhưng tôi không sang nhà Tuấn mà đến quán điện tử gần trường. Ngồi vào bàn, tôi cảm thấy phấn chấn lạ lùng, mãi chơi đến quên cả thời gian. Bỗng có một bàn tay đập vào vai tôi:

- Muộn quá rồi, về cho bác còn đóng cửa!

Bác chủ nhà nhắc nhở rồi chỉ tay lên đồng hồ. Mười một giờ ba mươi phút. Tôi nhanh chóng trả tiền cho bác chủ quán rồi dắt xe ra về. Vừa đạp xe, tôi vừa nghĩ sẽ giải thích cho bố mẹ như thế nào. Chắc hẳn bố mẹ sẽ rất tức giận. Bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng xe máy quen thuộc đang tới gần, một giọng nói nghiêm nghị vang lên:

- Đức, con đã đi đâu mà giờ mới về nhà?

Hai đầu gối bủn rủn, tôi đứng như trời trồng, miệng lắp bắp:

- Bố... bố... đi tìm con ạ?

- Đúng vậy! Mẹ nói là con đến nhà Tuấn nhờ bạn giảng bài, nhưng bố sang nhà bạn thì không thấy con ở đó nên đã đi tìm.

- Con... con...

- Thôi, muộn rồi, mau về nhà đi con!

Tôi đi bên cạnh bố mà lòng cảm thấy thật có lỗi. Khi bước vào nhà, tôi thấy mẹ vẫn đang ngồi chờ ở phòng khách. Tôi chỉ biết im lặng chờ đợi những câu mắng của bố. Nhưng không, tôi chỉ nghe thấy mẹ hỏi:

- Đức, con đi đâu mà giờ này mới về? Đã ăn cơm chưa?

Khi nghe mẹ nói vậy, tôi òa khóc. Tôi liền xin lỗi bố mẹ, rồi thành thật kể lại mọi chuyện. Bố liền nói với tôi:

- Tuổi trẻ thường hiếu thắng, thích hơn thua với bạn bè. Đó không phải là điều gì sai trái. Nhưng việc con nói dối mẹ để đi chơi là điều không đúng. Việc chơi game, bố mẹ không

phản đối nhưng nếu con chơi quá nhiều sẽ không tốt cho sức khỏe, hay việc học tập. Bố mong con ý thức được điều đó.

Tôi nhìn bố, ánh mắt nghiêm nghị của bố nhìn tôi. Tôi đã nhận ra sai lầm của mình. Tôi liền hứa với bố mẹ sẽ không tái phạm cũng như cố gắng học hành chăm chỉ hơn. Cũng nhờ có trải nghiệm này, mà tôi nhận ra tình yêu thương lớn lao mà bố mẹ dành cho mình.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức về cách viết một bài văn kể lại một trải nghiệm
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: **Chuyện cổ tích về loài người**
-

Ngày soạn: 18 / 10 / 2021

Ngày dạy: 23, 27 / 10 / 2021 - lớp 6A3, 4

BUỔI 4:

ÔN TẬP:

VĂN BẢN : CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI (Xuân Quỳnh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực ngôn ngữ: đọc trôi chảy, hiểu đúng văn bản thuộc thể loại thơ, viết được đoạn văn cảm nhận về một đoạn thơ trong văn bản
- Năng lực văn học: Tiếp nhận, giải mã cái hay cái đẹp trong văn bản, nhận xét, đánh giá đặc sắc về hình thức nghệ thuật, tiếp nhận đúng sáng tạo thông điệp về nội dung.

3. Phẩm chất:

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG 1. Tác giả - Họ tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh; - Năm sinh – năm mất: 1942 – 1988; - Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà Tây, nay là Hà Nội. - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trù mệ có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ em. - Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: <i>Lời ru mắt đờ</i>, <i>Bầu trời trong quả trứng</i>, <i>Bến tàu trong thành phố</i>,... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là bài thơ được rút ra từ tập thơ <i>Lời ru trên mặt đất</i>, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52. b. Nhân vật: - Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo.... - Nhân vật chính: trẻ em; c. Sự việc: Sự ra đời của trẻ con, sự ra đời của thiên nhiên, sự ra đời của gia đình, sự ra đời của xã hội d. Phương thức biểu đạt: trữ tình kết hợp tự sự và miêu tả; e. Bố cục: 2 phần + Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời; + Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời Khổ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra; Khổ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru Khổ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có niềm vui về thế giới Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và kiến thức.

f. Giá trị nghệ thuật

- Nhan đề và thể loại:

+ Thể loại: thơ □ phương thức biểu đạt: biểu cảm

Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không gí hạn số lượng dòng trong một bài;

Sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ (*Từ cánh cò rất **trắng**/ Từ vị gù, rất **đắng**/ [...]/ Từ bãi sông cát **vắng***);

Mỗi dòng đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 □ tạo âm điệu nhịp nhàng như t thi, tâm tình, gần gũi với trẻ em:

Trời sinh ra trước nhất

Chỉ toàn là trẻ con

[...]

Màu xanh bắt đầu cò

Màu xanh bắt đầu cây

Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức biểu cảm kết hợp tự sự; nhan đề **chuyện cổ tích** gợi liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện c loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích ngu gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo.

□ Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo.

- Mạch thơ tuyến tính;

g. Nội dung

Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời và sự thay đổi sau khi trẻ con ra đời.

Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?	Nêu sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì c trẻ em đối với thế giới?		
- Sinh ra trước nhất: chỉ toàn là trẻ con - Khung cảnh:	Mặt trời	Giúp trẻ con nhìn rõ	+ Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng. =>Ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tậ của thế giới, là tương lai của thế giới
	Cây, cỏ, hoa	Giúp trẻ con cảm nhận màu sắc	
	Tiếng chim,	Giúp trẻ con cảm nhận âm	

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.
- Hình thức vấn đáp.

- HS trả lời. - GV chốt kiến thức	+ Không có ánh sáng, màu sắc + Không đáng cây ngọn cỏ + Không mặt trời + Chỉ toàn là màu đen.	làn gió	thanh	=> Mỗi sự thay đổi trên thế giới đã bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.
		Sông	Giúp trẻ con có nước để tắm	
		Biển	ý nghĩ, cung cấp thực phẩm, phương tiện	
		Đám mây, con đường	Giúp trẻ con tập đi	
		Thầy giáo	Dạy dỗ cho trẻ em	

2. Những món quà mà mẹ, bà, bố đem đến cho trẻ những món quà.

Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào?				
Sự ra đời của gia đình	Mẹ	Mang đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc	- Món quà tình cảm mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ thơ chính là tình yêu của mẹ ước mong của mẹ dành cho trẻ thơ: + Cái bồng cái bang vốn chỉ những em bé ngoan ngoãn, chăm chỉ trong bài ca dao: nhắc nhở các em hãy là những người con hiếu thảo, yêu thương, giúp đỡ cha mẹ + Cánh cò trắng biểu tượng cho người nông dân vất vả, một nắng hai sương kiếm ăn mà vẫn quanh năm thiếu thốn. Tuy hoàn cảnh sống lam lũ, cực nhọc nhưng họ vẫn giữ tấm lòng trong sạch. + Vị gừng cay trong lời ru của mẹ nhắc nhở tình cảm yêu thương chân thành của con người sẽ càng trở nên mặn mà, đậm thấm qua thời gian, nhắc nhở sự chung thủy => Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ	
	Bà	Mang đến những câu chuyện ngày xưa,	+ <i>Tám Cám, Thạch Sanh</i> : Ước mơ về lẽ công bằng sẽ gặp lành, ở ác sẽ bị quả báo; + <i>Cóc kiện trời</i> : Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh; + <i>Nàng tiên ốc, Ba cô tiên</i> : Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp. => Những câu chuyện cổ tích đó mang đến cho trẻ thơ những bài học về triết lí	

		ngày sau	sống nhân hậu, ở hiền gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.
	Bố	Mang đến những hiểu biết, dạy con ngoan, biết nghĩ, có kiến thức	Truyền dạy những tri thức về thiên nhiên và cuộc sống. Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương. Bố giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ.

3. Người thầy và những phương tiện dạy học:

Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những

Sự ra đời của xã hội	Chữ, bàn, ghế, lớp, trường, bảng, phấn	Mang đến hiểu biết, nền văn minh	=>Người thầy cùng với những phương tiện dạy học đơn sơ đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng mơ đẹp,... giúp trẻ thơ trưởng thành
	Thầy giáo	Dạy dỗ cho trẻ em	

(6) Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.

(7). Căn cứ để xác định đây là một bài thơ:

- Về nghệ thuật:

+ Phương thức: Biểu cảm (mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc)

+ Số lượng tiếng: mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp thakho và không giới hạn số lượng dòng trong một bài.

+Vần: Bài thơ sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ, ví dụ:

Từ cánh cò rất trắng

Từ vị gừng rất đắng

Từ vết lấm chưa khô

Từ đầu nguồn cơn mưa

Từ bãi sông cát vắng...

+Nhịp:Mỗi dòng thơ đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, tạo âm điệu nhànghang. Ví dụ:

Trời sinh ra/ trước nhất

Chỉ toàn là/ trẻ con

Màu xanh/ bắt đầu có

Màu xanh/ bắt đầu cây

- + Biện pháp tu từ: Điệp cấu trúc (*Màu xanh bắt đầu bằng...; Tiếng hát song... biển...; Từ chuyện... bố bảo....; rồi có...*), liệt kê: (*Trường từ vựng thiên nhiên, trường từ vựng về những bài hát ru, câu chuyện cổ tích, trường, lớp*)
 - Về nội dung: tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ.
- (8) Bài thơ có nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người*
- Giống:
 - + Đề nói về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người của loài người
 - + Đề có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo
 - Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh:
 - + Không phải người lớn mà là trẻ con được sinh ra trước nhất. Trẻ con chỉ là trung tâm của vũ trụ cần được nâng niu, hướng dẫn; vạn vật trên trái đất được sinh ra là vì trẻ em; những người thân như ông bà, bố mẹ được sinh ra là để che chở, yêu thương, nuôi dạy trẻ em khôn lớn thành người.
 - + Cách kể mang nét độc đáo của lời tâm tình từ trái tim một người mẹ dạt tình cảm yêu mến cho trẻ thơ, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng. *Sinh con rồi mới sinh cha/ Sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông.*
 - Sự khác biệt ấy thể hiện thông điệp nhà thơ muốn nhắn gửi:
 - + Tôi trẻ em: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình bởi họ dành cho các em những tình cảm tốt đẹp nhất. Tình cảm cần được thể hiện qua những lời nói, hành động, việc làm cụ thể, giản dị hằng ngày.
 - + Tôi các bậc làm cha mẹ: Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho các em những điều tốt đẹp nhất bởi các em chính là tương lai của gia đình, của nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương chăm sóc, dạy dỗ để khôn lớn, trưởng thành.
- (9) Nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người* là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo.

III. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

Hướng dẫn làm bài

- Giáo viên hướng dẫn HS lựa chọn một đoạn thơ các em yêu thích nhất và viết đoạn văn.
- Ví dụ về đoạn thơ sau:

*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bé bỗng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang*

*Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng, ...*

- Đoạn văn cần làm nổi bật được các ý sau:

- + Khái quát nội dung trước đó của bài thơ: trên trái đất những đứa trẻ sinh ra trước tiên.
- + Đoạn thơ đã dần tiếp nối mạch theo ấy: để cho trẻ có tình yêu và lời ru nên mẹ được sinh ra.
- + Mẹ mang đến cho trẻ lời ru bất tận được mang về từ mọi nơi: cái bóng cái bang, cánh hoa, cánh cò, vị gừng, vết lấm chưa khô, bờ sông cát vắng ...
- + Điệp ngữ **từ** và những hình ảnh thơ phong phú, sinh động đã gọi lên hình ảnh thế giới qua mắt trẻ nhỏ rất xinh xắn, ngây thơ đồng thời thể hiện được tình yêu thương bao la của mẹ (muốn mang cả thế giới đến cho con), lột tả được những nhọc nhằn, vất vả mà mẹ đã trải qua để nuôi dạy con.

Đoạn văn tham khảo:

Trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* của tác giả Xuân Quỳnh, em rất thích đoạn thơ viết về sự xuất hiện của mẹ:

*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bé bỏng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng, ...*

Theo tác giả, vì trẻ cần tình yêu và lời ru nên mẹ xuất hiện. Nhiệm vụ của mẹ là *bé bỏng chăm sóc bé*, mang về cho trẻ *tiếng hát*, đưa trẻ đến với những vật nhỏ xinh, bình dị, đáng yêu từ *cái bóng cái bang*, *cái hoa rất thơm*, *cánh cò rất trắng*, *vị gừng rất đắng*, *vết lấm chưa khô* ... Tác giả rất tài tình khi lặp lại từ "từ" ở 7 câu thơ liên tiếp, kết hợp với cách gieo vần linh hoạt khiến cho âm hưởng của đoạn thơ réo rắt, xốn xang, bồi hồi, mơ màng như một khúc hát ru dân ca, tạo nhịp điệu đung đưa cánh vồng tuổi thơ như vòng tay ôm ấp, bàn tay vỗ về của mẹ. Đoạn thơ bát ngát chất trữ tình ngọt ngào, tha thiết của mẹ giúp chúng ta bồi hồi, xúc động nhớ về những lời ru tha thiết của mẹ từ thuở còn được mẹ bế bồng đến bây giờ khi đã khôn lớn vẫn ngập tràn hạnh phúc vì mẹ vẫn luôn là bầu trời hạnh phúc bình yên của chúng ta.

3. Cũng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
 - Hoàn thiện các bài tập
 - Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Văn bản **Mây và sóng**.
-

BUỔI 5:

Ngày soạn: 25/ 10 /2021

Ngày dạy: 31,7 / 10,11/2021-6A3,4

ÔN TẬP:

VĂN BẢN 2: MÂY VÀ SÓNG (Rabindranath Tagore)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Hiểu được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về cuộc đời thoải mái, tự do của em với những người sống trên “mây và sóng”.
- Nắm được những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.
- Củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*;
- Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, năng lực làm việc nhóm...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mây và sóng*, *Bức tranh của em gái tôi*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mây và sóng*, *Bức tranh của em gái tôi*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề....

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiểu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.
- Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức.	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Tác giả - Tên: Rabindranath Tagore - Năm sinh – năm mất: 1861 – 1941 - Quê quán: Ấn Độ - Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: <i>Mây và sóng</i> được in trong tập <i>Trăng non</i>. b. Người kể chuyện: em bé; c. Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả; d. Thể loại: thơ văn xuôi (thơ tự do); e. Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu... và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”; + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”. f. Nghệ thuật - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại; - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển; - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. g. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM 1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng” - Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.

- Hình thức văn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức

+ Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vàng trắng bạc khi đêm về);

+ Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).

Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn;

- Cách đến với họ:

+ Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;

+ Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.

Lời mời gọi của những người sống “trên mây”, “trong sóng” chính là tiếng gọi của thế giới diệu kỳ, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn.

Gọi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi.

2. Lời từ chối của em bé

- Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:

+ *Nhưng làm thế nào mình lên đó được?*

+ *Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?*

Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ.

- Lời từ chối của em bé:

+ *Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?*

+ *Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*

Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”. Với em bé, được ở bên mẹ, làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm hạnh phúc không gì sánh được.

3. Trò chơi của em bé

- Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trườn lên người mẹ;

- Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.

Tình cảm mẹ con sâu sắc:

a. Tình cảm em bé dành cho mẹ

- Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ;

- Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;

- Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được

	quần quýt bên mẹ - như mây quần quýt bên vàng trắng, như sóng vui đùa bên bờ biển. b. Tình cảm mẹ dành cho em bé - Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: <i>mẹ mình đang đợi ở nhà, buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà;</i> - Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về; - <i>Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào</i> Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông. Cả bài thơ là tương quan của tình mẫu tử với thiên nhiên, vũ trụ Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.
--	---

II. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1

Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

*Con lặn, lặn, lặn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ
Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*

Hướng dẫn làm bài

Đoạn văn cần thể hiện được các ý sau:

- Em bé bày tỏ những trò chơi mà người tham gia chỉ là hai mẹ con.
- Điều này thể hiện tình yêu vô cùng sâu sắc, chân thành của chú bé dành cho mẹ.
- Tình yêu ấy vượt lên cả thú vui thường ngày, mãnh liệt tới mức muốn lặn át những thú lớn lao khác.

Đoạn văn tham khảo

Bài thơ Mây và sóng của tác giả Ta-go là lời một em bé thủ thỉ kể chuyện với mẹ về những lời mời gọi dẫn của những người trên mây và trong sóng. Lời mời gọi nào cũng rất hấp dẫn, quyến rũ và thiết tha, nhưng bằng tình yêu thương mẹ, em đã từ bỏ ham muốn được đi chơi cùng với những người trên mây và trong sóng để được ở nhà với mẹ, để được cùng mẹ:

*Con lặn, lặn, lặn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ
Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*

Tình mẫu tử thật thiêng liêng, bất diệt như sóng biển vỗ vào bờ ngàn năm không nghỉ và lòng mẹ thật bao la khi luôn bao dung, mở rộng để được ôm ấp, được che chở cho con. So sánh tình mẹ con gắn với hình ảnh trên mây và trong sóng, tác giả đã nâng tình cảm đến mức không giới hạn. Đặc biệt, câu thơ: *Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào* hàm ý của câu thơ chính là *mẹ con ta* sẽ ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia cắt được tình mẫu tử, vì tình mẫu tử thiêng liêng và bất diệt.

Bài tập 2

Hãy tưởng tượng em đang là người trò chuyện với mây và sóng. (Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

"Mây" và "sóng" cùng đến rủ em đi chơi. Mây mang em đến muôn vàn trò chơi: "Ở thế giới cao xa kia, cậu sẽ được cùng chúng tớ nhảy múa, ca hát". Em vô cùng háo hức "Mọi thứ

đẹp đến thế sao?". Tung mình cùng những cánh chim, ngắm mọi cảnh vật trên thế gian này và hơn thế là được tự do bay lượn, đó là khao khát đẹp đối với mỗi con người. Sóng cũng đưa em đến với thế giới của bao khao khát: tự do, chạy nhảy tung tăng, đắm mình trong làn nước mát... Thế giới muôn màu hấp dẫn em vô cùng, vô tận. Thế nhưng, thế nhưng nếu em chỉ mãi nô nghịch với mây, với sóng, chắc mẹ sẽ buồn lắm vì thiếu tiếng cười, tiếng nói của em. Có lẽ em sẽ từ biệt hai người bạn để được ở bên mẹ, người bạn, người thân và người thương của em.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Văn bản **Thực hành TV**.

BUỔI 6:

Ngày soạn: / 10 / 2021

Ngày dạy: / / 2021- 6A3,4

ÔN TẬP: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, NHÂN HÓA, ĐIỆP NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ....

2. Năng lực

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

I. Lý thuyết

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức về các biện pháp tu từ. - Hình thức vấn đáp.	1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- HS trả lời. - GV chốt kiến thức	- Ví dụ: Mặt trời xuống biển như hòn lửa 2. Nhân hóa - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt. - Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa 3. Điệp ngữ - <i>Điệp ngữ</i> là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. - Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng) Ví dụ: Một bầy gà mà bơi trong bể Chết ba con hỏi còn mấy con
---	--

II. Luyện tập:

Bài tập 1:

? Tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh trong các bài *Bài học đường đời đầu tiên*. Cho biết tác dụng của việc sử dụng phép so sánh trong văn bản trên.

Hướng dẫn làm bài

- Những câu có sử dụng phép so sánh trong bài *Bài học đường đời đầu tiên*:
- + Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.
- + Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.
- + Cái chàng đế Choắt người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.
- + Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn như người cởi trần mặc áo gi-lê.
- + Mỏ cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất
- Tác dụng: Miêu tả một cách sinh động hình dáng, tính cách của thế giới loài vật.

Bài tập 2:

? Chỉ ra và cho biết tác dụng của phép tu từ so sánh trong những câu sau:

a.

*“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”*

(*Quê hương*, Tế Hanh)

b. *Cày đồng đang buổi ban trưa*

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

(Ca dao)

Hướng dẫn làm bài

a.

- Phép so sánh:

+ *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

+ *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

- Tác dụng: Khắc họa một cách sống động bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống với cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi căng tràn khí thế; thể hiện tình yêu quê hương thắm thiết, ca ngợi nhiệt tình lao động của những người dân chài lưới.

b.

- Phép so sánh: *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*

- Tác dụng: diễn tả nỗi vất vả, cực nhọc của người nông dân cày ruộng lúc ban trưa. Đồng thời qua đó, tác giả dân gian muốn ca ngợi thành quả lao động của họ và nhắc nhở chúng ta phải biết quý trọng thành quả lao động đó.

Bài tập 3:

Tìm 5 câu ca dao có sử dụng phép nhân hoá.

Hướng dẫn làm bài

1. Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
2. Núi cao chi lắm núi ơi,
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.
3. Núi cao bởi có đất bồi,
Núi chề đất thấp, núi ngồi ở đâu ?
4. Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chề sông nhỏ biển đâu nước còn.
5.
Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt. . .

Bài tập 4:

Đặt hai câu, nội dung tùy chọn có sử dụng phép nhân hóa?

Hướng dẫn làm bài

- a. Trên cánh đồng, những bác trâu đang thung thăng gặm cỏ.
- b. Bình minh vừa ló rạng, các nàng sơn ca đã cất cao tiếng hát.

Bài tập 5:

Bài tập 1: Tìm điệp ngữ trong các đoạn trích dưới đây và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào ?

a. *Mưa rả rích đêm ngày. Mưa tối tăm mặt mũi. Mưa thối đất, thối cát. Trận này chưa qua, trận khác đã tới, hung tợn hơn.*

(Ma Văn Kháng)

b. Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu
Mai sau,
Mai sau,
Mai sau,
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

(Nguyễn Duy)

c. Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay...

(Ca dao)

Hướng dẫn làm bài

- Điệp ngữ “mưa”: Điệp ngữ cách quãng.
- Điệp ngữ “mai sau”: Điệp ngữ nối tiếp
- Điệp ngữ “nụ tầm xuân”: Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).

Bài tập 6:

Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và hiệu quả diễn đạt của nó.

a. Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

- b. “Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ”

(Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh)

Hướng dẫn làm bài

- a. Điệp từ: Từ “lồng” được nhắc lại 2 lần trong một câu thơ: “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”.

- Giúp ta hình dung: ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ lồng vào những bông hoa hay ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ in hình xuống mặt đất như những bông hoa xinh xắn tạo nên bức tranh trắng lung linh, huyền ảo.

- Điệp từ “lồng” có tác dụng làm cho cảnh vật đan lồng vào nhau tạo nên bức tranh nhiều tầng lớp, đường nét, hình khối lung linh ánh sáng. Nét đậm là dáng hình cổ thụ trên cao lấp lánh ánh sáng, nét nhạt là bóng cây là lung linh xao động trên mặt đất.

- Điệp từ lồng còn có tác dụng, làm cho ba vật thể (Trăng, cổ thụ, hoa) vốn dĩ cách xa nhau đan cài quấn quýt, hoà quyện vào nhau, soi sáng cho nhau rất hữu tình.

- Qua đó cho thấy tâm hồn nhà thơ- tâm hồn thi sĩ nhạy cảm với cái đẹp và có tình yêu thiên nhiên say đắm.

b. Biện pháp tu từ được sử dụng: điệp ngữ.

-Điệp từ “vì” được nhắc lại 4 lần chủ yếu là đầu mỗi dòng thơ.

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh những lí do cảm sùng của người chiến sĩ: rất lớn lao cao cả nhưng cũng rất bình thường, giản dị.

+ Làm nổi bật, khắc sâu mối quan hệ giữa các tình cảm đó, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những điều bình thường, giản dị: tình cảm dành cho người thân ruột thịt, những kỉ niệm bình dị của tuổi thơ. Những tình cảm đó là cội nguồn sâu xa của tình yêu tổ quốc, làm cho tình yêu tổ quốc nồng nàn hơn, tha thiết hơn trong trái tim người chiến sĩ.

+ Diễn tả tình yêu tổ quốc thiết tha, cháy bỏng, thôi thúc người chiến sĩ cầm chắc tay súng, chiến thắng kẻ thù.

+ Góp thêm một định nghĩa về tình yêu Tổ quốc đơn sơ, giản dị mà sâu sắc.

=> Mục đích chiến đấu cao cả của người chiến sĩ là lẽ sống cao đẹp của cả dân tộc ta thời đại đánh Mỹ anh hùng.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: **Bức tranh của em gái tôi.**

BUỔI 6:

Ngày soạn: / 10 /2021

Ngày dạy: / / 2021- 6A3,4

ÔN TẬP: TIẾT 2: ÔN TẬP VĂN BẢN: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*;

- Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG 1. Tác giả - Tên: Tạ Duy Anh; - Năm sinh: 9/9/1959; - Quê quán: Hà Tây (nay là Hà Nội); - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: Truyện ngắn <i>Bức tranh của em gái tôi</i> đạt giải nhì trong cuộc thi viết <i>Tương lai vậy gọi</i> của báo Thiếu niên Tiền phong 1998. b. Thể loại: truyện ngắn c. Nhân vật chính: Kiều Phương – Mèo; d. Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người anh – nhân vật “tôi”; e. Bố cục: 3 phần: + Phần 1: Từ đầu... <i>vui lắm</i> : giới thiệu về em gái Kiều Phương – Mèo; + Phần 2: Tiếp theo... <i>để nó phát huy tài năng</i> : Tài năng của Mèo được mọi người phát hiện; + Phần 3: Tiếp theo... <i>hết</i> : Diễn biến tâm trạng của nhân vật tôi sau khi cả nhà phát hiện và quan tâm đến tài năng của Mèo. f. Tóm tắt:

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.

- Hình thức văn bản.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức

Kiều Phương là cô gái hay lục lọi đồ và thường bôi bẩn lên mặt. Cô bé có sở thích vẽ tranh nên thường bí mật pha chế màu và vẽ. Khi mọi người phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa thì người anh lúc này tỏ ra ghen tị và xa lánh em. Kiều Phương đạt giải nhất tại trại thi vẽ tranh quốc tế với bức vẽ “anh trai tôi”, lúc này người anh trai mới nhận ra tấm lòng nhân hậu của em và hối lỗi về bản thân mình.

g. Nghệ thuật

- Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua cách kể ngôi thứ nhất □ gần gũi, đáng tin vì đó như một trải nghiệm được kể lại.

h. Nội dung, ý nghĩa

- Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ.
- Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Nhân vật Kiều Phương

Biệt danh: Mèo

Ngoại hình: Luôn bị bôi bẩn

Cử chỉ, Hành động: Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/ Vẽ anh trai

Tài năng: Vẽ rất đẹp

Thái độ: Không giận dỗi, vui vẻ

-> Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu

2. Nhân vật người anh

- Trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình

+ Vui vẻ thân thiết và có phần xem thường khi thấy em chế màu vẽ

+ Buồn bã, mặc cảm đố kỵ, xa lánh em khi tài năng của em được phát hiện

- Sau khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình

+ Ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ, ân hận

- Người anh có sự thay đổi thái độ bởi đã nhận ra lỗi lầm của mình (ích kỉ, ghen tị tầm thường) và tấm lòng thánh thiện của em gái.

- Bức tranh là tác phẩm nghệ thuật chân chính được sáng tạo bằng tài năng và tình cảm trong sáng của người em gái.

3. Bài học ứng xử

- Không nên ganh ghét đố kỵ với tài năng của người khác

- Nhân ái, vị tha trước lỗi lầm của mọi người

III. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1

Đọc kĩ đoạn văn sau trả lời các câu hỏi sau:

“Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.”

(Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh)

Câu 1: Lời kể trong đoạn văn trên là của nhân vật nào trong truyện? Kể về sự việc gì?

Câu 2: Vì sao nhân vật “tôi” lại không thể thân với em gái như trước kia được nữa?

Câu 3: Nêu ý nghĩa của truyện “Bức tranh của em gái tôi” (Tạ Duy Anh)?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Lời kể trong đoạn văn là của nhân vật người anh trong truyện “*Bức tranh của em gái tôi*” (Tạ Duy Anh).

- Đoạn văn kể về tâm trạng, cảm xúc của người anh sau khi tài năng hội họa của em gái được phát hiện.

Câu 2:

- Nhân vật “tôi” – người anh, không thể thân với em gái như trước kia được nữa, vì:

+ Người anh mặc cảm, tự ti nghĩ rằng bản thân không có năng khiếu gì, cảm thấy mình thua kém em.

+ Ghen tuông, đố kỵ với tài năng của em

Câu 3: Ý nghĩa của truyện: Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “*Bức tranh của em gái tôi*” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.

Bài tập 2

Cho đoạn văn:

“Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua những đám đông để xem những bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ”.

(Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh)

Câu 1: Xác định câu trần thuật đơn và tìm chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu trong đoạn trích.

Câu 2: Trong đoạn trích trên, câu nào miêu tả trạng thái, câu nào miêu tả hành động.

Câu 3: Em hãy chỉ ra diễn biến tâm trạng của người anh khi đứng trước bức chân dung chính mình do em gái vẽ ?

Câu 4: Nêu cảm nhận của em về nhân vật em gái Kiều Phương

Câu 5: Em cảm nhận gì về bức tranh?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Xác định thành phần câu:

- Câu 1:

+ Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng: TN

+ những bức tranh của thí sinh : CN

+ treo kín bốn bức tường: VN

- Câu 2.

+ Bố, mẹ tôi: CN

+ kéo tôi đã được đóng khung, lồng kính: VN

- Câu 3.

+ Trong tranh: TN

+ một chú bé : CN

+ đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh: VN

- Câu 4.

+ Mặt chú bé : CN

+ như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ: VN

Câu 2:

- Câu miêu tả trạng thái: Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ.

- Câu miêu tả hành động: Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua những đám đông để xem những bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh.

Câu 3: Tâm trạng của người anh khi đứng trước bức chân dung chính mình do em gái vẽ tặng bất ngờ:

+ Đầu tiên là ngạc nhiên cực độ và giật mình người, không tin vào mắt mình

+ Không làm chủ được cảm xúc: chẳng hiểu sao phải bám chặt vào tay mẹ

+ ngỡ ngàng- hãnh diện- xấu hổ- tự trách- cảm phục- biết ơn

+ im lặng không trả lời mẹ vì quá xúc động – muốn khóc quá.

-> Xúc động sâu sắc, xấu hổ, tự trách, cảm phục, biết ơn

Câu 4: Nêu cảm nhận của em về nhân vật em gái Kiều Phương:

- Một bé gái sớm có tài năng hội họa, giàu tình cảm, nhân hậu, yêu thương những người xung quanh mình. Tình cảm trong sáng, tốt đẹp, hồn nhiên của em đã giúp người anh nhận ra hạn chế ở chính mình: tính đố kỵ, ghen ghét, nhỏ nhen

* Trong cuộc sống cần biết nhân hậu, yêu thương và sống trong sáng -> sẽ được yêu thương và có phần thưởng xứng đáng.

Câu 5: Cảm nhận bức tranh:

+ Toát lên vẻ đẹp trong sáng, trẻ thơ, mơ mộng của chú bé ngồi suy tư bên cửa sổ

+ Thể hiện năng khiếu hội họa, tâm hồn nhân hậu, hồn nhiên, trong sáng.

+ Tình huống bất ngờ để người anh nhận ra những sự thật mới mẻ, tốt đẹp về người em, về mọi người.

Bài tập 3

Đọc đoạn trích sau rồi thực hiện các yêu cầu:

“Một tuần sau em gái tôi trở về trong vòng tay đang sẵn của cả bố và mẹ tôi: Bức tranh của nó được trao giải nhất. Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”.

(Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh)

Câu 1: Nêu xuất xứ của đoạn trích trên?

Câu 2: Tác giả của văn bản có đoạn trích trên là ai?

Câu 3: Nhân vật được người em nhắc đến trong đoạn trích trên là ai? Từ đoạn trích em hiểu gì về những phẩm chất của nhân vật đó?

Câu 4 : Trong văn bản ***Bức tranh của em gái tôi***, tác giả đã để cho nhân vật người anh tự kể lại câu chuyện ở ngôi thứ nhất. Theo em, ngôi kể này có tác dụng gì trong việc thể hiện diễn biến tâm lí nhân vật?

Câu 5: Viết đoạn văn ngắn từ 6-8 câu, nêu cảm nhận của em về nhân vật Kiều Phương trong truyện ngắn Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Xuất xứ: trích trong văn bản “ Bức tranh của em gái tôi ”

Câu 2: Tác giả của văn bản: Tạ Duy Anh

Câu 3:

- Nhân vật bé Kiều Phương

- Qua đoạn trích em hiểu Kiều Phương là cô bé có tài năng hội họa, có tấm lòng bao dung, và cô bé còn rất yêu anh trai của mình.

Câu 4:

Trong văn bản ***Bức tranh của em gái tôi***, tác giả đã để cho nhân vật người anh tự kể lại câu chuyện ở ngôi thứ nhất. Ngôi kể này cho phép tác giả có thể miêu tả diễn biến tâm trạng của người anh một cách tự nhiên nhất. Người anh tự bộc lộ được những suy nghĩ chân thật của mình, đồng thời cũng là dịp để người anh tự suy ngẫm, tự soi xét lại mình và vượt lên trên sự ghen tị nhỏ nhen. Qua đó chủ đề của tác phẩm cũng được bộc lộ rõ hơn.

Bài tập 4

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi. Sau khi có vẽ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục ... đều do nó tự chế. Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhọ nổi vào một cái lọ còn bỏ không. Xong, nó vui vẻ chạy đi làm những việc bố mẹ tôi phân công, vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm.”

(Dẫn theo Ngữ văn 6, Tập 1, NXB Giáo dục, 2005, tr.31)

Câu 1: Đoạn văn trên được kể ở ngôi thứ mấy? Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2: Nhân vật “tôi” và “nó” chỉ ai? Khi thấy “nó” chế thuốc vẽ từ nhọ nôi, nhân vật “tôi” đã có suy nghĩ và hành động gì?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Văn bản được kể theo ngôi thứ nhất, xưng “tôi”

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

- Nhân vật “tôi”: chỉ người anh, nhân vật “nó”: chỉ Kiều Phương (em gái)

- Khi thấy “nó” chế thuốc vẽ từ nhọ nôi :

- Suy nghĩ về việc làm của em: Đó là trò nghịch của trẻ con.

- Hành động: người anh quyết định bí mật theo dõi em gái.

Bài tập 5

Cho đoạn văn:

Tôi giật mình nghĩ. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt nhiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”. Vậy mà dưới mắt tôi thì...

- Con đã nhận ra con chưa? - Mẹ vẫn hỏi hệt.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”.

(Ngữ Văn 6- tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Của tác giả nào?

Câu 2: Đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ nào? Em hãy ghi lại những từ ngữ (câu văn) thể hiện các biện pháp tu từ đó và phân tích tác dụng của chúng trong đoạn văn?

Câu 3: Người anh trong đoạn văn muốn nói với mẹ: “Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy”. Câu nói đó gợi cho em những suy nghĩ gì về nhân vật người anh, về bức chân dung?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

-Đoạn văn trên được trích trong văn bản: Bức tranh của em gái tôi.

-Tác giả: Tạ Duy Anh

Câu 2:

-Đoạn văn trên sử dụng các biện pháp tu từ so sánh.

-Câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh: *Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”.*

- Đoạn văn được tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh: *nhìn như thôi miên*. Đó là đòn cái nhìn một cách tập trung đã tác động vào tâm lí, gây ra trạng thái tựa như ngủ. Cách so sánh đó đã diễn tả được chiều sâu trạng thái tâm trạng của người anh: ngỡ ngàng, ngạc nhiên, hãnh

diện và xấu hổ trước bức chân dung em gái vẽ mình bằng cả tâm hồn, lòng nhân hậu, sự độ lượng.

Câu 3:

* Về hình thức:

-Viết dưới dạng một đoạn văn: đoạn văn có câu mở đoạn; có câu kết đoạn

- Chữ viết sạch, đẹp, không sai lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, lỗi dùng từ, đặt câu.

*Về nội dung: Tùy vào khả năng của HS, song đoạn văn cần làm rõ được nội dung:

+ Câu nói ấy đã chứng tỏ người anh đã nhận ra thói xấu của mình, nhận ra tình cảm trong sáng nhân hậu của em gái và lòng đầy xấu hổ. Điều này cho thấy người anh có thể trở thành người tốt như trong bức tranh của cô em gái.

+ Bức tranh đó chính là hình ảnh của nghệ thuật.

+ Nghệ thuật chính là tìm ra cái đẹp, giúp con người vươn tới cái đẹp: Chân, thiện, Mĩ.

(Lưu ý khi chấm gv cần trân trọng sự sáng tạo của HS.)

Bài tập 6

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Tôi giật mình người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: "Anh trai tôi". Vậy mà dưới mắt tôi thì.....

- Con đã nhận ra con chưa? - Mẹ vẫn hỏi hớp.

Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá. Bởi vì nếu nói được với mẹ, tôi sẽ nói rằng:

- Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy!"

(Ngữ văn 6- tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được?

Câu 3: Chỉ ra những từ ngữ diễn tả tâm trạng của nhân vật “tôi” khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình. Giải thích vì sao nhân vật “tôi” có tâm trạng như vậy?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trích trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi”

- Tác giả: Tạ Duy Anh

Câu 2:

- PTBD chính: Tự sự

Câu 3:

- **ngỡ ngàng:** Người anh bất ngờ trước việc cô em gái vẽ chân dung mình để dự thi trong khi hằng ngày mình luôn xét nét, quát mắng em. Ngỡ ngàng trước tài năng của em gái mà bấy lâu nay người anh vẫn cố tình phủ nhận.

- **hãnh diện:** vì thấy mình trong tranh đẹp đến hoàn hảo, bức tranh lại được treo ở nơi trang trọng giữa phòng trưng bày. Hãnh diện vì (bức tranh em gái vẽ mình được giải nhất) mình là anh trai của cô em gái tài năng.

- **xấu hổ:** vì đã coi thường em, xa lánh, ghen tị với em, thấy mình hèn kém, ích kỉ, nhỏ nhen (vậy mà em vẫn coi mình là người thân thuộc nhất); soi vào bức tranh ấy, người anh đã nhận ra những hạn chế của mình, thấy mình không xứng đáng với tấm lòng nhân hậu của em gái

.....
Bài tập 7

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên. Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Đường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát mức cám lợn, sứt một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vắn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến ...”

(Ngữ văn 6, tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của tác giả nào?

Câu 2: Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được?

Câu 3: Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể ấy? Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai?

Câu 4: Trong đoạn trích, người anh có hành động gì đối với Mèo? Theo em, trong đời sống, chúng ta có nên làm những hành động như vậy không? Vì sao?

Câu 5: Tìm một phép so sánh có trong đoạn trên. Cho biết đó là kiểu so sánh nào?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trích trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi”

- Tác giả: Tạ Duy Anh

Câu 2:

- PTBD chính: Tự sự

Câu 3:

- **Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất

- **Tác dụng:** Câu chuyện được kể từ ngôi thứ nhất, bằng lời của người anh. Ngôi kể này cho phép tác giả có thể miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật của người anh một cách tự nhiên nhất. Đằng ngôi kể này, người anh tự bộc lộ những suy nghĩ chân thật nhất của mình đồng thời người anh cũng có dịp để tự suy ngẫm, tự soi xét lại mình và vượt lên trên sự ghen tị nhỏ nhen. Qua đó chủ đề của tác phẩm cũng được bộc lộ rõ hơn => Câu chuyện trở nên chân thực hơn

Câu 4:

- Hành động người anh: Lén xem trộm những bức vẽ của Mèo

- Trong cuộc sống, chúng ta không nên có những hành động như vậy, vì xem đồ của người khác khi chưa nhận được sự đồng ý của họ là thiếu lịch sự, văn hóa

Câu 5: Hình ảnh so sánh: *Con mèo vắn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến ..=>* so sánh không ngang bằng .

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Thực hành viết đoạn văn....

BUỔI 8:

Ngày soạn: / 11 /2021

Ngày dạy: / 11 /2021

ÔN TẬP:

THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ YẾU TỐ BIỂU CẢM.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết đoạn văn tự sự có yếu tố biểu cảm
- củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn*;

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, năng lực làm việc nhóm...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực phân tích, viết đoạn văn...

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức cách viết đoạn văn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả; - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ; - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ; - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ. 2. Các bước tiến hành a. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài:

+ Bài thơ được chọn phải có yếu tố kể chuyện (xuất hiện câu chuyện, nhân vật chính, dù nhân vật có thể chỉ mang một cái tên chung chung), có các chi tiết miêu tả không gian, thời gian, con người

+ Các bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả: Chuyện cổ tích về loài người - Xuân Quỳnh, Mây Và Sóng – Ta-go, Lượm - Tố Hữu, Đêm nay bác không ngủ - Minh Huệ

- Tìm ý:

Để tìm ý, các em hãy ngầm nêu các câu hỏi để tự trả lời như:

+ Bài thơ gọi lên câu chuyện gì?

+ Đây là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật

+ Các chi tiết ấy sống động, thú vị như nào?

+ Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn bày tỏ ra sao?

...

- **Lập dàn ý.**

Từ các ý đã được hình thành qua cách nêu và trả lời các câu hỏi trên, em hãy sắp xếp thành một dàn ý như sau:

a. Mở đoạn: Giới thiệu tác giả và bài thơ, nêu khái quát ấn tượng cảm xúc về bà về bài thơ

b. Thân đoạn:

+ Nêu ấn tượng cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ

+ Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.

+ Đánh giá hiệu quả cách triển khai bài thơ bằng câu chuyện và các chi tiết miêu tả.

c. Kết đoạn: Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở trên)

b. Viết bài

Khi viết bài các em cần lưu ý:

+ Bám sát dàn ý để viết đoạn

+ Lựa chọn từ ngữ để diễn đạt cảm xúc của em về nội dung bài thơ cũng như những từ ngữ, hình ảnh biện pháp tu từ độc đáo nhất.

+ Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu tiên của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn có dấu chấm câu. Các câu trong đoạn tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có dùng từ ngữ liên kết.

+ Đoạn văn khoảng 10 đến 15 câu.

Chỉnh sửa bài viết:

- Kiểm tra bài viết của em theo những yêu cầu sau:

+ Giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm nhận chung của người viết.

+ Nêu được cảm xúc và ý kiến đánh giá về nét đặc sắc của bài thơ có sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả.

- Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt: dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết.

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề bài 1: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go.

- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt theo các bước.

- Đoạn văn tham khảo

Văn học luôn đầy ắp tình thương. Nhiệm vụ của nó là ca ngợi những tình cảm ngọt ngào, thiêng liêng ấy. Tình mẫu tử là một trong những chủ đề không bao giờ vơi cạn của thi ca. Và ngoài kia - nơi cuộc sống thường nhật có biết bao điều mới lạ, cảm dỗ đời thường ... Nhưng bài thơ *Mây và sóng* của tác giả Ta - go đã làm thức tỉnh biết bao người khi nghĩ về mẹ với thi pháp độc đáo. Thi phẩm đã ca ngợi tình cảm của đứa con dành cho mẹ mẹ. Sức gợi cảm của bài thơ không chỉ là nghệ thuật đặc sắc mà còn là chiều sâu ý nghĩa của một vẻ đẹp chan chứa tình cảm thiêng liêng của con người. Tính độc đáo của bài thơ là hai mẫu đối thoại giữa em bé với mây, giữa em bé với sóng đan xen vào lời thủ thỉ với mẹ hiền. Cuộc đối thoại giữa mây với em bé không chỉ nói lên tâm hồn bay bổng, hồn nhiên của tuổi thơ mà còn khẳng định, ngợi ca tình yêu của mẹ đối với tuổi thơ rất đẹp và mãnh liệt. Từ chối niềm vui riêng của mình để vui cùng mẹ là cả một quá trình diễn biến tâm lý sinh động và thú vị. Bằng trí thông minh và trái tim yêu thương, em bé tự tạo ra những niềm vui cho mình, đặc biệt là cho cả hai mẹ con. Em hiểu sâu sắc rằng niềm vui của mình chỉ trở nên trọn vẹn khi có mẹ ở bên và ngược lại. Hai mẹ con không chỉ chơi với mây và sóng mà chính họ đã hóa thân vào mây và sóng:

Con là mây và mẹ đã là trăng

Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ

Đây không còn là những trò chơi bình thường nữa mà là trò chơi muôn đời bền vững và trường tồn, không bao giờ nhàm chán. Bởi lẽ trong đó là hình ảnh đẹp tuyệt vời của hai mẹ con quấn quýt bên nhau trong tình yêu lớn lao và cao cả. Dư âm của tiếng cười như những giọt pha lê ngân mãi trong lòng chúng ta bởi niềm vui bất tận của tình mẫu tử thiêng liêng và kỳ diệu. Niềm vui đó như được ủ kín, như của chỉ riêng hai mẹ con mà người ngoài không ai tìm được. *Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào.* Tình mẫu tử thiêng liêng và cao quý đã hòa vào vũ trụ và cuộc sống xung quanh. Nó hiện hữu ở mọi nơi trên thế gian để khẳng định tình yêu thương có sức mạnh biến đổi khôn lường. Qua câu chuyện thần tiên giản dị đó, bài thơ còn gửi gắm nhiều suy ngẫm sâu sắc về cuộc sống. Cũng như dưới những trò chơi trên mây dưới sóng, cuộc sống có nhiều cảm dỗ mà mỗi người rất khó vượt qua. Nhưng người ta hoàn toàn có thể vượt qua những thử thách ấy bằng sức mạnh của tình cảm

tốt đẹp trong cuộc đời. Tình mẫu tử là một trong những chỗ dựa vững chắc, ấm áp nhất của con người, là ngọn lửa khơi nguồn sáng tạo, làm thăng hoa vẻ đẹp tinh thần muôn đời bất diệt của nhân loại. Cũng như em bé đã hướng lòng mình vào sự vĩnh cửu của tình mẫu tử, bài thơ đã thành công khi thể hiện những suy ngẫm sâu sắc, tâm hồn và trái tim mơ mộng của con người.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đề bài 1: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* của tác giả Xuân Quỳnh.

- GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt theo các bước.
- Đoạn văn tham khảo

Chuyện cổ tích về loài người là câu chuyện huyền thoại về thời gian đầu tiên, thừa khai thiên lập địa được thuật lại bằng quan hệ tiếp nhận cổ tích khi tác giả hướng về người nghe trẻ em và nhân vật trẻ con trở thành trung tâm. Tất cả hiện ra trên những dòng thơ năm chữ như lời tâm tình. Huyền thoại đã sống như thế - tái sinh với những hóa thân trong văn chương hiện đại nhưng là hiện ra từ nơi chiều sâu tâm thức con người. Ở nơi ấy, huyền thoại như dòng sông mà ngoại kiêu sáng tạo nghệ thuật khi ngang qua đó (hay ra đi từ đó) đều đắm những hơi sương. Cái nhịp điệu vũ trụ (hay nhịp điệu huyền thoại) đã được tái lập theo cách ấy trong *Chuyện cổ tích về loài người*. Bài thơ như một dòng chảy - dòng thơ trước tiếp sau sau chỉ âm thanh hiện lên thành nhịp: âm thanh của vần, âm thanh của thanh điệu. Đó là hiện tượng bất biến trong dịch chuyển và ngược lại, vì thế vũ trụ không bao giờ tồn tại trong thế tĩnh tại. Một cấu trúc âm thanh tạo nhịp và mang nghĩa hình vẽ lặp đi lặp lại liên tục và luôn luôn biến đổi. Nhờ đó mà các lễ nghi và các nhân tố thần thoại được miêu tả đã được cách điệu hóa và biến thành một thứ hoa văn. Trẻ con gọi mặt trời xuất hiện, cỏ cây hoa lá xuất hiện, chim muông sông biển ... xuất hiện. Và lời ru, điệu hát, truyện cổ tích, tri thức, ngôn ngữ, chữ viết ... ra đời cùng với tình yêu của mẹ, tình thương của bà, sự dạy dỗ của cha, chuyện trao truyền kiến thức của thầy ... Nghĩa là toàn bộ đời sống tự nhiên và xã hội được trẻ con dựng dậy xoay quanh hình tượng trung tâm là trẻ con. Điểm khác biệt cơ bản ấy không thay đổi cấu trúc của cây đời mà chuyển cấu trúc cây đời từ câu chuyện cổ tích được viết bằng thơ. Đến đây có lẽ bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh đã hiện ra dưới một ánh sáng mới - ánh sáng của huyền thoại. Chính cấu trúc huyền thoại đã làm nên điểm đặc sắc của bài thơ như là kết quả của cả một quá trình người nghệ sĩ sống cùng những trải nghiệm văn hóa của nhân loại và dân tộc trong lịch sử sâu xa của nó. Và con đường đi của huyền thoại thấm vào trong tâm thức của cộng đồng như một dòng chảy bất tận mà đôi khi ta chợt nhận ra nơi một công trình sáng tạo khiến tất cả hóa lạ lẫm nhưng thật gần gũi và rục rờ. Đối với tôi, *Chuyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh là một đóng góp của dòng chảy ấy.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập
 - Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Văn bản **Cô bé bán diêm**.
-

BUỔI 9:

Ngày soạn: / 11 /2021

Ngày dạy: / 11 /2021

ÔN TẬP:

VĂN BẢN 1: CÔ BÉ BÁN DIÊM (An- đéc- xen)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện.
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- Nhận biết được cụm danh từ;
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực tự học các tác phẩm truyện.
- Năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản.
- Năng lực sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.
- Thu thập kiến thức xã hội có liên quan đến các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó khi tìm tòi về các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, môi trường tự nhiên,...
- + Có ý thức công dân, có lối sống lành mạnh;
- + Có tinh thần đấu tranh với những quan điểm sống thiếu lành mạnh, trái đạo lý.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô bé bán diêm*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; nhận biết và phân tích được cụm danh từ;
- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ, biết

giúp đỡ và có thái độ, cách cư xử với người khuyết tật, những người có hoàn cảnh kém may mắn trong xã hội.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Tác giả - Nhà văn An – đéc – xen (1805-1875). - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen. - Là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với những truyện viễn tưởng, truyện cổ tích viết cho tuổi thơ. Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác Truyện “Cô bé bán diêm” được An-đéc-xen viết vào năm 1845 khi tên tuổi ông lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút. b. Thể loại: truyện ngắn c. Ngôi kể: thứ ba d. Bố cục : 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến ... <i>cứng đờ ra</i>: Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. + Phần 2: Tiếp đó đến.... <i>Thượng đế</i>: Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng. + Phần 3: Còn lại: Một cái chết thương tâm của em bé. e. Nghệ thuật - Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập. - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập. - Sáng tạo trong cách viết kết truyện. f. Nội dung, ý nghĩa

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.

- Hình thức văn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức

Truyện không có một lời trữ tình ngoại đề nào của tác giả, nhưng đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm

- Thời gian: Đêm giao thừa
- Không gian: Đường phố rét dữ dội
- Em bé:
 - + Đầu trần, chân đất
 - + Dò dẫm trong bóng tối
 - + Bụng đói, giá rét.
 - + Mồ côi mẹ, bà mới mất; cha nghiện rượu, em phải đi bán diêm kiếm sống.
- ☐ Nghèo khổ, bất hạnh, cô đơn, vất vả.

2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng

Lần	Hình ảnh	Lí do
1	Lò sưởi	Em rét
2	Bàn ăn	Em đói
3	Cây thông	Em muốn được vui chơi
4	Bà nội	Em nhớ bà, muốn được sống cùng bà, được yêu thương

- ☐ 4 lần quẹt diêm là 4 mong ước giản dị, chân thành, chính đáng

Cái chết của cô bé bán diêm

- + Em bé chết vì giá rét, ở một xó tường, giữa những bao diêm
- ☐ Một cái chết thương tâm.
- + Đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười
- ☐ tình yêu thương của tác giả dành cho em bé (Giá trị nhân đạo)
- + Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”
- ☐ Phê phán, lên án sự thờ ơ, vô cảm của XH đối với trẻ thơ (Giá trị hiện thực)

TIẾT 2: BÀI TẬP VỀ VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

Bài tập 1:

Tóm tắt văn bản “Cô bé bán diêm”

- Hình thức tổ chức luyện tập:
- + Xác định hệ thống các sự việc: Theo nhóm.

+ Viết thành văn bản tóm tắt: Cá nhân

Hướng dẫn làm bài:

a. Các sự việc chính – Trình tự tóm tắt

- Hoàn cảnh của cô bé bán diêm
- Hoàn cảnh quét diêm
- Các lần quét diêm của em bé
- Cái chết của em bé bán diêm.

b. Viết thành văn bản tóm tắt

Truyện kể về một em bé bán diêm trong đêm giao thừa rét buốt. Em có hoàn cảnh bất hạnh, bà nội và mẹ mất từ khi em còn nhỏ. Giờ đây, em phải sống cùng với người bố nát rượu, cộc cằn, thô lỗ ở một gác xép sát mái nhà. Cả ngày em chẳng bán được que diêm nào trong khi ngoài trời giá rét dữ dội, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và mùi thức ăn thơm phức. Em đánh liều quét lần lượt các que diêm, những mộng tưởng tươi sáng hiện ra như lò sưởi ấm áp, bàn ăn thịnh soạn, cây thông Nô-êm, bà nội hiện lên mỉm cười... Nhưng mỗi lần diêm tắt, thực tế lại là bức tường lạnh lẽo, rét mướt và một mình em cô đơn, tội nghiệp. Sáng hôm sau, em đã chết với đôi má vẫn hồng và đôi môi như đang mỉm cười trước sự thờ ơ, lạnh lùng của người qua đường.

Bài tập 1:

Hãy nêu ý nghĩa của hình ảnh ngọn lửa diêm trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.

Hình thức thực hiện: Cá nhân.

Hướng dẫn làm bài:

Hình ảnh ngọn lửa diêm mang đậm ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ về mái ấm gia đình ấm no, hạnh phúc, về tình thương mà ông bà, cha mẹ dành cho con cháu. Những ước mơ ấy thật bình dị mà thật đẹp đẽ, diệu kì, bay bổng lên trên thực tại mà vẫn bắt nguồn từ thực tại cơ cực, thảm thương. Ngọn lửa cháy hết mình là nguồn sáng trong tâm hồn đầy khao khát cháy bỏng.

Qua hình ảnh ngọn lửa diêm, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng, cảm thông, ngợi ca thế giới đầy mơ ước ấy và phải chăng ông cũng mong ước đến cháy bỏng những điều tốt đẹp ấy cho con người, cho trẻ em ?

Bài tập 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...

(Ngữ văn 6 – tập 1)

Câu 1: : Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Xác định thể loại văn bản.

Câu 2: Chỉ ra PTBD của văn bản chứa đoạn văn trên.

Câu 3: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Trích từ văn bản: “Cô bé bán diêm”
- Tác giả: An-đéc-xen
- Thể loại: truyện ngắn.

Câu 2:

Phương thức biểu đạt của văn bản: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

Câu 3:

Đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”: (Tham khảo):

Kết thúc truyện “Cô bé bán diêm”, người “em gái” bất hạnh đáng thương ấy “*đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...*”. Dưới ngòi bút đầy chất thơ của An-đéc-xen, em ra đi mà đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười. Hình ảnh cái chết ấy thật đẹp đã thể hiện sự hạnh phúc, mãn nguyện của cô bé. Có lẽ em đã thanh thản, toại nguyện vì chỉ mình em được sống trong những điều huy hoàng, kì diệu. Cái chết của em bé bán diêm thể hiện tấm lòng nhân hậu của nhà văn dành cho số phận trẻ thơ, đó là sự cảm thông, yêu thương và trân trọng thể giới tâm hồn trẻ thơ. Thực tế em bé đã chết rất tội nghiệp, đó là cái chết bi thảm, làm nhức nhối trong lòng người đọc, em đã chết trong đêm giao thừa rét mướt, em nằm ngoài đường sáng mừng một đầu năm trong khi mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, kẻ qua người lại mà không hề quan tâm đến em, em đã chết vì lạnh, vì đói ở một xó tường. Đó là cái chết đau đớn nhưng chắc chắn sẽ thanh thản về tâm hồn. Như vậy, bằng ngòi bút nhân ái, lãng mạn, qua cái chết em bé bán diêm, tác giả muốn tố cáo, phê phán xã hội thờ ơ lạnh lùng với nỗi bất hạnh của những người nghèo khổ, đặc biệt đối với trẻ thơ. Đồng thời, ông còn muốn gửi gắm thông điệp tới người đọc, đó là hãy biết san sẻ yêu thương, đừng phũ phàng hoặc vô tình trước những khổ đau bất hạnh, cay đắng của trẻ thơ. Cái chết của em sẽ mãi ám ảnh trong lòng người đọc, khơi dậy về tình yêu thương con người trong cuộc đời này.

Bài tập 4:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sức nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”.

(Trích “*Cô bé bán diêm*”, An-đéc-xen, Ngữ văn 6, Tập 1)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

Câu 2. Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 3. Hãy chỉ ra nghệ thuật đối lập, tương phản được tác giả sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng của nghệ thuật ấy?

Câu 4. Nếu trong lớp em có bạn gặp phải hoàn cảnh như cô bé bán diêm em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Tự sự.

Câu 2.

Nội dung của đoạn trích: Hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm.

Câu 3.

*Nghệ thuật đối lập, tương phản được tác giả sử dụng trong đoạn trích:

- Khi xưa bà nội của em còn sống em được sống trong tình yêu thương// Hiện nay em thường xuyên bị mắng nhiếc, chửi rủa.

- Khi xưa được sống trong ngôi nhà xinh xắn, được đón giao thừa//chui rúc trong một xó tối tăm.

*Tác dụng của nghệ thuật đối lập, tương phản:

- Làm nổi bật hoàn cảnh bất hạnh của cô bé bán diêm.

- Nhấn mạnh sự thờ ơ, lãnh đạm của mọi người trước hoàn cảnh tội nghiệp của cô bé.

- Thể hiện sự thương cảm sâu sắc của tác giả.

Câu 4. Nếu trong lớp em có bạn gặp phải hoàn cảnh như cô bé bán diêm em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn?

HS có thể nêu những sáng kiến, giải pháp để giúp đỡ bạn như:

- Chia sẻ hoàn cảnh của bạn để mọi người cùng biết từ đó cùng kêu gọi chung tay giúp đỡ bạn.

- Lập quỹ từ thiện bằng cách tiết kiệm tiền tiêu vặt, tiền ăn sáng,...hoặc tổ chức những buổi lao động nhỏ kiếm tiền giúp bạn.

- Báo cáo với cô giáo chủ nhiệm, đề nghị với nhà trường,...

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở thể hiện ý tưởng riêng của học sinh, giáo viên cần linh hoạt cho điểm phù hợp.

.....

Bài tập 5:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi cho ấm”, nhưng chẳng ai biết những cái kì diệu em đã trông thấy và nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.”

(Trích “*Cô bé bán diêm*”, An-đéc-xen, Ngữ văn 8, Tập I, trang 67)

Câu 1. Hãy đặt một nhan đề thích hợp thể hiện nội dung đoạn trích?

Câu 2. Nhận xét về đoạn kết của truyện có ý kiến cho rằng truyện kết thúc tràn đầy tinh thần nhân đạo nhưng cũng có ý kiến cho rằng truyện kết thúc không có hậu. Hãy nêu suy nghĩ của mình về hai ý kiến trên?

Câu 3. Truyện khép lại nhưng lòng người đọc vẫn không nguôi băn khoăn, day dứt về con người, về tình người. Trước khi chết vì đói, vì rét, cô bé bán diêm đã chết vì chính sự lạnh lùng, vô cảm, tàn nhẫn, ích kỉ của con người. Từ cái chết của cô bé bán diêm, em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 6-8 câu) nói về bệnh vô cảm ở con người.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1.

Đặt một nhan đề thích hợp thể hiện nội dung đoạn trích:

- Cái chết của cô bé bán diêm.
- Một cảnh thương tâm.
-

Câu 2. Mỗi ý kiến là một góc nhìn về việc khám phá dụng ý của nhà văn

Nói truyện kết thúc tràn đầy tinh thần nhân đạo là bởi vì người nói thấy được giá trị nhân đạo, nhân văn của tác phẩm khi tác giả miêu tả thi thể em với đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười, đồng thời hình dung ra cảnh huy hoàng hai bà cháu bay lên trời để đón lấy những niềm vui đầu năm.

Ý kiến cho rằng truyện kết thúc không có hậu là muốn khẳng định giá trị hiện thực của tác phẩm. Tuy cô bé bán diêm được miêu tả thật đẹp khi chết, cô bé như tiên đồng ngọc nữ đang chìm trong giấc ngủ nhưng rõ ràng truyện kết thúc không có hậu: cô bé đã phải chết trong đói rét, trong sự vô cảm lạnh lùng của người đời. Đó là một cái chết thương tâm không đáng có.

Hai ý kiến trên tưởng chừng mâu thuẫn, đối lập nhưng thực chất lại bổ sung, soi sáng trong việc khám phá dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Từ hai ý kiến trên người đọc thấy được tài năng và đặc biệt là tình yêu thương vô hạn của nhà văn An-đéc-xen thể hiện trong phần kết của truyện.

Câu 3.

a) Về hình thức:

- Là 1 đoạn văn nghị luận, ý rõ ràng, lập luận chặt chẽ
- Đảm bảo dung lượng 6-8 câu (nên đánh số thứ tự các câu).

b) Về nội dung: cần đảm bảo các ý cơ bản sau

*Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận bệnh vô cảm ở con người.

*Thân đoạn:

- **Giải thích:** “vô cảm” là sống không có cảm xúc, ích kỷ, lạnh lùng, thờ ơ, làm ngơ trước những điều xấu xa, hoặc nổi bất hạnh của những người sống xung quanh mình.

- **Biểu hiện:**

- + Trong cuộc sống: vô cảm với những con người bất hạnh....
- + Trong học tập: vô cảm với những bạn học có hoàn cảnh khó khăn, bạn bị bạo hành ngay trước cổng trường, lớp học nhưng đứng xem rồi quay clip tung lên mạng coi như không phải chuyện của mình....
- + Trong gia đình: vô cảm với cha mẹ, những người thân khi ốm đau, gặp chuyện không may.....

- **Nguyên nhân:**

- + Do lối sống ích kỷ
- + Nhịp sống của xã hội hiện đại nhiều khi không đủ thời gian, không đủ sức lực và tâm huyết để mình chú ý đến những vấn đề khác ngoài công việc, học tập.

+ Một bộ phận lớp trẻ được gia đình, bố mẹ chiều chuộng, thậm chí là lập trình sẵn cho cuộc đời, cho tương lai nên có tư tưởng không cần phải phấn đấu, thờ ơ với cuộc sống, tương lai của mình và người khác.

- Hậu quả:

+ Làm cho cái xấu, cái ác sinh sôi, nảy nở.

+ Làm mất đi tình thương giữa con người với con người; mai một phẩm chất, đạo lí tốt đẹp của con người Việt Nam...

*Kết đoạn:

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Học tập lối sống lành mạnh, biết yêu thương sẻ chia đồng cảm với những người xung quanh.

+ Tham gia các hoạt động xã hội có tính nhân văn

+ Xã hội cần lên án mạnh mẽ sự vô cảm, coi đó như là một cuộc chiến để loại bỏ căn bệnh này ra khỏi xã hội.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài

- Hoàn thiện các bài tập

- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Văn bản **Gió lạnh đầu mùa**.

ÔN TẬP: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: ẨN DỤ VÀ DẤU CÂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ cụ thể;
- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, năng lực làm việc nhóm...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.
- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu gia đình, hiếu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.
- Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

A. LÝ THUYẾT:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức cơ bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. * Các kiểu ẩn dụ: Có 4 kiểu ẩn dụ : + Ẩn dụ hình thức (dựa trên sự tương đồng với nhau về hình thức) <i>Vd :Dưới trăng quỳên đã gọi hè</i> <i>Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông.</i>

GV có thể bổ sung thêm:

Hiện nay tiếng Việt dùng 11 dấu câu:

- 1. dấu chấm . :** dùng để kết thúc câu tường thuật;
- 2. dấu hỏi chấm ? :** dùng để kết thúc câu nghi vấn (câu hỏi);
- 3. dấu chấm than ! :** dùng để kết thúc câu cảm thán hay câu cầu khiến;
- 4. dấu ba chấm/ chấm lửng ... :** dùng khi người viết không muốn liệt kê hết sự vật, hiện tượng trong chủ đề;
- 5. dấu phẩy , :** dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu; dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng;
- 6. dấu chấm phẩy ; :** dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; đứng sau các bộ phận liệt kê;
- 7. dấu hai chấm : :** báo hiệu một sự liệt kê; nhấn mạnh ý trích dẫn trực tiếp; chỉ phần đứng sau có chức năng thuyết minh hoặc giải thích cho phần trước; dùng báo hiệu nội dung lời của các nhân vật trong đối thoại;

- + Ấn dụ cách thức (dựa trên sự tương đồng với nhau về cách thức, hành động)
Vd: Uống nước nhớ nguồn.
- + Ấn dụ phẩm chất (dựa trên sự tương đồng với nhau về phẩm chất)
*Vd: “Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió còn chẳng hơi đèn?”*
- + Ấn dụ chuyển đổi cảm giác (dựa trên sự tương đồng với nhau về cảm giác)
*Vd: “Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”
(Khương Hữu Dụng)*

II. Dấu câu

1. Dấu câu

- Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên mặt văn bản một cấu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa cá thành phần của câu.
- Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết.
- Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm.
- Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc.
- Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “.”.

2. Dấu ngoặc kép

- Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;
- Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;
- Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt;
- Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.

8. dấu gạch ngang – : đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê; đặt đầu dòng trước lời đối thoại; ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu; đặt nổi những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau; dùng trong cách để ngày, tháng, năm;

9. dấu ngoặc đơn () : dùng để ngăn cách các thành phần chú thích với các thành phần khác; dùng để giải thích ý nghĩa của từ; dùng để chú thích nguồn gốc của dẫn liệu;

10. dấu ngoặc kép “” : dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu; trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp; đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý; trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.

11. dấu ngoặc vuông [] : được dùng nhiều trong văn bản khoa học với chức năng chú thích công trình khoa học của tác giả; chú thích thêm cho những chú thích đã có.

III. Đại từ nhân xưng

- Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...);

- Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi:

+ Ngôi 1

Số ít: tôi/tao/tớ/ta

Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ

+ Ngôi 2

Số ít: mày/mi/ngươi/bạn

Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay

+ Ngôi 3

Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy

Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ

B. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Chỉ ra các ẩn dụ và nêu ý nghĩa ẩn dụ trong các câu ca dao, câu thơ sau:

- a. *Trăm năm đành lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò khác đưa.*
- b. *“Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.”*

Hướng dẫn làm bài

- a. *Cây đa bến cũ*- những kỷ niệm đẹp
Con đò khác đưa- cô gái đã đi lấy người con trai khác làm chồng- đã thay đổi, xa nhau...
(Tác giả dân gian đã chọn được hình ảnh ẩn dụ đẹp, quen thuộc, gợi nhớ diễn đạt được một lời oán trách kín đáo).
- b. *Giọt* (tiếng hót- chuyển đổi cảm giác)- ca ngợi cái đẹp của sáng xuân cũng là cái đẹp của cuộc đời, cuộc sống.
hứng (tiếng hót- chuyển đổi cảm giác)- sự thừa hưởng một cách trân trọng những thành quả cách mạng

Bài tập 2

Xác định phép tu từ ẩn dụ được sử dụng trong các câu dưới đây. Rút ra bài học được gửi gắm qua các hình ảnh ẩn dụ đó

- a, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
b, Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng

Hướng dẫn làm bài

- a, ăn quả nhớ kẻ trồng cây
ăn quả: tương đồng cách thức với sự hưởng thụ thành quả lao động
Kẻ trồng cây: Tương đồng phẩm chất với người lao động
→ Bài học: khuyên chúng ta khi hưởng thụ thành quả phải nhớ đến công lao người lao động đã vất vả tạo ra thành quả
- b, Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng
- Mực đen có nét tương đồng về phẩm chất với cái xấu
- Đèn sáng có nét tương đồng về phẩm chất với cái tốt cái hay.
→ Bài học: Khuyên chúng ta nên biết lựa chọn môi trường sống, lựa chọn bạn bè để có thể học hỏi được những điều tốt, tránh xa điều xấu.

Bài tập 3:

Trong bài thơ “Thương vợ” nhà thơ Tú Xương có viết:

*“Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông...”*

Em hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép ẩn dụ trong hai câu thơ trên.

Hướng dẫn làm bài

Trong câu thơ nhà thơ Tú Xương đã sử dụng phép ẩn dụ “thân cò” để nói về người vợ của mình - bà Tú. Mượn hình ảnh “con cò, cái cò” trong ca dao, nhà thơ đã cải hoá thành “thân cò” nói lên rất hay .

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Thực hành TV.

Ngày soạn: 4 / 10 / 2021

Ngày dạy: 11,15 / 10 / 2021 - 6A3,4

VĂN BẢN 2:

NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN

(Trích Hoàng tử bé, Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri)

VĂN BẢN 3. BẮT NẠT

(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo; bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật;
- HS nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện đồng thoại: nhân vật con vật (con cáo) được nhân cách hoá - vừa mang đặc tính của loài vật, vừa gợi tính cách con người; ngôn ngữ đối thoại sinh động; giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện, kết bạn với con người), v.v...
- HS hiểu được nội dung của đoạn trích; cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn; có ý thức về trách nhiệm với bạn bè, với những gì mình gắn bó, yêu thương.
- HS nhận biết được sự khác nhau về thể loại của văn bản truyện và văn bản thơ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bắt nạt*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bắt nạt*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Giúp học sinh có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	A. VĂN BẢN: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN I. Kiến thức chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri; - Năm sinh – năm mất: 1900 – 1944; - Nhà văn lớn của Pháp; - Các sáng tác lấy đề tài, cảm hứng từ hững chuyến bay và cuộc sống của người phi công; - Đặc chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: Đoạn trích nằm trong tác phẩm Hoàng tử bé; tác phẩm nổi tiếng nhất của Ê-xu-pe-ri. - Năm sáng tác: 1941. b. Thể loại: truyện đồng thoại; c. Nhân vật chính: hoàng tử bé và con cáo; d. Ngôi kể: ngôi thứ ba. e. Nội dung – ý nghĩa - Truyện kể về hoàng tử bé và con cáo. - Bài học về cách kết bạn cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. f. Nghệ thuật - Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ. - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc. II. Kiến thức trọng tâm: 1. Cuộc gặp gỡ của hoàng tử bé và con cáo.

a. Hoàng tử bé:

- Xuất thân: Đến từ một hành tinh khác. Một hành tinh không có thợ săn, không có gà... → "Chẳng có gì là hoàn hảo".
- Mục đích xuất hiện tại Trái Đất: Đi tìm con người, tìm bạn bè. → Tìm những bản thể giống mình, tìm tình bạn đích thực.
- Tâm trạng hiện tại: Mình buồn quá. → Buồn vì không tìm thấy tình bạn, những người bạn mới.
- Tâm trạng sau khi "cảm hóa":
 - + Nhận ra ý nghĩa của "bông hồng", của những vật đã được mình "cảm hóa" và những vật đã "cảm hóa" mình.
 - + Tự căn dặn bản thân, lặp lại để cho nhớ những lời dặn dò của con cáo với hoàng tử bé: chú trọng lời nói của trái tim, có tinh thần trách nhiệm.

b. Con cáo

- Xuất thân: Ở Trái Đất.
- Mục đích: Muốn được hoàng tử bé "cảm hóa".
- Tâm trạng hiện tại:
 - + Suy nghĩ về con người: phiền toái (có súng và đi săn), việc được nhất là nuôi gà. → Con người vừa đem lại lợi ích vừa là mối đe dọa với cáo.
 - + Thấy trên thế giới có đủ thứ chuyện.
 - + Buồn, "thở dài" khi "chẳng có gì là hoàn hảo".
 - + Chán nản vì cuộc sống đơn điệu: Cáo săn gà, người săn cáo. Mọi con gà giống nhau, mọi con người giống nhau, không ai "cảm hóa" cáo.
 - Mong cầu được "cảm hóa": "Bạn làm ơn... cảm hóa mình đi!".
- Sau khi đã được "cảm hóa":
 - + Buồn bã, khóc khi phải rời xa một người bạn "Mình sẽ khóc mất", "Mình được chứ bởi vì còn có màu lúa mì.". → Từ một vật không có ý nghĩa gì nay lại có ý nghĩa.
 - + Nhắc nhở hoàng tử bé phải chú trọng vào tình cảm để cảm nhận, phải có trách nhiệm.
 - ⇒ Con cáo được nhân cách hóa như một con người, người bạn.
 - ⇒ Hình ảnh con người đi kiếm tìm ý nghĩa tình bạn.

2. Những ý nghĩa gợi ra từ cuộc gặp gỡ

- "Trên Trái Đất người ta thấy đủ thứ chuyện."
- "Chẳng có gì là hoàn hảo."
- Mối quan hệ giữa "Cảm hóa" và tình bạn:
 - + "Cảm hóa" xuất hiện 13 lần trong bài, lặp đi lặp lại. → Vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập trong đoạn trích.

	+ Đó là thứ đã "bị lãng quên lâu lắm rồi". → Xã hội ngày càng trở nên thiếu vắng những tình bạn đích thực. + "Cảm hóa" là "làm cho gần gũi hơn...".
--	---

TIẾT 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: BẮT NẠT

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	B. VĂN BẢN: BẮT NẠT I. Kiến thức chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Tên: Nguyễn Hoàng Thế Linh; - Năm sinh: 1982; - Quê quán: Hà Nội; - Viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: - Trích từ tập thơ <i>Ra vườn nhật nắng</i>; - Năm sáng tác: 2017. b. Thể loại: thơ 5 chữ. c. Nội dung, ý nghĩa - Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. d. Nghệ thuật - Thể thơ 5 chữ. - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung. II. Kiến thức trọng tâm: 1. Khổ 1: Nêu vấn đề. - Nêu vấn đề trực tiếp cùng thái độ của tác giả: Bắt nạt là xấu lắm. - Nêu ý kiến, lời khuyên: + "Đừng bắt nạt, bạn ơi" → Dấu phẩy ngăn cách, tách đối tượng, nhấn mạnh lời kêu gọi. + Bất cứ ai đều không cần bắt nạt. 2. Khổ 2, 3, 4: Hướng dẫn làm bài những việc làm tốt thay vì bắt nạt. Nêu những việc làm tốt: + Học hát, nhảy híp-hóp. + Thử mù tạt, đối mặt thử thách. - Nhấn mạnh việc không nên dành thời gian bắt nạt, chèn ép kẻ yếu. → Tốn thời gian, hèn nhát. - Đứng về phe kẻ yếu:

- + Nhút nhát giống thỏ con, đáng yêu.
- + Sao không yêu, lại còn...?
- Nghệ thuật:
 - + Câu hỏi tu từ.
 - + Điệp: Tại sao, sao không...
 - + Ẩn dụ: ăn mù tạt = thử thách.

3. Khổ 5, 6: Phân loại đối tượng bắt nạt.

- Điệp từ, điệp ngữ "Đừng bắt nạt". → Nhấn mạnh quan điểm, ý kiến tác giả.
- Đối tượng:
 - + Con người: trẻ con - người lớn - ai.

4. Khổ 7, 8: Thách thức, liên hệ bản thân.

- Tác giả đã liên hệ với Chính "tôi". Những chú thỏ. Những chú chim. Trực tiếp xưng "tôi" khi nhắc đến việc bắt nạt bạn của mình.
- Thách thức nhẹ nhàng, bảo vệ kẻ yếu:

Cứ đưa bài thơ này
Bảo nếu cần bắt nạt
Thì đến gặp tớ ngay.
- So sánh với chính mình: Bị bắt nạt quen rồi.
- Khẳng định lần nữa ý kiến bản thân: Vẫn không thích bắt nạt/ Vì bắt nạt rất hôi! → Từ "hôi" là một từ lạ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.
→ Thể hiện sự xấu xa, tiêu cực của việc bắt nạt.
 - + Sự vật: mèo, chó.
 - + Đất nước: nước khác.
- Lí do: Vì bắt nạt dễ lây. => Bắt nạt có thể ảnh hưởng đến người khác, khiến xã hội hỗn loạn.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP

Bài tập 1:

Tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

Hướng dẫn làm bài

Cách 1: Có thể hóa thân thành cáo – Xưng tôi để miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo khi từ biệt hoàng tử bé:

Vậy là hoàng tử bé đã rời xa tôi. Tiễn hoàng tử bé đi rồi, tôi quay trở về nhìn những cánh đồng lúa mì vàng óng. Tôi cứ ngồi lặng im như thế. Mắt dõi ra xa đến tận chân trời. Tôi như thấy hiện ra trước mắt mình một cậu bé có mái tóc vàng óng, người bạn đầu tiên và cũng là duy nhất, người đã cảm hóa được mình. Người mà trước đây tôi chưa hề quen biết, đã xích lại gần tôi, đã mang đến cho tôi bao điều mới lạ, nhất là những điều thú vị và những niềm vui trong cuộc đời mà tôi chưa từng biết đến. Tôi mong sớm có một ngày gặp lại hoàng tử bé để cùng nhau chia sẻ niềm vui nỗi buồn, để thấy được tình bạn chân thành luôn xuất phát từ trái tim và trường tồn mãi mãi.

Cách 2: Sử dụng ngôi thứ 3:

Vậy là hoàng tử bé đã rời xa cáo để trở về hành tinh của mình. Tiễn hoàng tử bé đi rồi cáo quay trở về nhìn những cánh đồng lúa mì vàng óng. Cáo cứ ngồi lặng yên như thế. Mắt dõi ra xa đến tận chân trời. Nó như thấy hiện ra trước mắt mình một cậu bé có mái tóc vàng óng, người bạn đầu tiên và cũng là duy nhất, người đã cảm hóa được mình. Người mà trước đây cáo chưa hề quen biết, đã xích lại gần nó đã mang đến cho cáo bao điều mới lạ, nhất là những điều thú vị và những niềm vui trong cuộc đời mà nó chưa từng biết đến. Cáo mong sớm có một ngày gặp lại hoàng tử bé để cùng nhau chia sẻ niềm vui nỗi buồn để thấy được tình bạn chân thành luôn xuất phát từ trái tim và trường tồn mãi mãi.

Bài tập 2:

Từ câu chuyện **cảm hóa** nhau của cáo và hoàng tử trong văn bản ***Nếu cậu muốn có một người bạn***, em hãy viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về tình bạn của hoàng tử bé và con cáo.

Hướng dẫn làm bài

Đoạn trích ***Nếu cậu muốn có một người bạn*** đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc về tình bạn của cáo và hoàng tử bé. Từ một hành tinh khác Hoàng tử bé đến để tìm con người và đã gặp cáo. Cáo với cuộc sống ***đơn điệu, hơi chán*** đang muốn ra khỏi hang như là tiếng nhạc đã gặp hoàng tử bé. Họ gặp nhau ***như cá gặp nước***, sau những chia sẻ, cáo và hoàng tử bé đã hiểu nhau hơn, giây phút chia tay của họ thật cảm động. Cáo đã muốn khóc còn Hoàng tử bé cũng nghẹn ngào nói lời chia tay trong sự tiếc nuối. Những lời nói và hành động của hoàng tử bé và cáo dành cho nhau là ***ánh sáng*** đã giúp em hiểu rõ hơn về tình yêu thương, về sự đồng cảm, sẻ chia ... Qua câu chuyện này, em đã hiểu rõ hơn về ý nghĩa của tình bạn, sẽ biết trân trọng và xây đắp để có được những tình bạn đẹp như cáo và hoàng tử bé.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.***

.....

Bài 2: GỖ CỬA TRÁI TIM

BUỔI 4:

Ngày soạn: 18 / 10 / 2021

Ngày dạy: 23, 27 / 10 / 2021 - lớp 6A3, 4

ÔN TẬP:

VĂN BẢN 1: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI (Xuân Quỳnh)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, NHÂN HÓA, ĐIỆP NGỮ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực ngôn ngữ: đọc trôi chảy, hiểu đúng văn bản thuộc thể loại thơ, viết được đoạn văn cảm nhận về một đoạn thơ trong văn bản
- Năng lực văn học: Tiếp nhận, giải mã cái hay cái đẹp trong văn bản, nhận xét, đánh giá đặc sắc về hình thức nghệ thuật, tiếp nhận đúng sáng tạo thông điệp về nội dung.

3. Phẩm chất:

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1+ 2: ÔN TẬP VĂN BẢN:
CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS cùng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản.	I. KIẾN THỨC CHUNG 1. Tác giả - Họ tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh; - Năm sinh – năm mất: 1942 – 1988; - Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà Tây, nay là Hà Nội.

- Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	- Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà trần đầy tình yêu thương, trù mền, có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ em. - Những tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: <i>Lời ru mặt đất, Bầu trời trong quả trứng, Bến tàu trong thành phố</i>,... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> là bài thơ được rút ra từ tập thơ <i>Lời ru trên mặt đất</i>, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 – 52. b. Nhân vật: - Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo.... - Nhân vật chính: trẻ em; c. Sự việc: Sự ra đời của trẻ con, sự ra đời của thiên nhiên, sự ra đời của gia đình, sự ra đời của xã hội d. Phương thức biểu đạt: trữ tình kết hợp tự sự và miêu tả; e. Bố cục: 2 phần + Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời; + Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời Khổ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra; Khổ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru Khổ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức. f. Giá trị nghệ thuật - Nhan đề và thể loại: + Thể loại: thơ □ phương thức biểu đạt: biểu cảm Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài; Sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ (<i>Từ cánh cò rất trắng/ Từ vị gừng rất đắng/ [...] Từ bãi sông cát vắng</i>); Mỗi dòng đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3 □ tạo âm điệu nhịp nhàng như thủ thi, tâm tình, gần gũi với trẻ em: <i>Trời sinh ra trước nhất</i> <i>Chỉ toàn là trẻ con</i> <i>[...]</i> <i>Màu xanh bắt đầu cỏ</i> <i>Màu xanh bắt đầu cây</i> Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức biểu cảm kết hợp tự sự; nhan đề <i>chuyện cổ tích</i> gợi liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự
---	---

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kỳ ảo. □ Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo. - Mạch thơ tuyến tính; g. Nội dung Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em. II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM: 1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời và sự thay đổi sau khi trẻ con ra đời.			
	Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?	Nêu sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới?		
	- Sinh ra trước nhất: chỉ toàn là trẻ con	Mặt trời	Giúp trẻ con nhìn rõ	+ Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng. =>Ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới. =>Mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.
	- Khung cảnh:	Cây, cỏ, hoa	Giúp trẻ con cảm nhận màu sắc	
	+ Không có ánh sáng, màu sắc	Tiếng chim, làn gió	Giúp trẻ con cảm nhận âm thanh	
	+ Không đáng cây ngọn cỏ	Sông	Giúp trẻ con có nước để tắm	
	+ Không mặt trời	Biển	ý nghĩ, cung cấp thực phẩm, phương tiện	
	+ Chỉ toàn là màu đen.	Đám mây, con đường	Giúp trẻ con tập đi	
		Thầy giáo	Dạy dỗ cho trẻ em	
	2. Những món quà mà mẹ, bà, bố đem đến cho trẻ những món quà.			
Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào?				

Sự ra đời của gia đình	Mẹ	Mang đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc	-Món quà tình cảm mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ thơ chính là tình yêu của mẹ ước mong của mẹ dành cho trẻ thơ: + Cái bồng cái bang vốn chỉ những em bé ngoan ngoãn, chăm chỉ trong bài ca dao:nhắc nhở các em hãy là những người con hiếu thảo, biết yêu thương, giúp đỡ cha mẹ +Cánh cò trắng biểu tượng cho người nông dân vất vả, một nắng hai sương kiếm ăn mà vẫn quanh năm thiếu thốn. Tuy hoàn cảnh sống lam lũ, cực nhọc nhưng họ vẫn giữ tấm lòng trong sạch. + Vị gừng cay trong lời ru của mẹ nhắc nhở tình cảm yêu thương chân thành của con người sẽ càng trở nên mặn mà, đậm thấm qua thời gian, nhắc nhở sự chung thủy =>Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung,... Đó chính là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.
	Bà	Mang đến những câu chuyện ngày xưa, ngày sau	+ <i>Tấm Cám, Thạch Sanh</i>: Ước mơ về lẽ công bằng, người ở hiền sẽ gặp lành, ở ác sẽ bị quả báo; + <i>Cóc kiện trời</i>: Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh; + <i>Nàng tiên ốc, Ba cô tiên</i>: Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp. =>Những câu chuyện cổ tích đó mang đến cho trẻ thơ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiền gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.
	Bố	Mang đến những hiểu biết, dạy con ngoan, biết nghĩ, có kiến thức	- Truyền dạy những tri thức về thiên nhiên và cuộc sống. - Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương. Bố giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ.
3. Người thầy và những phương tiện dạy học:			
Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?			

	Sự ra đời của xã hội	Chữ, bàn, ghế, lớp, trường, bảng, phấn	Mang đến hiểu biết, nền văn minh	=>Người thầy cùng với những phương tiện dạy học đơn sơ đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp,... giúp trẻ thơ trưởng thành.
		Thầy giáo	Dạy dỗ cho trẻ em	

(6) Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.

(7). Căn cứ để xác định đây là một bài thơ:

- Về nghệ thuật:
 - + Phương thức: Biểu cảm (mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc)
 - + Số lượng tiếng: mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài.
 - +Vần: Bài thơ sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ, ví dụ:
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...
- +Nhịp:Mỗi dòng thơ đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, tạo âm điệu nhịp nhàng. Ví dụ:
Trời sinh ra/ trước nhất
Chỉ toàn là/ trẻ con
Màu xanh/ bắt đầu cỏ
Màu xanh/ bắt đầu cây
- + Biện pháp tu từ: Điệp cấu trúc (*Màu xanh bắt đầu bằng...; Tiếng hót... song... biển...; Từ chuyện... bố bảo....; rồi có...*), liệt kê: (*Trường từ vựng về thiên nhiên, trường từ vựng về những bài hát ru, câu chuyện cổ tích, về trường, lớp*)
- Về nội dung: tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ.

(8)Bài thơ có nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người*

- Giống:
 - + Đều nói về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người của loài người
 - + Đều có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo
- Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh:
 - + Không phải người lớn mà là trẻ con được sinh ra trước nhất. Trẻ con chính là trung tâm của vũ trụ cần được nâng niu, hướng dẫn; vạn vật trên trái đất được sinh ra là vì trẻ em; những người thân như ông bà, bố mẹ được sinh ra là để che chở, yêu thương, nuôi dạy trẻ em khôn lớn thành người.

+ Cách kể mang nét độc đáo của lời tâm tình từ trái tim một người mẹ dành tình cảm yêu mến cho trẻ thơ, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng. *Sinh con rồi mới sinh cha/ Sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông.*

- Sự khác biệt ấy thể hiện thông điệp nhà thơ muốn nhắn gửi:

+ Tới trẻ em: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình bởi họ đã dành cho các em những tình cảm tốt đẹp nhất. Tình cảm cần được thể hiện qua những lời nói, hành động, việc làm cụ thể, giản dị hằng ngày.

+ Tới các bậc làm cha mẹ: Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất bởi các em chính là tương lai của gia đình, đất nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ để khôn lớn, trưởng thành.

(9) Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo.

III. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.

Hướng dẫn làm bài

- Giáo viên hướng dẫn HS lựa chọn một đoạn thơ các em yêu thích nhất và viết đoạn văn.
- Ví dụ về đoạn thơ sau:

*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bé bỏng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng, ...*

- Đoạn văn cần làm nổi bật được các ý sau:

+ Khái quát nội dung trước đó của bài thơ: trên trái đất những đứa trẻ sinh ra trước tiên.

+ Đoạn thơ đã dần tiếp nối mạch theo ấy: để cho trẻ có tình yêu và lời ru nên mẹ được sinh ra.

+ Mẹ mang đến cho trẻ lời ru bất tận được mang về từ mọi nơi: cái bóng cái bang, cánh hoa, cánh cò, vị gừng, vết lấm chưa khô, bờ sông cát vắng ...

+ Điệp ngữ **từ** và những hình ảnh thơ phong phú, sinh động đã gợi lên hình ảnh thế giới qua mắt trẻ nhỏ rất xinh xắn, ngây thơ đồng thời thể hiện được tình yêu thương bao la của mẹ

(muốn mang cả thế giới đến cho con), lột tả được những nhọc nhằn, vất vả mà mẹ đã trải qua để nuôi dạy con.

Đoạn văn tham khảo:

Trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* của tác giả Xuân Quỳnh, em rất thích đoạn thơ viết về sự xuất hiện của mẹ:

*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bế bồng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng, ...*

Theo tác giả, vì trẻ cần tình yêu và lời ru nên mẹ xuất hiện. Nhiệm vụ của mẹ là *bế bồng chăm sóc bé*, mang về cho trẻ *tiếng hát*, đưa trẻ đến với những vật nhỏ xinh, bình dị, đáng yêu từ *cái bóng cái bang*, *cái hoa rất thơm*, *cánh cò rất trắng*, *vị gừng rất đắng*, *vết lấm chưa khô* ... Tác giả rất tài tình khi lặp lại từ "từ" ở 7 câu thơ liên tiếp, kết hợp với cách gieo vần linh hoạt khiến cho âm hưởng của đoạn thơ réo rắt, xốn xang, bồi hồi, mơ màng như một khúc hát ru dân ca, tạo nhịp điệu đung đưa cánh võng tuổi thơ như vòng tay ôm ấp, bàn tay vỗ về của mẹ. Đoạn thơ bát ngát chất trữ tình ngọt ngào, tha thiết của mẹ giúp chúng ta bồi hồi, xúc động nhớ về những lời ru tha thiết của mẹ từ thuở còn được mẹ bế bồng đến bây giờ khi đã khôn lớn vẫn ngập tràn hạnh phúc vì mẹ vẫn luôn là bầu trời hạnh phúc bình yên của chúng ta.

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, NHÂN HÓA, ĐIỆP NGỮ

I. Lý thuyết

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức về các biện pháp tu từ. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Ví dụ: Mặt trời xuống biển như hòn lửa 2. Nhân hóa - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.

	- Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa 3. Điệp ngữ - <i>Điệp ngữ</i> là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. - Điệp ngữ có 3 dạng: + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến. + Điệp ngữ cách quãng + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng) Ví dụ: Một bầu gà mà bơi trong bếp Chết ba con hỏi còn mấy con
--	---

II. Luyện tập:

Bài tập 1:

? Tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh trong các bài *Bài học đường đời đầu tiên*.
Cho biết tác dụng của việc sử dụng phép so sánh trong văn bản trên.

Hướng dẫn làm bài

- Những câu có sử dụng phép so sánh trong bài *Bài học đường đời đầu tiên*:
- + Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.
- + Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.
- + Cái chàng dế Choắt người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.
- + Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn như người cởi trần mặc áo gi-lê.
- + Mỏ cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất
- Tác dụng: Miêu tả một cách sinh động hình dáng, tính cách của thế giới loài vật.

Bài tập 2:

? Chỉ ra và cho biết tác dụng của phép tu từ so sánh trong những câu sau:

a.

“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”
(*Quê hương*, Tế Hanh)

b. Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

(Ca dao)

Hướng dẫn làm bài

a.

- Phép so sánh:

- + *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*
- + *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

- Tác dụng: Khắc họa một cách sống động bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống với cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi căng tràn khí thế; thể hiện tình yêu quê hương thấm thiết, ca ngợi nhiệt tình lao động của những người dân chài lưới.

b.

- Phép so sánh: *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*

- Tác dụng: diễn tả nỗi vất vả, cực nhọc của người nông dân cày ruộng lúc ban trưa. Đồng thời qua đó, tác giả dân gian muốn ca ngợi thành quả lao động của họ và nhắc nhở chúng ta phải biết quý trọng thành quả lao động đó.

Bài tập 3:

Tìm 5 câu ca dao có sử dụng phép nhân hoá.

Hướng dẫn làm bài

1. Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
2. Núi cao chi lắm núi ơi,
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.
3. Núi cao bởi có đất bồi,
Núi chề đất thấp, núi ngồi ở đâu ?
4. Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chề sông nhỏ biển đâu nước còn.
5.
Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt. . .

Bài tập 4:

Đặt hai câu, nội dung tùy chọn có sử dụng phép nhân hóa?

Hướng dẫn làm bài

- a. Trên cánh đồng, những bác trâu đang thung thăng gặm cỏ.
- b. Bình minh vừa ló rạng, các nàng sơn ca đã cất cao tiếng hát.

Bài tập 5:

Bài tập 1: Tìm điệp ngữ trong các đoạn trích dưới đây và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào ?

a. *Mưa rả rích đêm ngày. Mưa tối tăm mặt mũi. Mưa thổi đất, thổi cát. Trận này chưa qua, trận khác đã tới, hung tợn hơn.*

(Ma Văn Kháng)

b. *Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu
Mai sau,
Mai sau,
Mai sau,*

Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

(Nguyễn Duy)

c. Trèo lên cây bưởi hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân

Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc

Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay...

(Ca dao)

Hướng dẫn làm bài

a. Điệp ngữ “mưa”: Điệp ngữ cách quãng.

b. Điệp ngữ “mai sau”: Điệp ngữ nối tiếp

c. Điệp ngữ “nụ tầm xuân”: Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).

Bài tập 6:

Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và hiệu quả diễn đạt của nó.

a. Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

b. “Cháu chiến đấu hôm nay

Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc

Bà ơi cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ”

(Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh)

Hướng dẫn làm bài

a. Điệp từ: Từ “lồng” được nhắc lại 2 lần trong một câu thơ: “Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”.

- Giúp ta hình dung: ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ lồng vào những bông hoa hay ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ in hình xuống mặt đất như những bông hoa xinh xắn tạo nên bức tranh trăng lung linh, huyền ảo.

- Điệp từ “lồng” có tác dụng làm cho cảnh vật đan lồng vào nhau tạo nên bức tranh nhiều tầng lớp, đường nét, hình khối lung linh ánh sáng. Nét đậm là dáng hình cổ thụ trên cao lấp lánh ánh sáng, nét nhạt là bóng cây là lung linh xao động trên mặt đất.

- Điệp từ lồng còn có tác dụng, làm cho ba vật thể (Trăng, cổ thụ, hoa) vốn dĩ cách xa nhau đan cài quấn quýt, hoà quyện vào nhau, soi sáng cho nhau rất hữu tình.

- Qua đó cho thấy tâm hồn nhà thơ- tâm hồn thi sĩ nhạy cảm với cái đẹp và có tình yêu thiên nhiên say đắm.

b. Biện pháp tu từ được sử dụng: điệp ngữ.

- Điệp từ “vì” được nhắc lại 4 lần chủ yếu là đầu mỗi dòng thơ.

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh những lí do cảm hứng của người chiến sĩ: rất lớn lao cao cả nhưng cũng rất bình thường, giản dị.

- + Làm nổi bật, khắc sâu mối quan hệ giữa các tình cảm đó, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những điều bình thường, giản dị: tình cảm dành cho người thân ruột thịt, những kỉ niệm bình dị của tuổi thơ. Những tình cảm đó là cội nguồn sâu xa của tình yêu tổ quốc, làm cho tình yêu tổ quốc nồng nàn hơn, tha thiết hơn trong trái tim người chiến sĩ.
 - + Diễn tả tình yêu tổ quốc thiết tha, cháy bỏng, thôi thúc người chiến sĩ cầm chắc tay súng, chiến thắng kẻ thù.
 - + Góp thêm một định nghĩa về tình yêu Tổ quốc đơn sơ, giản dị mà sâu sắc.
- => Mục đích chiến đấu cao cả của người chiến sĩ là lẽ sống cao đẹp của cả dân tộc ta thời đại đánh Mĩ anh hùng.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: Văn bản **Mây và sóng** và **Bức tranh của em gái tôi**, BPNT **Ẩn dụ và dấu câu**.

BUỔI 7:

Ngày soạn: / 11 /2021

Ngày dạy: / 11 /2021

ÔN TẬP:

VĂN BẢN 1: CÔ BÉ BÁN DIÊM (An- đéc- xen)
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CỤM DANH TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện.
- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;
- Nhận biết được cụm danh từ;
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực tự học các tác phẩm truyện.
 - Năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản.
 - Năng lực sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm.
 - Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.
 - Thu thập kiến thức xã hội có liên quan đến các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
 - Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó khi tìm tòi về các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
 - Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, môi trường tự nhiên,...
- + Có ý thức công dân, có lối sống lành mạnh;
- + Có tinh thần đấu tranh với những quan điểm sống thiếu lành mạnh, trái đạo lý.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực đọc hiểu tác phẩm truyện.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô bé bán diêm*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; nhận biết và phân tích được cụm danh từ;
- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ, biết giúp đỡ và có thái độ, cách cư xử với người khuyết tật, những người có hoàn cảnh kém may mắn trong xã hội.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- 1. Chuẩn bị của giáo viên:** Hệ thống kiến thức và bài tập
- 2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

- 1. Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ.
- 2. Bài mới:**

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Tác giả - Nhà văn An – đéc – xen (1805-1875). - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen. - Là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với những truyện viễn tưởng, truyện cổ tích viết cho tuổi thơ. Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác Truyện “Cô bé bán diêm” được An-đéc-xen viết vào năm 1845 khi tên tuổi ông lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút. b. Thể loại: truyện ngắn c. Ngôi kể: thứ ba d. Bố cục : 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến ... <i>cứng đờ ra</i> : Hoàn cảnh của cô bé bán diêm. + Phần 2: Tiếp đó đến.... <i>Thượng đế</i> : Các lần quẹt diêm và những mộng tưởng. + Phần 3: Còn lại: Một cái chết thương tâm của em bé.

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.

- Hình thức văn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức

e. Nghệ thuật

- Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập.
- Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh.
- Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập.
- Sáng tạo trong cách viết kết truyện.

f. Nội dung, ý nghĩa

Truyện không có một lời trữ tình ngoại đề nào của tác giả, nhưng đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm

- Thời gian: Đêm giao thừa
- Không gian: Đường phố rét dữ dội
- Em bé:
 - + Đầu trần, chân đất
 - + Dò dẫm trong bóng tối
 - + Bụng đói, giá rét.
 - + Mồ côi mẹ, bà mới mất; cha nghiện rượu, em phải đi bán diêm kiếm sống.
- ☐ Nghèo khổ, bất hạnh, cô đơn, vất vả.

2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng

Lần	Hình ảnh	Lí do
1	Lò sưởi	Em rét
2	Bàn ăn	Em đói
3	Cây thông	Em muốn được vui chơi
4	Bà nội	Em nhớ bà, muốn được sống cùng bà, được yêu thương

- ☐ 4 lần quẹt diêm là 4 mong ước giản dị, chân thành, chính đáng

Cái chết của cô bé bán diêm

- + Em bé chết vì giá rét, ở một xó tường, giữa những bao diêm
- ☐ Một cái chết thương tâm.
- + Đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười
- ☐ tình yêu thương của tác giả dành cho em bé (Giá trị nhân đạo)
- + Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!”
- ☐ Phê phán, lên án sự thờ ơ, vô cảm của XH đối với trẻ thơ (Giá trị hiện thực)

TIẾT 2: BÀI TẬP VỀ VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

Bài tập 1:

Tóm tắt văn bản “Cô bé bán diêm”

- Hình thức tổ chức luyện tập:
- + Xác định hệ thống các sự việc: Theo nhóm.
- + Viết thành văn bản tóm tắt: Cá nhân

Hướng dẫn làm bài:

a. Các sự việc chính – Trình tự tóm tắt

- Hoàn cảnh của cô bé bán diêm
- Hoàn cảnh quẹt diêm
- Các lần quẹt diêm của em bé
- Cái chết của em bé bán diêm.

b. Viết thành văn bản tóm tắt

Truyện kể về một em bé bán diêm trong đêm giao thừa rét buốt. Em có hoàn cảnh bất hạnh, bà nội và mẹ mất từ khi em còn nhỏ. Giờ đây, em phải sống cùng với người bố nát rượu, cộc cằn, thô lỗ ở một gác xép sát mái nhà. Cả ngày em chẳng bán được que diêm nào trong khi ngoài trời giá rét dữ dội, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và mùi thức ăn thơm phức. Em đánh liều quẹt lần lượt các que diêm, những mộng tưởng tươi sáng hiện ra như lò sưởi ấm áp, bàn ăn thịnh soạn, cây thông Nô-êm, bà nội hiện lên mỉm cười... Nhưng mỗi lần diêm tắt, thực tế lại là bức tường lạnh lẽo, rét mướt và một mình em cô đơn, tội nghiệp. Sáng hôm sau, em đã chết với đôi má vẫn hồng và đôi môi như đang mỉm cười trước sự thờ ơ, lạnh lùng của người qua đường.

Bài tập 1:

Hãy nêu ý nghĩa của hình ảnh ngọn lửa diêm trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.

Hình thức thực hiện: Cá nhân.

Hướng dẫn làm bài:

Hình ảnh ngọn lửa diêm mang đậm ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là ngọn lửa của ước mơ tuổi thơ về mái ấm gia đình ấm no, hạnh phúc, về tình thương mà ông bà, cha mẹ dành cho con cháu. Những ước mơ ấy thật bình dị mà thật đẹp đẽ, diệu kì, bay bổng lên trên thực tại mà vẫn bắt nguồn từ thực tại cơ cực, thảm thương. Ngọn lửa cháy hết mình là nguồn sáng trong tâm hồn đầy khao khát cháy bỏng.

Qua hình ảnh ngọn lửa diêm, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng, cảm thông, ngợi ca thế giới đầy mơ ước ấy và phải chăng ông cũng mong ước đến cháy bỏng những điều tốt đẹp ấy cho con người, cho trẻ em ?

Bài tập 3:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...

(Ngữ văn 6– tập 1)

Câu 1: : Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Xác định thể loại văn bản.

Câu 2: Chỉ ra PTBD của văn bản chứa đoạn văn trên.

Câu 3: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Trích từ văn bản: “Cô bé bán diêm”
- Tác giả: An-đéc-xen
- Thể loại: truyện ngắn.

Câu 2:

Phương thức biểu đạt của văn bản: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

Câu 3:

Đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”: (Tham khảo):

Kết thúc truyện “Cô bé bán diêm”, người “em gái” bất hạnh đáng thương ấy “*đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...*”. Dưới ngòi bút đầy chất thơ của An-đéc-xen, em ra đi mà đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười. Hình ảnh cái chết ấy thật đẹp đã thể hiện sự hạnh phúc, mãn nguyện của cô bé. Có lẽ em đã thanh thản, toại nguyện vì chỉ mình em được sống trong những điều huy hoàng, kì diệu. Cái chết của em bé bán diêm thể hiện tấm lòng nhân hậu của nhà văn dành cho số phận trẻ thơ, đó là sự cảm thông, yêu thương và trân trọng thế giới tâm hồn trẻ thơ. Thực tế em bé đã chết rất tội nghiệp, đó là cái chết bi thảm, làm nhức nhối trong lòng người đọc, em đã chết trong đêm giao thừa rét mướt, em nằm ngoài đường sáng mừng một đầu năm trong khi mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, kẻ qua người lại mà không hề quan tâm đến em, em đã chết vì lạnh, vì đói ở một xó tường. Đó là cái chết đau đớn nhưng chắc chắn sẽ thanh thản về tâm hồn. Như vậy, bằng ngòi bút nhân ái, lãng mạn, qua cái chết em bé bán diêm, tác giả muốn tố cáo, phê phán xã hội thờ ơ lạnh lùng với nỗi bất hạnh của những người nghèo khổ, đặc biệt đối với trẻ thơ. Đồng thời, ông còn muốn gửi gắm thông điệp tới người đọc, đó là hãy biết san sẻ yêu thương, đừng phũ phàng hoặc vô tình trước những khổ đau bất hạnh, cay đắng của trẻ thơ. Cái chết của em sẽ mãi ám ảnh trong lòng người đọc, khơi dậy về tình yêu thương con người trong cuộc đời này.

Bài tập 4:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”.

(Trích “*Cô bé bán diêm*”, An-đéc-xen, Ngữ văn 6, Tập 1)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

Câu 2. Nêu nội dung của đoạn trích?

Câu 3. Hãy chỉ ra nghệ thuật đối lập, tương phản được tác giả sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng của nghệ thuật ấy?

Câu 4. Nếu trong lớp em có bạn gặp phải hoàn cảnh như cô bé bán diêm em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Tự sự.

Câu 2.

Nội dung của đoạn trích: Hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm.

Câu 3.

*Nghệ thuật đối lập, tương phản được tác giả sử dụng trong đoạn trích:

- Khi xưa bà nội của em còn sống em được sống trong tình yêu thương// Hiện nay em thường xuyên bị mắng nhiếc, chửi rủa.
- Khi xưa được sống trong ngôi nhà xinh xắn, được đón giao thừa//chui rúc trong một xó tối tăm.

*Tác dụng của nghệ thuật đối lập, tương phản:

- Làm nổi bật hoàn cảnh bất hạnh của cô bé bán diêm.
- Nhấn mạnh sự thờ ơ, lãnh đạm của mọi người trước hoàn cảnh tội nghiệp của cô bé.
- Thể hiện sự thương cảm sâu sắc của tác giả.

Câu 4. Nếu trong lớp em có bạn gặp phải hoàn cảnh như cô bé bán diêm em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn?

HS có thể nêu những sáng kiến, giải pháp để giúp đỡ bạn như:

- Chia sẻ hoàn cảnh của bạn để mọi người cùng biết từ đó cùng kêu gọi chung tay giúp đỡ bạn.
- Lập quỹ từ thiện bằng cách tiết kiệm tiền tiêu vặt, tiền ăn sáng,...hoặc tổ chức những buổi lao động nhỏ kiếm tiền giúp bạn.
- Báo cáo với cô giáo chủ nhiệm, đề nghị với nhà trường,...

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở thể hiện ý tưởng riêng của học sinh, giáo viên cần linh hoạt cho điểm phù hợp.

.....

Bài tập 5:

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi cho ấm”, nhưng chẳng ai biết những cái gì diệu em đã trông thấy và nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.”

(Trích “*Cô bé bán diêm*”, An-đéc-xen, Ngữ văn 8, Tập I, trang 67)

Câu 1. Hãy đặt một nhan đề thích hợp thể hiện nội dung đoạn trích?

Câu 2. Nhận xét về đoạn kết của truyện có ý kiến cho rằng truyện kết thúc tràn đầy tinh thần nhân đạo nhưng cũng có ý kiến cho rằng truyện kết thúc không có hậu. Hãy nêu suy nghĩ của mình về hai ý kiến trên?

Câu 3. Truyện khép lại nhưng lòng người đọc vẫn không nguôi băn khoăn, day dứt về con người, về tình người. Trước khi chết vì đói, vì rét, cô bé bán diêm đã chết vì chính sự lạnh lùng, vô cảm,

tàn nhẫn, ích kỉ của con người. Từ cái chết của cô bé bán diêm, em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 6-8 câu) nói về bệnh vô cảm ở con người.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1.

Đặt một nhan đề thích hợp thể hiện nội dung đoạn trích:

- Cái chết của cô bé bán diêm.
- Một cảnh thương tâm.
-

Câu 2. Mỗi ý kiến là một góc nhìn về việc khám phá dụng ý của nhà văn

Nói truyện kết thúc tràn đầy tinh thần nhân đạo là bởi vì người nói thấy được giá trị nhân đạo, nhân văn của tác phẩm khi tác giả miêu tả thi thể em với đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười, đồng thời hình dung ra cảnh huy hoàng hai bà cháu bay lên trời để đón lấy những niềm vui đầu năm.

Ý kiến cho rằng truyện kết thúc không có hậu là muốn khẳng định giá trị hiện thực của tác phẩm. Tuy cô bé bán diêm được miêu tả thật đẹp khi chết, cô bé như tiên đồng ngọc nữ đang chìm trong giấc ngủ nhưng rõ ràng truyện kết thúc không có hậu: cô bé đã phải chết trong đói rét, trong sự vô cảm lạnh lùng của người đời. Đó là một cái chết thương tâm không đáng có.

Hai ý kiến trên tưởng chừng mâu thuẫn, đối lập nhưng thực chất lại bổ sung, soi sáng trong việc khám phá dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Từ hai ý kiến trên người đọc thấy được tài năng và đặc biệt là tình yêu thương vô hạn của nhà văn An-đéc-xen thể hiện trong phần kết của truyện.

Câu 3.

a) Về hình thức:

- Là 1 đoạn văn nghị luận, ý rõ ràng, lập luận chặt chẽ
- Đảm bảo dung lượng 6-8 câu (nên đánh số thứ tự các câu).

b) Về nội dung: cần đảm bảo các ý cơ bản sau

*Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận bệnh vô cảm ở con người.

*Thân đoạn:

- **Giải thích:** “vô cảm” là sống không có cảm xúc, ích kỷ, lạnh lùng, thờ ơ, làm ngơ trước những điều xấu xa, hoặc nổi bất hạnh của những người sống xung quanh mình.

- **Biểu hiện:**

- + Trong cuộc sống: vô cảm với những con người bất hạnh....
- + Trong học tập: vô cảm với những bạn học có hoàn cảnh khó khăn, bạn bị bạo hành ngay trước công trường, lớp học nhưng đứng xem rồi quay clip tung lên mạng coi như không phải chuyện của mình....

+ Trong gia đình: vô cảm với cha mẹ, những người thân khi ốm đau, gặp chuyện không may.....

- **Nguyên nhân:**

- + Do lối sống ích kỉ
- + Nhịp sống của xã hội hiện đại nhiều khi không đủ thời gian, không đủ sức lực và tâm huyết để mình chú ý đến những vấn đề khác ngoài công việc, học tập.
- + Một bộ phận lớp trẻ được gia đình, bố mẹ chiều chuộng, thậm chí là lập trình sẵn cho cuộc đời, cho tương lai nên có tư tưởng không cần phải phấn đấu, thờ ơ với cuộc sống, tương lai của mình và người khác.

- Hậu quả:

+ Làm cho cái xấu, cái ác sinh sôi, nảy nở.

+ Làm mất đi tình thương giữa con người với con người; mai một phẩm chất, đạo lí tốt đẹp của con người Việt Nam...

*Kết đoạn:

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Học tập lối sống lành mạnh, biết yêu thương sẻ chia đồng cảm với những người xung quanh.

+ Tham gia các hoạt động xã hội có tính nhân văn

+ Xã hội cần lên án mạnh mẽ sự vô cảm, coi đó như là một cuộc chiến để loại bỏ căn bệnh này ra khỏi xã hội.

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CỤM DANH TỪ

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức về cụm danh từ. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Lý thuyết về cụm danh từ - Cụm danh từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.

II. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

Hãy tìm cụm danh từ từ trong đoạn văn sau và xếp vào mô hình cụm danh từ

Bởi tôi ăn uống điều độ, làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên đập phanh phách vào các ngọn cỏ.

(Tô Hoài)

Hướng dẫn làm bài:

*** Các cụm danh từ trong đoạn văn:**

- một chàng dế thanh niên cường tráng
- đôi càng tôi
- những cái vuốt ở chân, ở khoeo
- sự lợi hại của những chiếc vuốt
- những chiếc vuốt
- các ngọn cỏ

*** Xếp các cụm danh từ trên vào mô hình cụm danh từ:**

Phần trước (Phụ ngữ)	Phần trung tâm (Danh từ)	Phần sau (Phụ ngữ)
một	chàng dế	thanh niên cường tráng
đôi	càng	tôi
những	cái vuốt	ở chân, ở khoeo

	sự lợi hại	của những chiếc vuốt
những	chiếc vuốt	
các	ngọn cỏ	

Bài tập 1:

Tìm cụm danh từ trong mỗi câu sau, cho biết cụm dt giữ chức vụ ngữ pháp gì? (Gv trình chiếu đề bài)

- a. Em rất thích cái bút này.
- b. Cái áo này còn rất mới.
- c. Ngôi trường màu vàng nằm giữa cánh đồng xanh bát ngát.
- d. Những bông hoa màu vàng làm sáng cả góc vườn.

Hướng dẫn làm bài:

- a. cái bút này => cụm dt làm VN
- b. Cái áo này => cụm dt làm CN
- c. Ngôi trường màu vàng => cụm dt làm CN
- d. Những bông hoa màu vàng => cụm dt làm CN

Bài tập 3:

Chỉ ra và phân tích các cụm danh từ trong khổ thơ sau (Gv trình chiếu đề bài):

“Hạt gạo làng ta
 Có vị phù sa
 Của sông Kinh Thầy
 Có hương sen thơm
 Trong hồ nước đầy
 Có lời mẹ hát
 Ngọt bùi hôm nay.”

(Hạt gạo làng ta - Trần Đăng Khoa)

Hướng dẫn làm bài:

- * Xác định đúng các cụm danh từ:
- + **hạt gạo** làng ta
- + vị **phù sa**
- + **hương sen** thơm
- + **hồ nước** đầy
- * Phân tích cấu tạo các cụm danh từ.
- (phần trung tâm in đậm).

Bài tập 4 :

Tìm và phân tích cấu tạo của các cụm danh từ trong phần trích sau (Gv trình chiếu đoạn văn)

“...Từ trong các bụi rậm xa, gần, những chú chồn, những con dúi với bộ lông ướt mềm, vừa mừng rỡ, vừa lo lắng nối tiếp nhau nhảy ra rồi biến mất. Trên các vòm lá dày ướt đầm, những con chim k lang mạnh mẽ, dữ tợn, bắt đầu dang những đôi cánh lớn giữ nước phành phạch. Cất lên những tiếng kêu khô, sắc chúng nhún bay lên, làm cho những đám lá ứa roi rưng rả tả. Xa xa,

những chỏm núi màu tím biếc cắt chéo nền trời. Một dải mây mỏng, mềm mại như một dải lụa trắng dài vô tận ôm ấp, quấn ngang các chỏm núi như quyến luyến bịn rịn.”

- Hs làm bài tập theo nhóm tổ, đại diện nhóm trình bày, nhận xét chéo.

- Gv nhận xét, chốt kiến thức.

Hướng dẫn làm bài:

Xác định đúng các cụm danh từ như sau (thành tố trung tâm in đậm)

- các **bụi** rậm xa, gần;
- những **chú chồn**;
- những **con đúi** với bộ lông ướt mềm;
- các **vòm lá** dày ướt đầm;
- những **con chim klang** mạnh mẽ, dữ tợn;
- những **đôi cánh** lớn;
- những **tiếng kêu** khô, sắc;
- những **đám lá** úa;
- những **chỏm núi** màu tím biếc;
- một **dải mây** mỏng mềm mại;
- một **dải lụa** trắng dài vô tận;
- các **chỏm núi**;

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: **Gió lạnh đầu mùa**. Thực hành Tiếng Việt: **Cụm động từ** và **cụm tính từ**.

.....

BUỔI 8:

Ngày soạn: / 11 /2021

Ngày dạy: / 11 /2021

ÔN TẬP:

VĂN BẢN 2. GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (Thạch Lam)

VĂN BẢN 2: CON CHÀO MÀO (Mai Văn Phấn)
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;
- Nêu được một số điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiên;
- Nhận xét, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn, nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương, biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.
- Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ (thể loại chính HS được học ở bài 2).
- Củng cố kiến thức về cụm động từ; hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa; Con chào mào*.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa; Con chào mào*.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;
- Năng lực nhận biết và phân tích tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.
- Năng lực mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp
- Trung thực: làm bài tập nghiêm túc, báo cáo đúng kết quả học tập
- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
- Nhân ái: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.
- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP VĂN BẢN: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Tác giả - Tên: Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh; - Quê quán: sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ, ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống. - Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: <i>Gió đầu mùa</i>, <i>Nắng trong vườn</i>, <i>Sợi tóc</i>,... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: <i>Gió lạnh đầu mùa</i> là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam. b. Người kể chuyện: ngôi thứ ba; c. Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả; d. Thể loại: truyện ngắn; e. Bố cục: 3 phần - Phần 1: Từ đầu... <i>Son thấy mẹ hơi rom róm nước mắt</i>: Sự thay đổi của cảnh vật và con người khi thời tiết chuyển lạnh; - Phần 2: Tiếp... <i>trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui</i>: Son và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo; - Phần 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Son. f. Nghệ thuật - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Miêu tả tinh tế g. Nội dung Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM 1. Hai chị em (Nhân vật Sơn và Lan) <u>a. Buổi sáng khi ở trong nhà</u> - Gia cảnh: sung túc
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời.	

- GV chốt kiến thức

+ Có vú già;

+ Cách xưng hô:

Cách mẹ Sơn gọi em Duyên ngay từ đầu tác phẩm: “cô Duyên” - “cô” - trang trọng;

Cách gọi mẹ của Sơn: “mợ” gia đình trung lưu

+ Những người nghèo khổ mà Sơn quen biết vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn;

- Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em:

+ *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá;*

+ *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.*

Gia đình sung túc, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn.

b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ

- Thái độ: *Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn*

- Khi thấy Hiên đứng nép một chỗ không ra chơi cùng:

+ Gọi ra chơi;

+ Hỏi: “Áo lành đâu không mặc?”; “Sao không bảo u may may cho?” Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiên Quan tâm thật lòng;

+ Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, thấy động lòng thương, một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí.*

tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn.

c. Chiều tối khi trở về nhà

- Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo

Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại.

Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.

2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo

a. Không gian/ khung cảnh

+ *Chợ vắng không, mấy cái quán chợ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề*

+ *Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em*

Yên ả, vắng lặng, nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó.

b. Dáng vẻ

+ *mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ;*

+ *môi tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi;*

+ mỗi con gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau

c. Thái độ

+ đương đợi Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo
+ đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám
vồ vập như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy;

+ gương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn

“gương”: ngược lên và mở to có sự chú ý đặc biệt

“ngắm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong

Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong
Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó

d. Nhân vật Hiên

- Từ này vẫn đứng dựa vào cột quán, co ro đứng bên cột
quán Từ này: thời gian dài, co ro: lạnh phải khúm người lại
Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc
cảm: đứng ả nấp “dựa vào cột quán”;

- Gọi không lại

- Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay

- Khi được hỏi *bịu xiu* trả lời: mặt xỉ xuống, thường đi kèm
những lời có ý buồn tủi mặc cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ
òà.

e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm

- Giống:

+ Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương;

+ Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt

- Khác:

	Hiên	Cô bé bán diêm
Tên	Có tên	Không tên
Không gian	Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo	Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo
Thời gian	Đầu mùa đông Cái lạnh mới bắt đầu	Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình

		đầm ấm đón chào năm mới.
Tình thương	- Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v...	Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ
Cái kết	Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm	Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết.

3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên

a. Mẹ của Hiên

- Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc không đủ tiền để may áo cho con

- Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:

+ Khép nép, nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả nợ”. -> Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – nợ;

+ Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn.

Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ

b. Mẹ của Sơn

- Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.

- Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương, không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác...

III. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

Trong truyện ***Gió lạnh đầu mùa*** có nhiều nhân vật. Em hãy viết đoạn văn về một nhân vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng cụm tính từ.

Hướng dẫn làm bài

Giáo viên hướng dẫn học sinh lựa chọn một trong các nhân vật mà em yêu thích (ví dụ: mẹ Sơn, Sơn, Hiên, Mẹ Hiên)

- Trong đoạn văn cần thể hiện được các ý sau:

+ Vì sao em lại yêu thích nhân vật đó.

- + Nhân vật đó có đặc điểm gì nổi bật (về hình dáng, hành động, nội tâm, cách ứng xử ...)
- + Có thể chọn một vài chi tiết mà tác giả miêu tả về nhân vật để minh chứng cho điều em viết về nhân vật.

Tham khảo đoạn văn sau:

Trong truyện ***Gió lạnh đầu mùa*** của nhà văn Thạch Lam các nhân vật mẹ Sơn, Sơn, Hiền, mẹ Hiền đều là những người nhân hậu, có lòng tự trọng, biết yêu thương và chia sẻ nhưng nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc nhất đối với em là nhân vật Sơn. Sơn được sinh ra và lớn lên trong một gia đình trung lưu, em được ***ăn no mặc ấm*** nhưng không vì thế mà Sơn tỏ ra kênh kiệu, coi thường người khác. Trái lại, khi thấy cái Hiền, đứa con gái nhà hàng xóm chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay, co ro đứng bên cột quán, Sơn đã động lòng thương. Tình thương chân thành, ngây thơ và trong sáng đã khiến Sơn có ý nghĩ và hành động tốt. Sơn đã bàn với chị Lan cho Hiền cái áo bông cũ của em Duyên. Và khi chị Lan hăm hở chạy về nhà, Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp, vui vui. Tác giả đã thấu hiểu và miêu tả thật cảm động một đức tính tốt đẹp của Sơn. Đó là lòng thương yêu, sự chia sẻ khó khăn với bạn bè, mong muốn đem đến niềm vui cho người khác. Hành động của Sơn cũng sẽ là bài học giúp em biết sống tốt hơn, biết yêu thương và quan tâm đến người khác hơn.

Bài tập 2:

Em hãy so sánh điểm giống nhau và khác nhau của nhân vật cô bé trong truyện *Cô bé bán diêm* của Andecxen và nhân vật bé Hiền trong truyện *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam

Hướng dẫn làm bài

Điểm giống và khác nhau giữa nhân vật cô bé trong truyện *Cô bé bán diêm* của Andecxen và nhân vật bé Hiền trong truyện *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam:

- **Giống nhau:** cô bé bán diêm và Hiền đều là những đứa trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Nếu cô bé bán diêm được miêu tả là Giữa trời mưa tuyết rét mướt, lạnh cóng, đôi chân trần của em với đôi giày vải mỏng, rồi em lại đi chân đất, chân em đỏ ửng hết lên rồi bầm tím lại. Tóc em xõa, em đeo chiếc tạp dề cũ kỹ, lê hết các con phố ngõ ngách để bán những bao diêm, cả một ngày em chưa được ăn, phải chống lại cái lạnh, cái đói để bán diêm thế nhưng cũng không bán được bao diêm nào, thì Hiền cũng được miêu tả trong một cảnh ngộ không kém phần nghèo khổ: trông thấy một con bé đứng co ro bên cột quán, chỉ mặc có áo manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Như vậy, cả cô bé bán diêm và cả bé Hiền đều sống trong hoàn cảnh nghèo khổ, thiếu thốn.

- **Khác nhau:**

+ **Cô bé bán diêm:** sống bất hạnh, mồ côi mẹ, người bà yêu thương em nhất cũng mất. Em không có sự yêu thương, bảo vệ của gia đình. Em phải tự mình kiếm tiền nuôi sống bản thân và nuôi bố, nếu không bán được diêm, không có tiền mang về, về nhà em sẽ bị bố đánh mắng. Em sống trong sự cô đơn, ghẻ lạnh của bố.

+ **Hiền:** em có mẹ yêu thương, có chị em Sơn quan tâm và chia sẻ.

TIẾT 2: ÔN TẬP VĂN BẢN: CON CHÀO MÀO

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV mở rộng thêm : Nhà thơ Mai Văn Phấn là tác giả Việt thứ 2 giành giải Cikada. Đây là một giải thưởng uy tín, nhiều nhà thơ	I. KIẾN THỨC CHUNG 1. Tác giả - Tên: Mai Văn Phấn

từng nhận giải Cikada cũng đã được đề cử giải Nobel văn học. Ông được người yêu thơ biết đến với các tập thơ tiêu biểu như: Hoa giấu mặt (2012), Bầu trời không mái che (2010), Và đột nhiên gió thổi (2009), Hôm sau (2009), Người cùng thời (1999), Gọi nắng (1992). Các tác phẩm thơ của ông đã đạt nhiều giải văn học trong nước và quốc tế, được dịch ra 24 ngôn ngữ khác nhau và được chọn in trong nhiều tuyển tập thơ quốc tế. Thơ Mai Văn Phấn đa dạng phong cách với nhiều thử nghiệm phong phú. Ông viết nhanh, chớp bắt được những biến đổi của màu sắc đời sống bằng cảm xúc đột khởi mạnh mẽ. Với đặc trưng mang tính truyện, giọng điệu tự sự, khám phá những điều tưởng chừng bông lơn, mang tính trào lộng, châm biếm, nhưng cũng có lúc lại biểu đạt sự huyền bí, thơ mộng. Ông chia sẻ chân tình về thơ của mình trước người yêu thơ : *“Bài thơ viết ra thì không còn là của mình nữa, mà nó thành một người bạn, người thầy của mình để dạy cho mình biết sống tử tế, khoan hòa hơn. Chính thơ tôi đã thanh lọc tôi”*.

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.

- Hình thức văn đáp.
- HS trả lời.
- GV chốt kiến thức

- Năm sinh: 1955

- Quê quán: Ninh Bình

- Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng.

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ: Bài thơ *Con chào mào* được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.

b. Thể loại: thơ tự do;

c. Bố cục: 3 phần

- Phần 1: Khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào;

- Phần 2: Khổ 2, 3, 4: Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” muốn giữ con chim ở lại bên mình;

- Phần 3: Còn lại: hình ảnh và tiếng chim chào mào đã được nhân vật “tôi” lưu giữ trong ký ức.

d. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc;

- Sử dụng các biện pháp điệp ngữ nhằm miêu tả, nhấn mạnh hình ảnh, vẻ đẹp trong tiếng hót của con chim chào mào. Từ đó làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên và cảm xúc của chủ thể trữ tình với thiên nhiên.

e. Nội dung

Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào

- Vị trí: trên cây cao chót vót □ Khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên.

- Màu sắc: đốm trắng màu đỏ □ Màu sắc rực rỡ

	- Âm thanh: hót triu... uýt... huýt... tu hìu... □ Tiếng hót dài, trong trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên => Bút pháp tả thực, bức tranh tràn ngập màu sắc và âm thanh. 2. Cảm xúc của nhân vật “tôi” về tiếng chim. <u>a. Lúc đầu</u> - “Vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “Sợ chim bay đi” □ Thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn giữ mãi ở bên cạnh. <u>b. Lúc sau</u> - “Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ” □ Vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên □ Trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.
--	---

Bài tập 1:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Con chào mào đốm trắng mũi đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu ... uýt ... huýt ... tu hìu*

Câu 1: Đoạn thơ trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Nêu xuất xứ của văn bản? Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

Câu 2: Trong bài thơ tác giả còn lặp lại câu thơ:

triu ... uýt ... huýt ... tu hìu

Việc lặp lại đó có dụng ý gì?

Câu 3: Hãy nêu những suy nghĩ của em khi đọc những câu thơ trên bằng một đoạn văn ngắn.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

-Văn bản: *Con chào mào* của tác giả Mai Văn Phấn

- Xuất xứ: Bài thơ *Con chào mào* được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.

- Thể loại: Thơ tự do

Câu 2:

Câu thơ : *triu ... uýt ... huýt ... tu hìu* đã được tác giả viết ở dòng thứ ba của bài thơ. Đến dòng thứ 15 của bài thơ, tác giả đã lặp lại câu thơ này. Đây là sự tinh tế của tác giả trong việc sử dụng từ ngữ,

hình ảnh cho bài thơ. Việc lặp lại này tác giả muốn nhắc rằng con chào mào đã đi qua một hành trình đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lốt, chói gắt *trên cây cao chót vót* đến phới bè, vang vọng khi đã được *mổ những con sâu ăn trái cây chín đỏ* và uống từng giọt nước, thanh sạch của tôi.

Câu 3:

Bài thơ ***Con chào mào*** là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Mai Văn Phan thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu loài vật của tác giả. Con chào mào là hình tượng trung tâm của bài thơ. Với nổi đặc tả gần, khá kỹ, nhà thơ khắc họa hình dáng con chào mào ngay từ câu thơ mở đầu *Con chào mào đỏm trắng mũi đỏ*. Hình ảnh con chào mào hiện lên trước mắt người đọc thật sinh động, đáng yêu. Đặc biệt với ngòi bút tài tình, sáng tạo tác giả đã đưa đến cho người đọc một cảm giác thật thú vị khi nghe tiếng hót của con chào mào *triu ... ụt ... huyết ... tu hù*. Tiếng hót của chim phải chăng là tiếng lòng, là sự thôn thút của tác giả trước cảnh thanh bình, tươi đẹp của thiên nhiên.

Bài tập 2:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Chẳng cần chim lại bay về
Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ

Câu 1: Đoạn thơ trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Nêu xuất xứ của văn bản? Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

Câu 2: Trình bày suy nghĩ của em về hai câu thơ trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Văn bản: *Con chào mào* của tác giả Mai Văn Phan

- Xuất xứ: Bài thơ *Con chào mào* được trích trong *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, 2010.

- Thể loại: Thơ tự do

Câu 2: Nếu lúc đầu tác giả ***sợ chim bay đi*** thì đến hai câu thơ kết bài thơ tác giả lại ***Chẳng cần chim lại bay về***, có vẻ mâu thuẫn, nhưng đọc cả bài thơ, ta thấy lại là điều hợp lý. Tác giả không muốn chim bay về không phải vì tác giả không còn muốn nghe tiếng hót của chào mào mà trong sâu thẳm lòng mình, tác giả muốn chim được bay đến những chân trời rộng lớn, tươi đẹp, muốn tiếng hót sẽ ngân vang ở chân trời mới

tiếng hát ấy giờ tôi nghe rất rõ
vôchẳng cần chim bay lại

Nếu lúc đầu tác giả ***sợ chim bay đi*** thì đến hai câu thơ kết bài thơ tác giả lại ***chẳng cần chim bay về*** có vẻ mâu thuẫn nhưng đọc cả bài thơ ta thấy lại là điều hợp lý tác giả không muốn chim bay về không phải vì tác giả không còn muốn nghe tiếng chim hót của chào mào mà trong sâu thẳm lòng mình tác giả muốn xin được bay đến những chân trời rộng lớn nơi đẹp muốn tiếng hót *triu ... ụt ... huyết ... tu hù* sẽ ngân vang ở những chân trời mới.

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT CỤM ĐỘNG TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

I. LÝ THUYẾT

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về cụm động từ và cụm tính từ. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	1. Cụm động từ a. Khái niệm: Cụm động từ là tập hợp từ, gồm động từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau động từ trung tâm ấy. b. Cấu tạo: Cụm danh từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là động từ + Phần phụ trước: Thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về + Thời gian(<i>đã, đang, sẽ,...</i>) + Khẳng định/phủ định(<i>không, chưa, chẳng...</i>) + Tiếp diễn(<i>đều, vẫn, cứ,...</i>). + Mức độ của trạng thái (<i>rất, hơi, quá,...</i>) ... + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về : + Đối tượng (<i>đọc sách</i>), + Địa điểm (<i>đi Hà Nội</i>), + Thời gian (<i>làm việc từ sáng</i>),... 2.. Cụm tính từ a. Khái niệm: Cụm tính từ là tập hợp từ, gồm tính từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau tính từ trung tâm ấy. b. Cấu tạo: Cụm danh từ gồm ba phần: + Phần trung tâm ở giữa: là tính từ + Phần phụ trước: Thường bổ sung cho tính từ ý nghĩa về + Mức độ (<i>rất, hơi, khá,...</i>), + Thời gian (<i>đã, đang, sẽ,...</i>), + Tiếp diễn (<i>vẫn, còn,...</i>). ...+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về : + Phạm vi (<i>giỏi toán</i>), + So sánh (<i>đẹp như tiên</i>), + Mức độ (<i>hay ghê</i>),...

II. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Xác định cụm danh từ cụm động từ cụm tính từ trong các cụm từ sau:

1. tất cả những học sinh ấy
2. khế co mình
3. vẫn cứ còn trẻ
4. đẹp như cô tiên giáng trần

5. cũng rất thông minh
6. mấy vật cỏ xanh biếc
7. một người thợ xây
8. mấy con chim chào mào
9. sẽ nghỉ ở thành phố Vinh
10. vẫn hát bình thường

Hướng dẫn làm bài

1. tất cả những học sinh ấy (cụm danh từ)
2. khế co (mình cụm động từ)
3. vẫn cứ còn trẻ (cụm tính từ)
4. đẹp như cô tiên giáng trần (cụm tính từ)
5. cũng rất thông minh (cụm tính từ)
6. mấy vật cỏ xanh biếc (cụm danh từ)
7. một người thợ xây (cụm danh từ)
8. mấy con chim chào mào (cụm danh từ)
9. sẽ nghỉ ở thành phố Vinh (cụm động từ)
10. vẫn hát bình thường (cụm động từ)

Bài tập 2

Hãy tìm cụm tính từ trong đoạn văn sau và xếp vào mô hình cụm tính từ

Xóm ấy trú ngụ đủ các chi họ Chuồn chuồn. Chuồn chuồn Chứa lúc nào cũng như dĩa đội, hùng hổ nhưng kì thực trong kĩ đôi mắt lại rất hiền. Chuồn chuồn Ngô nhanh thoăn thoắt, chao một cái đã biến mất. t Chuồn Chuồn Ốt rục rờ trong bộ quần áo đỏ chót giữa ngày hè chói lọi, đi đằng xa đã thấy. Chuồn chuồn tương có đôi cánh kẹp vàng điểm đen thường bay lượn quanh bãi những hôm nắng to. Lại anh Kìm Kìm Kim lúc nào cũng lầy bầy như mẹ đẻ thiếu tháng, chỉ có bốn mẩu cánh tí tẹo, cái đuôi bằng chiếc khăn tắm dài nghêu, đôi mắt nổi to hơn đầu, cũng đậu ngụ cư vùng này.

(Tô Hoài)

Hướng dẫn làm bài

*** Trong đoạn có các cụm tính từ:**

- đủ các chi họ Chuồn chuồn
- rất hiền
- nhanh thoăn thoắt
- rục rờ trong bộ quần áo đỏ chót giữa ngày hè chói lọi
- vàng điểm đen
- nắng to
- cũng lầy bầy như mẹ đẻ thiếu tháng
- thiếu tháng
- dài nghêu
- to hơn đầu

*** Xếp các cụm tính từ trên vào mô hình cụm tính từ:**

Phần trước (Phụ ngữ)	Phần trung tâm (tính từ)	Phần sau (Phụ ngữ)
	đủ	các chi họ Chuồn chuồn

rất	hiền	
	nhanh	thoăn thoắt
	rực rỡ	trong bộ quần áo đỏ chót giữa ngày hè chói lọi
	vàng	điểm đen
	nắng	to
cũng	lầy bầy	như mẹ đẻ thiếu tháng
	thiếu	tháng
	dài	nghêu
	to	hơn đầu

Bài tập 3

Viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về một mùa hoặc một cảnh thiên nhiên mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng cụm động từ và cụm tính từ

Hướng dẫn làm bài

- Giáo viên hướng dẫn học sinh chọn chủ đề về mùa hoặc một cảnh vật mà em yêu thích
- Trong đoạn văn thực hiện các yêu cầu sau:
 - + Nêu được lý do vì sao mình lại yêu thích mùa đó hoặc cảnh vật đó.
 - + Mùa hoặc cảnh vật đó có nét đặc trưng gì?

Tham khảo đoạn văn sau:

Đoạn 1:

Mùa xuân tươi đẹp đã về. Tiết trời ấm áp xua tan cái lạnh giá của mùa đông. Xuân về, đem hơi thở nồng nàn, rạo rực phủ lên mọi vật. Cả đất trời như bừng thức dậy sau giấc ngủ đông. Trong vườn trăm hoa khoe sắc. Đó là màu vàng tinh khiết của hoa mai, sắc hồng tinh khôi của hoa đào, màu trắng trang nhã, thanh tao của hoa mận, hoa quýt... Trên bầu trời từng đàn chim én chao liệng nghiêng mình chào đón mùa xuân. Không khí chào đón mùa xuân tràn ngập khắp mọi nơi. Nhà cửa, phố phường cũng khoác trên mình màu áo mới nhiều mà màu sắc khiến lòng người cũng lâng lâng chỉ muốn cất lên tiếng hát chào xuân.

Đoạn 2:

Mùa thu kiêu diễm đã về. Những cơn gió heo may nhẹ nhàng thổi. Hoa cúc vàng khoác trên mình tấm áo vàng rực rỡ, tự tin khoe sắc trước gió ... Lòng em chợt dâng lên cảm xúc khó tả khi phải chia tay mùa hạ. Tạm biệt những chùm phượng đỏ, những tiếng ve dân gian. Tạm biệt những chuyến đi vui vẻ cùng gia đình và bạn bè ... Một năm học mới sắp đến! Dẫu còn nhiều điều lưu luyến với mùa hạ nhưng lòng em lại háo hức khi nghĩ về ngày khai giảng, được gặp lại thầy cô, bạn bè. Năm học mới, em sẽ cố gắng học tốt để năm sau có một mùa hè vui hơn nữa. Cái nắng đầu thu nhắc em mong sớm đến rằm Trung thu để được ngắm vàng trăng tròn vành vạnh, được thưởng thức những chiếc bánh dẻo, bánh nướng do chính tay mẹ em làm. Mùa thu ơi, em mong ước mùa thu về biết bao!

u bài tập tập

Bài tập 4

Viết một đoạn văn ngắn kể về công việc hàng ngày của em trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 5 cụm động từ.

Đoạn văn tham khảo:

Hàng ngày những lúc rỗi rãi em thường giúp mẹ làm những công việc nhẹ trong nhà, khi thì quét nhà, rửa ấm chén, khi thì tưới nước cho hoa hồng, giặt quần áo, phơi quần áo, nấu cơm, trông em ... Mỗi khi em làm được những việc như vậy thường bố mẹ em khen. Thỉnh thoảng em được những món quà bất ngờ mà bố mẹ nói là để thưởng cho em vì học tập tốt và biết giúp đỡ gia đình.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.***

.....

Ngày soạn: / 11 /2021

Ngày dạy: / 11 /2021

BUỔI 9:

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS viết được bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể;
- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tự sự (tiếp nối bài 1).

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt												
GV hướng dẫn HS cùng cố những kiến thức cơ bản về <i>Cách làm một bài văn kể lại một trải nghiệm của em</i> . - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm của em - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất; - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ; - Tập trung vào sự việc đã xảy ra; - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo trình tự hợp lý; - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện; - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. II. Các bước tiến hành 1. Trước khi viết - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý 2. Viết bài Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em <table border="1"> <tr> <td>Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?</td><td>.....</td></tr> </table>	Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?		Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?		Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?		Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?		Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?		Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?	
Đó là câu chuyện gì? Xảy ra khi nào? Ở đâu?													
Những ai liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói và làm gì?													
Điều gì đã xảy ra, theo thứ tự thế nào?													
Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?													
Cảm xúc của em ntn khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?													
Câu chuyện đó cho em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa, sự quan trọng ntn đối với em?													

3. Chỉnh sửa bài viết

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Đề 1: Cho nhan đề truyện: Một lần không vâng lời. Em hãy tưởng tượng để kể một câu chuyện theo nhan đề ấy

1. Tìm hiểu đề

a) Yêu cầu về nội dung: kể một câu chuyện (có nguyên nhân, diễn biến, kết quả) về một lần không vâng lời cha mẹ, anh chị, thầy cô giáo, như trốn học, đi chơi, nói dối cha mẹ, thầy cô, gây gỗ đánh nhau,... qua câu chuyện kể, em cần rút ra một ý nghĩa sâu sắc nào đó.

b) Yêu cầu về hình thức:

- + Kiểu bài: sử dụng phương thức tự sự dưới hình thức kể chuyện có sự việc và nhân vật.
- + Ngôi kể: có thể kể chuyện từ ngôi thứ nhất, hoặc kể theo ngôi thứ ba.
- + Bố cục: Theo bố cục của bài văn tự sự- kể chuyện: Mở bài (giới thiệu sự việc không vâng lời); Thân bài (kể diễn biến sự việc không vâng lời); Kết bài (bài học nhận thức của bản thân)
- + Lời văn: sử dụng câu kể kết hợp với câu tả; giọng văn chân thành, tình cảm.

2. Dàn bài:

- a. Mở bài: giới thiệu câu chuyện về một lần em không vâng lời cha mẹ, để lại hậu quả xấu.
- b. Thân bài: cần xác định thời gian, không gian diễn biến sự việc; nhân vật và diễn biến của câu chuyện. Muốn vậy, cần trả lời các câu hỏi: câu chuyện xảy ra khi nào? Ở đâu? Xảy ra với ai? Vì sao lại xảy ra sự việc đó? Diễn biến ra sao? Kết quả thế nào?

Chẳng hạn khi kể lại câu chuyện *Một lần không nghe lời khuyên của mẹ*, em có thể triển khai qua các sự kiện sau:

- Một lần, lớp có kế hoạch đi dã ngoại. Mẹ đi công tác từ sáng sớm. Không có ai gọi, em đã ngủ dậy muộn. Do vội vàng, em đã xô ngã một bạn nhỏ qua đường. Xe hỏng, em phải giải quyết hậu quả.
- Vội vã đến trường, em vẫn đến chậm cả tiếng đồng hồ.
- Vì không liên lạc được với em nên cô giáo đã quay lại tìm em, ra cả bệnh viện tìm hiểu tình hình.
- Em còn quên cả balô đựng đồ ăn cho lớp ở nhà.
- Chuyển đi dã ngoại không được như mong muốn khiến em rất ân hận.
- c. Kết bài: bài học cho bản thân không bao giờ được xem thường mọi việc. Nếu không, một việc nhỏ cũng có thể gây hậu quả lớn....

3. Bài viết tham khảo:

Mẹ dạy: “Cẩn tắc vô áy náy”! Làm việc gì cũng phải cẩn thận, có như thế thì mọi việc sẽ tốt đẹp, không phải lo lắng gì con ạ!”. Nghe mẹ nói thế, tôi chỉ ậm ừ cho qua chuyện.

Nhưng một chuyện đã xảy ra khiến tôi thấm thía sâu sắc lời mẹ dạy. Ấy là cái lần đội tuyển học sinh giỏi văn gồm 10 người tổ chức đi dã ngoại. Chúng tôi phân công cụ thể công việc cho mỗi thành viên trong đoàn. Mọi người chuẩn bị rất chu đáo cho chuyến đi đó. Vì nhà tôi ở kế bên hàng xôi chả ngon nổi tiếng thành phố nên tôi đã xung phong lo chuyện hậu cần cho cả đoàn. Đêm hôm trước, mẹ dặn phải xem xét, sắp xếp mọi thứ cho thật chu đáo. Mẹ đã thức giấc khuya, chuẩn bị giò chả, mua xôi đóng gói “để tiện cho việc đi xa, ăn ngon lại không cần phải đưa bát lênh kênh”. Các vật dụng cần thiết khác cho chuyến xuất hành cũng được mẹ sắp xếp sẵn vào ba lô để sáng mai chỉ

cần vùng dậy là có thể lên đường. Mẹ còn nói thêm điều gì đó, nhưng tôi chẳng để tâm vì còn đang dán mắt vào màn hình tivi. Bộ phim Tom và Jerry đang vào hồi hấp dẫn nhất. Tôi nghĩ: thế nào sáng mai mẹ chẳng gọi mình dậy sớm. Lúc ấy chuẩn bị cũng kịp chán!

Đêm đó, cuộn tròn trong chiếc chăn ấm áp tôi đánh một giấc ngon lành cho đến sáng bạch. Tôi chờ nghe mẹ gọi nhưng trong nhà vẫn im ắng. Sao vậy nhỉ? Tôi choàng dậy, nhìn đồng hồ. Chao ôi: 7 giờ kém 15. Một tờ giấy gài ở bàn ăn có chữ của mẹ: *Mẹ đi công tác sớm, con đi cẩn thận nhé!* Đúng rồi, đêm qua vì mải xem tivi, tôi không để vào ta những lời mẹ nói về chuyến công tác này. Cuống quýt, vội vã, tôi mải mốt mặc quần áo, rồi chẳng kịp đánh răng, rửa mặt tôi nhảy phóc lên xe, đi đối tất đến trường. Do hấp tấp, tôi xô phải một bạn nhỏ đang băng qua đường. Chiếc xe bị méo vành. Còn bạn nhỏ, thật may, chỉ bị xây xát nhẹ. Giải quyết xong hậu quả, tôi chỉ kịp gửi chiếc xe hỏng ở gần nhà rồi học tốc chạy đến điểm trường. Tôi đã đến muộn gần một tiếng đồng hồ. Cả đội đang nhốn nháo. Còn cô giáo thì rất lo lắng. Sau nhiều lần tìm cách liên lạc mà không được, ngỡ tôi bị ốm hoặc gặp điều gì bất trắc, cô đã quay về nhà tìm tôi. Nghe nói có một vụ đụng xe, cô hốt hải chạy đến bệnh viện. Mọi chuyện thế là cứ rối tinh cả lên. Chuyến đi bị chậm trễ, có phần kém vui chỉ vì lỗi của tôi.

Khi đến nơi tập kết, tôi mới hốt hoảng kêu trời. Cái ba lô mẹ chuẩn bị rất chu đáo đã bị tôi bỏ quên ở nhà. Thế là bao nhiêu công lao của mẹ thành công cốc. Tôi ân hận vì đã bỏ ngoài tai lời mẹ dặn để đến nỗi khiến cho cả đoàn gặp khó khăn. Rất may, cô giáo tôi cũng đã có cách để xoay chuyển tình thế. Bởi vậy, hôm ấy mọi việc diễn ra suôn sẻ.

Từ chuyến đi này, tôi thấm thía một bài học quý giá: không bao giờ được chủ quan, dù đó chỉ là việc nhỏ. Nhiều khi việc nhỏ vẫn có thể gây ra tai họa lớn! Cũng từ đây, tôi luôn lắng nghe những lời dạy bảo của bố mẹ và những người thân.

Đề 2: Kể về một lần em mắc lỗi (bỏ học, nói dối, không làm bài,...)

1. Tìm hiểu đề.

a) Yêu cầu về nội dung:

+ Kể về một lần phạm lỗi của bản thân. Đề bài thuộc loại đề mở, do vậy, trong khi làm bài, em có thể lựa chọn một lỗi lầm nào đó để kể lại một cách chân thực (chẳng hạn trốn học, chơi game, nói dối mẹ; nói dối thầy, cô, bè bạn; quay cóp khi thi cử, không làm bài, gây gổ đánh nhau,...). Điều quan trọng là từ câu chuyện đó, em cần rút ra một bài học có tác dụng giáo dục đối với bản thân và những người khác.

a) Yêu cầu về hình thức:

+ Kiểu bài: đề bài yêu cầu kể về một lần em mắc lỗi, do đó, trong bài viết, em cần sử dụng phương thức tự sự.

+ Bố cục: đề bài yêu cầu tạo lập văn bản tự sự dưới hình thức kể chuyện, do đó em sẽ trình bày bài văn của mình theo bố cục ba phần của một văn bản tự sự: Mở bài (giới thiệu sự việc em mắc lỗi); Thân bài (kể diễn biến cụ thể lỗi đó); Kết bài (Nêu bài học nhận thức từ việc mắc lỗi)

+ Ngôi kể: kể chuyện ở ngôi thứ nhất (Xưng “tôi” hoặc “em”)

+ Lời văn: lời kể chân thành, kết hợp kể với tả và nêu cảm nghĩ.

2. Dàn bài:

a) Mở bài: giới thiệu về bản thân và một lần lầm lỗi của mình (Ví dụ: một lần gian lận trong giờ kiểm tra toán,...)

- b) Thân bài: kể lại diễn biến của câu chuyện.
- Hoàn cảnh phạm lỗi (Giờ kiểm tra môn Toán, bài khó, em không làm được...)
 - Nguyên nhân phạm lỗi (do đêm trước mãi mê xem phim hoặc chơi game, mê bóng đá; đi dự sinh nhật bạn về muộn, không học bài, ôn tập).
 - Những hành động cụ thể khi phạm lỗi (em loay hoay không làm nổi bài, lo sợ bị điểm kém, mắt mất với các bạn; sau đó, em chép bài của bạn; hoặc quay cóp,...)
 - Hậu quả của hành động:
 - + Bài đạt điểm tối đa, bạn bè nể phục, cô giáo tin cậy;
 - + Điểm điểm của câu chuyện: tiết thứ hai, cô giáo thao giảng. Em được cô giáo gọi lên bảng, giải bài tập. Khi ấy, em đã bó tay không giải nổi chính bài toán đó.
 - + Em cảm nhận sâu sắc nỗi nhục nhã, ê chề cũng như tác hại của sự gian lận trong kiểm tra, thi cử.
- b) Kết bài: bài học rút ra cho bản thân từ sự việc:
- Sự gian lận trong học tập (cũng như trong cuộc sống) không bao giờ mang lại điều tốt đẹp.
 - Trung thực là đức tính quý của mỗi người.

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

Đề 3: Kể về một kỉ niệm em hồi ấu thơ làm em nhớ mãi.

1. Tìm hiểu đề.

- a) Yêu cầu về nội dung:
- Kể về một kỉ niệm thời thơ ấu.
- Nội dung bài văn khá tự do, bao gồm những sự kiện, những câu chuyện đáng nhớ khi em còn nhỏ. Vậy nên, khi viết bài, em được quyền lựa chọn bất kỳ sự việc nào để kể, với điều kiện đó thực sự là một kỉ niệm khiến em có ấn tượng sâu sắc, không thể nào quên. Kỷ niệm đó có thể vui, hoặc buồn, nhưng phải chân thực, mang một ý nghĩa sâu sắc nào đó với bản thân em, với người đọc.
- Cần chọn về một kỷ niệm có thật để câu chuyện chân thực.
- b) Yêu cầu về hình thức:
- + Kiểu bài: đề bài yêu cầu kể về một kỉ niệm thơ ấu nên em cần vận dụng phương thức tự sự để kể chuyện. Thời gian diễn ra câu chuyện thuộc về thời gian quá khứ, khi em còn nhỏ, do đó, em cần kể theo lối hồi tưởng (nhớ lại mà kể).
 - + Bố cục: bài văn kể chuyện của em cần được trình bày theo 3 phần của một văn bản tự sự: mở bài (giới thiệu kỉ niệm thời thơ ấu); Thân bài (diễn biến kỷ niệm thời thơ ấu); Kết bài (cảm nghĩ về kỉ niệm thời thơ ấu).
 - + Ngôi kể: kể chuyện từ ngôi thứ nhất (Xưng tôi hoặc em)
 - + Lời văn: giọng kể hồn nhiên, phù hợp với độ tuổi của người kể chuyện, kể kết hợp với tả.

2. Dàn bài:

- a) Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu về kỉ niệm thời thơ ấu (ví dụ: kỷ niệm về một người bạn nhỏ, một đồ vật, con vật)
- b) Thân bài: kể diễn biến kỷ niệm thời thơ ấu:

- Sự kiện chính trong câu chuyện là gì? Trong câu chuyện có những ai? Vào thời điểm đó, em là người như thế nào?

- Câu chuyện diễn ra ở đâu? Khi nào? Việc đó đối với em đặc biệt ở chỗ nào? - Diễn biến câu chuyện và những suy nghĩ, hành động của em từ câu chuyện. Chẳng hạn, nếu kỉ niệm thời thơ ấu của em là câu chuyện liên quan đến loài vật (như chú mèo) thì hệ thống sự việc cần kể sẽ là:

- Bà ngoại cho em một con mèo. Em rất yêu con mèo ấy.
- Mùa đông, trời lạnh em may áo cho mèo.
- Trước khi cả nhà về quê, em mặc áo cho mèo.
- Mèo bị vướng chiếc áo, chết đuối. Bà ngoại cho em con mèo mới và giúp em hiểu một điều sâu sắc: cuộc sống rất cần tình yêu thương nhưng tình yêu thương cũng phải đúng cách, nếu không sẽ gây tai họa.

c) Kết bài: kỉ niệm thời thơ ấu là một hành trang tinh thần làm giàu có thêm cuộc đời của mỗi con người. Kỷ niệm giúp ta sống tốt hơn, có ý nghĩa hơn.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Chùm ca dao về quê hương đất nước và THTV: Từ đồng âm và từ đa nghĩa***

BUỔI 10:

Ngày soạn: /11 /2021

Ngày dạy: / 11/2021

ÔN TẬP:

**Văn bản 1 : CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài.
- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.
- HS thực hiện, giải quyết các yêu cầu, bài tập của phần *thực hành tiếng Việt*;
- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và diễn hình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát
- HS biết nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.
- Năng lực nhận diện và phân biệt các từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
- Yêu tiếng Việt, thích và sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP VĂN BẢN: CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG 1. Khái niệm về ca dao Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động. 2 Nội dung của chùm ca dao: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước. 3. Thể loại: Thơ lục bát <i>* Thơ lục bát.</i> - Thơ lục bát (6 – 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng. - <i>Vần trong lục bát:</i> Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo. - <i>Thanh điệu trong thơ lục bát:</i> Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng thứ tư là

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại; - <i>Nhịp thơ trong lục bát</i>: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...). * Lục bát biến thể. - Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,... II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM 1. Bài ca dao (1) - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng; - Cách gieo vần: <i>đà – gà, xương – sưng – gương</i>; ... Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo; - Ngắt nhịp: + Gió đưa/ cành trúc/ la đà Tiếng chuông Trấn Vũ/ canh gà Thọ Xương nhịp chẵn: 2/2/2; 2/4; 4/4; - Biện pháp tu từ: + Ấn dụ : <i>mặt gương Tây Hồ</i> vẽ đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm) . Vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm. 2. Bài ca dao (2) - Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng - Cách gieo vần: <i>xa – ba, trông – sông</i> Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo; - Ngắt nhịp: + Ai ơi/ đứng lại mà trông Kìa thành núi Lạng/ kìa sông Tam Cờ nhịp chẵn: 2/4; 4/4 - Lời nhắn gửi: <i>Ai ơi, đứng lại mà trông</i> Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng. 3. Bài ca dao (3)
--	---

	- Lục bát biến thể: + Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường; + Tính chất biến thể: hai dòng đầu: Cả hai dòng đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng). Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc. - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.
--	---

Bài tập 1:

Trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*, bài 3 so với bài 1 và bài 2 có đặc điểm gì khác không? Hãy chỉ ra sự khác của kiểu thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu.

Hướng dẫn làm bài:

Trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*, bài 3 so với bài 1 và bài 2 có đặc điểm gì khác: bài 3 là bài ca dao được viết theo kiểu lục bát biến thể.

- Điểm khác của thơ lục bát trong bài ca dao này thể hiện ở các phương diện như sau:

+ Số tiếng trong mỗi dòng: bài ca dao 3 có tất cả 4 dòng. Số tiếng trong mỗi dòng lần lượt là 8/8/6/8.

+ Cách gieo vần: tiếng **Ba** vần với tiếng **đá**, tiếng **Dạ** vần với tiếng **Ba**

+ Cách phối hợp theo điệu: tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám **qua, sinh, chênh, tình** là thanh bằng ; tiếng **Dạ, ngã, vọng** là thanh trắc, tuy nhiên đến **ba** lại là thanh ngang.

TIẾT 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
	1. Từ đồng âm - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau 2. Từ đa nghĩa - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, các nghĩa khác nhau lại có liên quan với nhau. 3. Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa

Từ đồng âm	Từ đa nghĩa
Giống nhau - Đều có cách viết hết và cách đọc trong tiếng Việt giống nhau - Dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ	

Khác nhau	
Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh Ví dụ: - Em rất thích đá bóng. - Hòn đá đẹp quá! + Từ đá trong câu <i>Em rất thích đá bóng</i> .là động từ ,chỉ một hành động - Từ đá trong câu <i>Hòn đá đẹp quá!</i> là một danh từ. - Hai từ đá trên giống nhau về mặt âm thanh không có mối liên hệ về mặt ngữ nghĩa	Từ đa nghĩa là những từ có nghĩa gốc và một hoặc nhiều nghĩa chuyển, giữa các nghĩa có mối quan hệ với nhau. Ví dụ Từ ăn có nhiều nghĩa - Nghĩa gốc từ ăn là chỉ hành động nạp thức ăn vào cơ thể con người để duy trì sự sống - Nghĩa chuyển: + Ăn ảnh: hình ảnh xuất hiện trong ảnh đẹp hơn bên ngoài. + Ăn cưới: ăn uống nhân dịp có hai người kết hôn. + Sông ăn ra biển: chỉ hiện tượng nước ở sông tràn ra biển. + Ăn hoa hồng: nhận lấy để hưởng. + Da ăn nắng: làm hủy hoại từng phần
Thường khác từ loại Ví dụ: - Chúng nó tranh nhau quyền sách. (tranh là động từ) - Em tôi vẽ tranh rất đẹp. (tranh là danh từ) - Nếu cùng từ loại thì phần lớn là danh từ Ví dụ: Tôi rất thích tắm vải này. (vải là danh từ) - Năm nay quả vải đã được xuất khẩu sang nhiều nước khác (Vải là danh từ)	Luôn cùng từ loại Ví dụ: - Tôi ăn cơm. (ăn là động từ) - Tàu ăn hàng. (ăn là động từ)
Các từ đồng âm có nghĩa khác xa nhau Ví dụ: Từ lòng - Con ngựa đang đứng bỗng lòng lên. (từ lòng trong câu là động từ chỉ hoạt động cất vó lên cao với một sức mạnh đột ngột rất khó kìm giữ)	Tất cả các nghĩa triển đều xuất phát từ quy luật chuyển nghĩa của từ Ví dụ: - Ngôi nhà mới xây xong. (Từ nhà chỉ nơi ở) - Cả nhà đang ăn cơm (Từ nhà chỉ những người sống trong một ngôi nhà)

- Mua được con chim bạn tôi nhốt ngay vào lồng (từ lồng trong câu này có nghĩa là đồ dùng bằng tre, nứa hoặc bằng gỗ dùng để nhốt chim, gà) Nghĩa của hai từ lồng trong hai câu trên khác xa nhau về nghĩa, không có sự liên quan nào về nghĩa	
Không thể thay thế được cho nhau vì mỗi từ đều mang nghĩa gốc. Ví dụ - Con đường về quê em đang được đổ bê tông. (từ đường trong câu chỉ bề mặt bằng đất, nhựa hoặc bê tông... để đi lại - Em mua giúp mẹ hai cân đường. (từ đường trong câu chỉ một loại thực phẩm dùng để pha chế các loại nước giải khát làm bánh kẹo... - Hai từ đường trong 2 trường hợp trên không thể thay thế được cho nhau.	Có thể thay thế từ đa nghĩa trong nghĩa chuyển bằng một từ khác. Ví dụ Mùa xuân là tết trồng cây Trồng cho đất nước ngày càng thêm xuân (Hồ Chí Minh) từ xuân trong dòng 1 có nghĩa gốc chỉ một mùa trong năm. từ xuân trong dòng thơ 2 là nghĩa chuyển được hiểu là mùa xuân mang đến sự tươi trẻ, sức sống mới Vì vậy, có thể thay được từ tươi đẹp

TIẾT 3: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA:

Bài tập 1

Từ **đá** trong hai trường hợp sau trường hợp nào là từ đồng âm, trường hợp nào là từ đa nghĩa?

1. Anh ấy đang đi **đá** bóng.
2. Hòn **đá** nặng quá!

Hướng dẫn làm bài

- Từ đá trong hòn đá ở câu thứ nhất chỉ chất rắn cấu tạo nên vỏ trái đất.
- Còn đá trong đá bóng ở câu thứ 2 chỉ hành động đưa chân hất mạnh vào một đối tượng nào đó nhằm làm cho đối tượng đó bị tổn thương hoặc văng ra xa.

Bài tập 2

Đặt câu để phân biệt các từ đồng âm **bàn, cò, nước**

Hướng dẫn làm bài

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm các từ có cùng cách phát âm với bàn, cò, nước nhưng khác ý nghĩa, sau đó đặt câu phân biệt nghĩa với chúng

* Bàn:

- Lớp tôi có 12 bộ bàn ghế.
- Bố mẹ tôi đang bàn nhau hè này nên đi du lịch ở đâu?

* cờ

- Cờ đỏ sao vàng là quốc kỳ của nước ta.
- Vào ngày nghỉ hai bố con tôi thường đánh cờ với nhau.

* Nước:

- Uống nước nhớ nguồn.
- Nước Việt Nam có nhiều danh lam thắng cảnh rất đẹp!

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: **Chuyện cổ nước mình và Cây tre Việt Nam.**

BUỔI 11:

Ngày soạn: / /2021

Ngày dạy: / /2021

Văn bản 2: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH (Lâm Vỹ Dạ)

Văn bản 3: CÂY TRE VIỆT NAM (Thép Mới)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể thơ lục bát thể hiện qua bài thơ.
- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.
- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;
- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam.*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam.*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;
- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu quê hương, đất nước, tự hào về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.
- Yêu tiếng Việt, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP VĂN BẢN: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG 1. Tác giả - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ; - Năm sinh: 1949; - Quê quán: Quảng Bình; - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đầm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: Rút từ <i>Tuyển tập</i> , NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203. b. Thể loại: thơ lục bát; c. Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp biểu cảm; d. Nghệ thuật - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn. - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đầm sâu, nhưng đầy tự hào. e. Nội dung - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ. II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM: 1. Những câu chuyện cổ được gọi ra từ trong bài thơ
GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản.	

- Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	- <i>Thị thom thì giầu người thom/ Chăm làm thì được áo com cửa nhà =>Tâm Cầm</i> - <i>Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì =>Đẽo cày giữa đường</i> - <i>Đậm đà cái tích trâu cau/ Miếng trâu đỏ thắm nặng sâu tình người =>Sự tích trâu cau</i> 2.Ý nghĩa được gọi ra từ những câu chuyện cổ <u>a. Những vẻ đẹp tình người</u> <i>vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa, Thương người ... ở hiền.... rất công bằng, rất thông minh vừa độ lượng lại đa tình, đa mang. => Điệp ngữ, liệt kê =>Những giá trị nhân văn tốt đẹp:Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,... => Tình cảm yêu mến với những câu chuyện cổ</i> <u>b. Lời căn dặn, những bài học từ cha ông đến con cháu qua những câu chuyện cổ</u> - “đời ông cha với đời tôi/ Như con sông với chân trời đã xa. Chỉ còn chuyện cổ thiết tha Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” -> So sánh, hoán dụ ->là cầu nối,là nhân chứng, là lưu giữ những suy nghĩ, tình cảm... của ông cha, ->Thấy được thế giới tinh thần: tâm hồn, phong tục, quan niệm, triết lý nhân sinh...của cha ông - “Tôi nghe chuyện cổ thắm thì Lời ông cha dạy cũng vì đời sau” ->Bài học về đạo lý làm người : chân thành, nhân ái, cần cù. Có kiến thức... - Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”: =>Những bài học về cuộc sống vẫn còn nguyên giá trị, có GD lớn đến con người; khẳng định tầm quan trọng của những câu chuyện cổ trong đời sống tinh thần =>Tình yêu quê hương, đất nước. Yêu mến, tự hào những giá trị truyền thống DT.
--	---

TIẾT 2: ÔN TẬP VĂN BẢN: CÂY TRE VIỆT NAM

Hoạt động của	Nội dung cần đạt
---------------	------------------

thầy và trò	
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Tác giả: - Thép Mới (1925-1991), tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê ở quận Tây Hồ, Hà Nội, sinh ra ở thành phố Nam Định. - Ông hoạt động trong phong trào Thanh niên Dân chủ, Sinh viên Cứu quốc, Văn hoá Cứu quốc trước Cách mạng tháng Tám, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành báo chí. - Ngoài báo chí, Thép Mới còn viết nhiều bút kí, thuyết minh phim 2. Tác phẩm: a. Thể loại: Thê kí b. Hoàn cảnh ra đời: Bài “Cây tre Việt Nam” sáng tác năm 1955, là lời bình cho bộ phim cùng tên của nhà điện ảnh Ba Lan. Bộ phim thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. c. Giá trị nội dung: Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. d. Giá trị nghệ thuật: - Sử dụng chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng - Sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa - Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu.

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi cho bên dưới:

“Tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn. Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.”

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào ? Do ai sáng tác?

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.*

Câu 3: Vẻ đẹp nào của tre được gọi ra từ đoạn văn trên ?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn văn được trích từ văn bản “Cây tre Việt Nam”, tác giả Thép Mới.

Câu 2

Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người*: nhân hóa, tác dụng: Nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó, gần gũi giữa tre và người. Tre như một người bạn của con người, mang những phẩm chất tốt đẹp của con người.

Câu 3:

Tre mang vẻ đẹp hiên ngang, kiên cường, bất khuất. Tre có sức sống mãnh liệt, dẻo dai. Tre hội tụ nhiều vẻ đẹp như ở con người: vừa giản dị, thanh cao vừa giàu ý chí. Là người bạn thân thiết của con người.

Bài tập 2

Cho đoạn văn sau:

" Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!"

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Nêu tên tác giả?

Câu 2: Nêu nội dung chính trong đoạn văn trên?

Câu 3: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn văn trên. Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Văn bản: *Cây tre Việt Nam*
- Tác giả: Thép Mới
- Thể loại: tùy bút

Câu 2:

Nội dung: Đoạn văn trên nói đến hình ảnh cây tre gắn bó với con người trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Câu 3:

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn là nhân hóa
- Tác giả dùng những từ ngữ chỉ hành động, phẩm chất, tính cách của người để miêu tả và giới thiệu về cây tre: *chống lại, xung phong, giữ, hi sinh, anh hùng*.
- Tác dụng:
 - + Giúp cho hình ảnh cây tre trở nên gần gũi, sinh động và thân thiết với con người.
 - + Cây tre trở thành vũ khí đặc lực, có mặt khắp nơi, xông pha tung hoành mang tầm vóc dũng sĩ, xả thân để bảo vệ quê hương, đất nước.
 - + Tre là biểu tượng tuyệt đẹp con người Việt Nam dũng cảm, can trường, giàu tình yêu quê hương, đất nước.

Bài tập 3

Cho đoạn văn: *Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân.*

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai?

Câu 2: Xác định chủ ngữ – vị ngữ trong câu: *"Tre là cánh tay của người nông dân."* Em hãy cho biết đó là kiểu câu gì?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn văn trên?

Câu 4: Em hãy tìm 4 câu tục ngữ, ca dao, thơ, tên truyện cổ tích Việt Nam có nói đến cây tre.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trích trong tác phẩm «Cây tre Việt Nam »
- Tác giả: Thép Mới

Câu 2:

- Tre/ là cánh tay của người nông dân.

CN VN

- Câu trên là câu trần thuật đơn có từ là

Câu 3:

- Biện pháp nghệ thuật : Nhân hóa (Tre ăn ở, giúp người),so sánh (Tre là cánh tay của người nông dân.”)

- Tác dụng: Nhờ có biện pháp so sánh và nhân hóa mà hình ảnh cây tre trở nên sống động, gần gũi với con người. Tre hiện lên với tất cả những phẩm chất cao quý, tre không chỉ là người bạn đồng hành gắn bó thân thiết với con người mà còn là một trợ thủ đắc lực giúp con người rất nhiều việc khác nhau trong cuộc sống.

Câu 4:

- HS tìm được 4 câu ca dao, hoặc tục ngữ, tên truyện cổ tích .Mỗi câu đúng được 0,25đ

Bài tập 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“...Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh , giữ đồng lúa chín. Tre hy sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

(Trích: Cây tre Việt Nam - Ngữ văn 6- tập 1, trang 97)

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên

Câu 2: Đoạn văn thể hiện nội dung gì?

Câu 3: Đoạn văn trên tác giả sử dụng phép tu từ gì? Xác định kiểu và nêu tác dụng của phép tu từ ấy.

Câu 4: Xác định thành phần chính của câu: “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh , giữ đồng lúa chín.”

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Thể loại: Kí
- PTBD chính: Tự sự

Câu 2:

- Đoạn văn đã ca ngợi cây tre là người bạn thân của người Việt Nam trong chiến đấu chống quân thù

Câu 3:

Biện pháp nhân hóa (dùng từ chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật) để nói lên hành động dũng cảm, sự hi sinh cao cả của tre. Đó là các từ chống lại, xung phong, giữ, hi sinh. Qua đó tre hiện lên như một chiến sĩ quả cảm góp phần to lớn vào công cuộc bảo vệ đất nước, bảo vệ VN. Và chính vì thế, tác giả đã không ngớt lời ca ngợi, tôn vinh tre với

danh hiệu cao quý: anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu. Nhờ phép nhân hóa tác giả đã khắc họa được phẩm chất của cây tre đồng thời ông cũng thể hiện niềm tự hào về loài cây thân thuộc này.

Câu 4:

Tre (CN) // giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín (VN)

Bài tập 5

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp.”

(Ngữ văn 6- tập 1, trang 97)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Đoạn văn trên diễn tả điều gì ? Hãy tìm một câu văn nêu bật được ý đó.

Câu 3: Hãy chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng của chúng.

Câu 4: Xác định các TP chính, phụ trong từng câu.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Văn bản: Cây tre Việt Nam
- Tác giả: Thép Mới

Câu 2:

- Đoạn văn diễn tả sự gắn bó thân thiết của cây tre đối với con người VN. Câu văn " Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp" đã nêu bật ý đó.

Câu 3:

Đoạn văn đã sử dụng nhiều phép tu từ đặc sắc như phép điệp ngữ, phép nhân hoá; có tác dụng nhấn mạnh sự gắn bó, gần gũi của cây tre đối với c/s của người dân VN, khắc họa phẩm chất tốt đẹp của cây tre. Nhờ các phép tu từ đó, hình ảnh cây tre hiện lên vừa gần gũi, vừa chân thực cụ thể, vừa rất sinh động và có hồn.

Câu 4:

Bóng tre //trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.

CN

CN

Dưới bóng tre của ngàn xưa //, thấp thoáng //mái đình, mái chùa cổ kính.

TN

VN

CN

Dưới bóng tre xanh , ta //gìn giữ một nền văn hoá lâu đời

TN

CN

VN

Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời //, người dân cày Việt Nam //dựng nhà, ... khai hoang

TN

CN

VN

Tre // ăn ở với người //đời đời, kiếp kiếp

CN

VN

TN

Bài tập 6

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...“Tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. Vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn. Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.”

(Ngữ văn 6 - Tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai? Văn bản đó thuộc thể loại gì?

Câu 2: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 3: Nội dung của đoạn văn trên là gì?

Câu 4 : Xác định chủ ngữ và vị ngữ của câu văn sau: “Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.” và cho biết vị ngữ có cấu tạo như thế nào?

Câu 5 : Nêu một vài suy nghĩ, tình cảm của em được gợi ra từ đoạn văn trên.

Câu 6: Viết đoạn văn cảm nhận về hình tượng cây tre Việt Nam

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

- Đoạn văn trên trích từ văn bản: Cây tre Việt Nam.
- Tác giả: Thép Mới
- Thể loại: Kí hoặc bút kí

Câu 2:

- Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu: Miêu tả

Câu 3:

Nội dung của đoạn văn trên là: Vẻ đẹp và phẩm chất cao quý của cây tre

Câu 4:

- Chủ ngữ: tre
- Vị ngữ: lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc
- Cấu tạo của vị ngữ: động từ, tính từ

Câu 5:

Một vài suy nghĩ, tình cảm của em được gợi ra từ đoạn văn:

- Cây tre là biểu tượng cao đẹp cho đất nước và con người Việt Nam.
- Bản thân tự hào, yêu quê hương đất nước
- Học tập và rèn luyện để sau này góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Câu 6

- Đảm bảo thể thức của một đoạn văn: Viết hoa lùi đầu dòng và có câu đầu đoạn giới thiệu ý khái quát.

- Xác định đúng vấn đề. Cảm nhận của em về cây tre

- **Có thể viết đoạn văn theo gợi ý sau:**

Trong bài Cây tre Việt Nam, cây tre là một hình ảnh đẹp. Tre là người bạn thân của nông dân, nhân dân Việt Nam. Ở tre mang vẻ đẹp xanh tươi nhũn nhặn, giản dị, mộc mạc và nhiều phẩm chất đáng quý: sự thanh cao, giản dị, chí khí như con người. Tre gắn bó mật thiết với con người trong lao động sản xuất và trong chiến đấu. Trong lao động, sản xuất: tre trum lên âu yếm bản làng, xóm, thôn, dưới bóng tre, giữ gìn một nền văn hóa lâu đời, con người dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang, tre là cánh tay của người nông dân, tre vất vả mãi với người: cối xay tre nặng nề quay, là niềm vui của tuổi thơ, tuổi già... Trong chiến đấu: tre là tất cả, tre là vũ khí – tre xung phong vào xe tăng, đại bác, tre giữ làng, giữ nước, tre hi sinh để bảo vệ con người. Trong tương lai,

khi đất nước hội nhập, tre vẫn là bóng mát, tre mang khúc nhạc tâm tình,...Tre mang những đức tính của người hiền, là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: HOÁN DỤ

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt									
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về biện pháp hoán dụ. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Lý thuyết 1. Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. Các kiểu hoán dụ thường gặp: + Hoán dụ dựa trên mối quan hệ toàn thể- bộ phận; + Hoán dụ dựa trên mối quan hệ vật chứa với vật được chứa; + Hoán dụ dựa trên mối quan hệ sự vật - chất liệu... 3. So sánh ẩn dụ và hoán dụ <table><tr><th></th><th>Ẩn dụ</th><th>Hoán dụ</th></tr><tr><td></td><td colspan="2">Giống: Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác.</td></tr><tr><td>Khác</td><td>Dựa vào quan hệ tương đồng. Cụ thể: - Hình thức - Cách thức - Phẩm chất - Cảm giác</td><td>Dựa vào quan hệ tương cận. Cụ thể: - Bộ phận-toàn thể - Vật chứa đựng- vật bị chứa đựng - Dấu hiệu của sự vật – sự việc - Cụ thể trừu tượng</td></tr></table>		Ẩn dụ	Hoán dụ		Giống: Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác.		Khác	Dựa vào quan hệ tương đồng. Cụ thể: - Hình thức - Cách thức - Phẩm chất - Cảm giác	Dựa vào quan hệ tương cận. Cụ thể: - Bộ phận-toàn thể - Vật chứa đựng- vật bị chứa đựng - Dấu hiệu của sự vật – sự việc - Cụ thể trừu tượng
	Ẩn dụ	Hoán dụ								
	Giống: Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác.									
Khác	Dựa vào quan hệ tương đồng. Cụ thể: - Hình thức - Cách thức - Phẩm chất - Cảm giác	Dựa vào quan hệ tương cận. Cụ thể: - Bộ phận-toàn thể - Vật chứa đựng- vật bị chứa đựng - Dấu hiệu của sự vật – sự việc - Cụ thể trừu tượng								

II. Luyện tập:

Bài tập 1:

Xác định và phân tích phép hoán dụ trong các đoạn trích sau:

- Sen tàn, cúc lại nở hoa
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.
- Một trái tim lớn lao đã từ giã cuộc đời
Một khối óc lớn đã ngừng sống.
- Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.
- Đầu xanh có tội tình gì
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.
- Cả làng quê, đường phố
Cả lớn nhỏ, gái trai
Đám càn đi càn dài

Càng dài càng đông mãi.

6. Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

7. Mắt thương nhớ ai

Mắt ngủ không yên.

8. Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

9. Áo nâu liền với áo xanh

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

10. Đường hoa son phấn đợi

Áo gấm về sinh sang.

Hướng dẫn làm bài

1. **Sen tàn, cúc lại nở hoa**

Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.

☐ Quan hệ giữa vật thể và thời gian thường xuyên xuất hiện của nó (*sen* – mùa hạ, *cúc* – mùa thu);

2. **Một trái tim** lớn lao đã từ giã cuộc đời

Một khối óc lớn đã ngừng sống.

☐ Quan hệ tương cận giữa bộ phận và toàn thể (*một trái tim, một khối óc để chỉ cả con người ở câu của Xuân Diệu*)

3. **Áo chàm** đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

☐ Quan hệ giữa tư trang, quần áo thường mặc và người (*áo chàm* – người dân miền núi Việt Bắc).

4. **Đầu xanh** có tội tình gì

Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.

☐ Nhà thơ Nguyễn Du dùng từ *đầu xanh* với ý nghĩ chỉ tuổi trẻ, từ *má hồng* với ý nghĩ chỉ người con gái đẹp, một mỹ nhân. Cả hai từ này đều dùng để ám chỉ nhân vật Thuý Kiều.

5. **Cả làng quê, đường phố**

Cả lớn nhỏ, gái trai

Đám càng đi càng dài

Càng dài càng đông mãi.

☐ Lấy làng quê, đường phố để chỉ đồng bào nông thôn và đồng bào thành thị.

6. **Bàn tay** ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

☐ Bàn tay- con người lao động - lấy bộ phận con người để chỉ toàn thể con người, đây là **hoán dụ**

7. **Mắt** thương nhớ ai

Mắt ngủ không yên.

☐ lấy bộ phận để chỉ toàn thể con người

8. Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một **trái tim**.

☐ Lấy bộ phận để chỉ toàn thể

9. **Áo nâu** liền với **áo xanh**

Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

- ☐ áo nâu hoán dụ cho người nông dân
- Áo xanh hoán dụ cho người công nhân.

10. **Đường hoa son phấn đời**

Áo gấm về sinh sang.

- ☐ lấy bộ phận để chỉ toàn thể

Bài tập 2:

Tìm biện pháp hoán dụ trong các câu sau và phân tích ý nghĩa của chúng:

a. Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Hoàng Trung Thông)

b. kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ

Bắp chân đầu gối vẫn sẵn gân

(Tố Hữu)

Hướng dẫn làm bài

a. Từ *bàn tay* trong câu thơ *Bàn tay ta làm nên tất cả* sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ

Việc sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ câu thơ có ý nghĩa sâu sắc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt: nghĩa gốc của từ *bàn tay* là một bộ phận của cơ thể người nhưng trong câu thơ *Bàn tay ra làm nên tất cả* lại được dùng để chỉ những người lao động sức, sáng tạo trong lao động.

b. Từ *bắp chân, đầu gối* trong câu thơ *Bắp chân đầu gối vẫn sẵn gân* sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ

Việc sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ câu thơ có ý nghĩa sâu sắc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt: Nghĩa gốc của hai từ *bắp chân, đầu gối* là chỉ một bộ phận của cơ thể người nhưng trong câu thơ *Bắp chân đầu gối vẫn sẵn gân* là ca ngợi tinh thần kháng chiến dẻo dai, bền bỉ, kiên cường của các chiến sĩ trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
- Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.***

BUỔI 12:

Ngày soạn: / /2021

Ngày dạy: / /2021

**TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA
CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. Lòng tự hào về cảnh sắc, truyền thống văn hóa của nơi mình sinh ra và lớn lên.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Tự tìm hiểu về yêu cầu của các bài văn được học, sử dụng ngôn ngữ để chia sẻ tình cảm về quê hương; Năng lực sáng tạo, cách viết mới, ngôn từ độc đáo, mới lạ.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- *Nhân ái*: Học sinh biết tôn trọng, yêu thương và tự hào về con người và cảnh sắc quê hương.
- *Chăm học, chăm làm*: có ý thức vươn lên trong học tập để bày tỏ tình cảm, cảm xúc một cách thích hợp, biết vận dụng bài học vào tình huống thực tế, có ý thức học hỏi không ngừng.
- *Trách nhiệm*: trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với quê hương, để thành người công dân có ích.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về yêu cầu luyện nói dạng bài. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành Trước khi nói - Lựa chọn đề tài, nội dung nói. - Tìm ý, lập ý cho bài nói; - Chỉnh sửa bài nói. Lưu ý: khi trình bày bài nói, cần tập trung vào mục đích nói, nêu lên suy nghĩ của em về tình cảm của con người, sự gắn bó với quê hương, cần liên hệ tình cảm của e với quê hương mình. Tiếp thu những nhận xét, góp ý để phần trình bày mình hay hơn, Tập nói rõ ràng, điều chỉnh ngữ điệu phù hợp. -Lưu ý HS (với tư cách người nói) lắng nghe những trao đổi của bạn một cách tích cực, chủ động. + Tiếp thu những góp ý của bạn mà mình thấy hợp lí. + Giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn + Trao đổi lại với bạn về những ý kiến khác biệt. - GV hướng dẫn HS (với tư cách người nghe) trao đổi, góp ý về nội dung nói, cách nói của bạn; + Bạn đã trình bày hấp dẫn, rõ ràng, mạch lạc nội dung vấn đề chưa? + Bài trình bày có tập trung vào việc thể hiện suy

nghĩ về tình cảm gắn bó của con người với quê hương không?

+ Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không?

+ Nhịp điệu, tốc độ, cách phát âm đã thực sự tạo được sức hấp dẫn, lôi cuốn chưa?

2. Trình bày bài nói

3. Đánh giá bài nói

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

GV hướng dẫn HS luyện tập theo các bước đề bài 1.

Đề bài 2: Trình bày ý kiến của em về tình yêu quê hương đất nước

Dàn ý

I. Mở bài:

Lời giới thiệu, chào hỏi. Nêu lý do vì sao em muốn trình bày ý kiến về vấn đề tình yêu quê hương, đất nước.

II. Thân bài:

1. Giải thích

Tình yêu quê hương đất nước là tình cảm gắn bó sâu sắc, chân thành đối với những sự vật và con người nơi ta sinh ra và lớn lên.

2. Bàn luận

- *Biểu hiện:* trong tình làng nghĩa xóm; trong sự gắn bó với làng quê nơi mình sinh ra (bờ tre, ngọn dừa, một cánh đồng lúa chín, ...); biết học tập, lao động để làm giàu đẹp thêm cho quê hương, đất nước; bảo vệ giữ gìn các nét văn hóa truyền thống văn hóa dân tộc quyết tâm chiến đấu bảo vệ đất nước.

- *Vai trò của tình yêu quê hương, đất nước:* giúp mỗi con người sống tốt hơn trong cuộc đời, không quên nguồn cội, nâng cao tinh thần và ý chí quyết tâm vươn lên của mỗi con người, sự phấn đấu hoàn thiện bản thân và tinh thần cống hiến giúp đỡ cộng đồng của mỗi cá nhân; gắn kết cộng đồng, kéo con người lại gần nhau hơn trong mối quan hệ thân hữu tốt đẹp; góp phần bảo vệ giữ gìn, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh.

3. Bàn luận mở rộng:

+ Tình yêu quê hương, đất nước là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong mỗi con người. Mỗi cá nhân bồi dưỡng cho mình tình yêu quê hương, đất nước và có những hành động cụ thể để góp phần bảo vệ, xây dựng, làm đẹp cho quê hương.

+ Phê phán một bộ phận người dân thiếu ý thức trách nhiệm, sống vô tâm với mọi người, không biết đóng góp xây dựng quê hương, đất nước ngược lại có những hành vi gây hại đến lợi ích chung của cộng đồng, ...

4. Bài học nhận thức và hành động:

Khẳng định lại nhận định của em về tình yêu quê hương, đất nước (quan trọng, cần thiết, ...). Đưa ra lời khuyên cho mọi người.

III. Kết bài:

- Nêu lên những suy nghĩ của mình về vấn đề bàn luận
- Lời cảm ơn người lắng nghe, xin ghi nhận ý kiến đóng góp.

Bài viết tham khảo

Xin kính chào thầy cô cùng toàn thể các bạn!

Em xin tự giới thiệu, tên em là ... Em rất vui khi được đại diện cho các bạn lớp 6A trình bày ý kiến của mình về tình yêu quê hương đất nước.

Vâng! Quê hương hai tiếng nhẹ nhàng nhưng có sức hút vô cùng kỳ diệu đối với những người xa xứ. Nơi đó gắn bó biết bao kỉ niệm tuổi thơ. Quê hương, nơi có tiếng ru ầu ơ ngọt ngào của bà, của mẹ bên cánh võng chiều đều đặn. Có những cánh điều chờ đầy mơ ước của tuổi thơ. Và có những làn khói chiều nhòe đi đôi mắt nhớ bữa cơm gia đình đầm ấm.

Nơi quê hương yên tĩnh và thanh bình ấy có những con người giản dị, mộc mạc, chân chất nhưng thấm đượm nghĩa tình. Quê hương như dòng suối nhỏ mát ngọt lành, là mạch nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm giúp ta trưởng thành theo năm tháng. Quê hương là cánh nuôi đưa ta và cuộc sống êm đềm.

Kính thưa thầy cô cùng toàn thể các bạn! Có thể nói rằng: Quê hương là chốn dung thân của mỗi người khi tuổi đã xế chiều, là nơi khi cuối cuộc đời con người sẽ ở lại mãi mãi trong lòng đất mẹ thân yêu. Giờ thì ta có thể ngồi lặng im nghe hai tiếng quê hương tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người để cảm nhận được hương vị ngọt ngào thoang thoảng trong miền ký ức

Vậy theo cảm nhận của chúng ta, yêu quê hương là phải làm gì? Theo em nghĩ, phải chăng yêu quê hương đất nước là yêu những lũy tre xanh rì rào, cao vút đang cong mình chở che cho người dân dưới cái nắng trưa hè oi ả. Yêu thương ngọt ngào của bà, của mẹ bên cánh võng chiều đều đặn những nhịp thương. Yêu những câu hát có cánh cò bay lả bay la dập dờn trên cánh đồng xanh mướt tím tấp chân trời; yêu những dòng sông dịu dàng, uốn lượn, quanh co, ôm ấp mảnh hồn làng. Yêu quê hương là yêu những bàn tay mẹ đã chai sạn để lo lắng cho những đứa con. Yêu những giọt mồ hôi cha ướt đầm trên chiếc áo bạc màu vì năm tháng.

Và đặc biệt: Yêu quê hương còn là tự hào về những truyền thống hào hùng trong những trang sử vẻ vang cha ông đã dựng nước và giữ nước. Yêu quê hương là bảo vệ chủ quyền lãnh thổ từng tấc đất mà sao ông ta đã phải đổ hết bao mồ hôi, xương máu và cả tính mạng để đánh đổi. Yêu quê hương là xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp bằng chính sức lực và trí tuệ của mình.

Tuy nhiên, đâu đó vẫn còn những kẻ chê bai, phản bội quê hương, không biết quý trọng người thân, quý trọng gia đình, quý trọng quê hương. Một số người chưa thực sự cố gắng để đền đáp mọi nguồn sinh dưỡng của mình, không chịu học tập và tu dưỡng đạo đức, sa vào các tệ nạn xã hội ... Họ trở thành người vô dụng thậm chí làm cái nặng cho quê hương đất nước.

Vậy, mỗi chúng ta với tinh thần tự tôn dân tộc, hãy cố gắng học tập thật giỏi để trở thành người có ích xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp sánh vai với các cường quốc năm châu. Bởi vì:

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mà mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người

Vâng! Đó là những lời thơ tâm sự mộc mạc, chân chất nhưng vô cùng sâu sắc của nhà thơ Đỗ Trung Quân đã thay lời những người con quê hương nói hộ lòng mình.

Trên đây là những cảm nhận chủ quan của bản thân em, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để bài văn hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn mọi người đã lắng nghe!

TIẾT 3: LUYỆN TẬP (Tiếp)

GV hướng dẫn HS luyện tập theo các bước đề bài 2.

Đề bài 2: Nêu suy nghĩ của em về vai trò của tình làng nghĩa xóm trong cuộc sống hiện nay.

Dàn ý

I. Mở bài:

Lời giới thiệu, chào hỏi. Nêu lý do vì sao em muốn trình bày ý kiến về vai trò của tình làng nghĩa xóm trong cuộc sống hiện nay.

II. Thân bài:

1. Giải thích

Tình làng nghĩa xóm là tình cảm gắn bó, tương thân, tương ái giữa những người cùng chung sống trong một cộng đồng dân cư. Đây là một truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

2. Bàn luận

- Biểu hiện: ở những vùng nông thôn sự thân thiện và hòa đồng giữa những người cùng chung một cội nguồn là tình cảm thân thương, ấm áp, sẵn sàng giúp đỡ nhau, con người sống với nhau bằng những tình cảm chất phác chân thành, như chính người thân trong gia đình.

- Tình làng nghĩa xóm không chỉ là sự giao tiếp thường ngày mà còn là sự giúp đỡ, yêu thương nhau xuất phát từ chính tấm lòng chân thành của mỗi người, tình cảm giữa mọi người luôn vui vẻ, ấm cúng và gần gũi.

- Tình làng nghĩa xóm khi *tối lửa tắt đèn có nhau* đã được kết tinh trong quá trình lao động, sinh hoạt của ông cha ta từ những ngày đầu khai hoang mở đất. Có thể nghèo về vật chất nhưng cái tình, cái nghĩa lại đầy ắp trong từng con người, làng xóm Việt Nam.

- Những khi hữu sự, mọi người có mặt để san sẻ, giúp đỡ, gánh vác công việc cùng gia đình ... thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái.

- *Bán anh em xa mua láng giềng gần* - Tình làng nghĩa xóm là nét đẹp mộc mạc, dung dị, là truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam không thể nhầm lẫn với bất kỳ dân tộc nào trên thế giới.

3. Mở rộng: Phê phán lối sống thực dụng, ích kỷ, không biết trân trọng tình nghĩa, làm mất đi tình làng nghĩa xóm.

4. Bài học nhận thức và hành động:

Luôn trân trọng tình nghĩa làng xóm, ấm áp và thân thương; biết cho đi mà không mong nhận, cần đối xử với mọi người bằng tình cảm chân thành ... để làm cho tình làng nghĩa xóm thêm gắn bó, đẹp đẽ.

III. Kết bài:

- Nêu lên những suy nghĩ của mình về vấn đề bàn luận

- Lời cảm ơn người lắng nghe, xin ghi nhận ý kiến đóng góp.

Bài viết tham khảo

Xin kính chào quý thầy cô cùng toàn thể các bạn học sinh thân mến!

Em xin tự giới thiệu, tên em là ..., học sinh lớp 6... Hôm nay, em sẽ cùng các bạn trở về làng quê để tận hưởng và trải nghiệm cảm giác yên bình cùng sự ấm áp của tình làng nghĩa xóm qua tham luận nhỏ bàn về vai trò của tình làng nghĩa xóm trong cuộc sống hiện nay.

Kính thưa thầy cô cùng các bạn!

Trải qua nhiều thế hệ, dường như câu tục ngữ *Bán anh em xa mua láng giềng gần* vẫn giữ nguyên giá trị. Cái tình, cái nghĩa đậm đà nơi làng quê được ông cha ta xây đắp bao đời đã soi rọi cho con cháu hôm nay tiếp tục gìn giữ và phát huy.

Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam đã có truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái. Dù trong thời chiến hay thời bình, truyền thống tốt đẹp ấy vẫn được giữ gìn và phát huy. Câu nói tình làng nghĩa xóm khi *tối lửa tắt đèn có nhau* đã được kết tinh trong quá trình lao động, sinh hoạt của ông cha ta từ những ngày đầu khai hoang mở đất. Tuy nghèo về vật chất nhưng cái tình, cái nghĩa lại đầy ắp trong từng con người, làng xóm Việt Nam.

Vâng! Tình làng nghĩa xóm luôn là thứ tình cảm khiến người ta trân trọng và nhớ mãi. Đó là tình cảm giữa những người hàng xóm láng giềng, là sự quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ nhau. Đồng thời tình cảm này cũng thể hiện truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta từ nhiều đời nay vẫn được phát huy và duy trì đến bây giờ, ấy chính là tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái. Dẫu có nghèo về vật chất, nhưng cái tình, cái nghĩa đầy ắp trong từng con người, làng xóm Việt Nam.

Từ xưa trong kho tàng tục ngữ Việt Nam có biết bao câu tục ngữ nói đến tầm quan trọng cũng như giá trị của tình làng nghĩa xóm trong cuộc sống thường ngày của con người. Bởi lẽ con người luôn tồn tại trong một tập thể, chẳng ai có thể sống mà tách khỏi cộng đồng. Tình làng nghĩa xóm được hình thành từ đó. Tình làng nghĩa xóm có thể bắt nguồn từ những hành động vô cùng đơn giản: chia sẻ cùng nhau những món quà quê, cho nhau nắm rau con cá, tùm năm tùm bảy cùng nhau trò chuyện, hàn huyên ... Tình cảm giữa những người láng giềng thực sự đáng quý, đặc biệt là đối với những người xa quê, những người nơi đất khách quê người. Tình cảm ấy nó ấm áp đến lạ thường, làm cho mỗi người cảm thấy sự gần gũi, thân thiện đầy ắp tình người mà không hề có sự bon chen.

Chính vì vậy, bản thân mỗi người cần biết vun đắp và làm giàu thêm tình làng nghĩa xóm, cùng nhau bỏ qua những xích mích nhỏ nhặt. Từ đó xây dựng cộng đồng lớn mạnh và tràn ngập tình yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau.

Em mong rằng tình làng nghĩa xóm sẽ được nhà nhà gìn giữ như một *vốn quý* của dân tộc. Phát huy nét đẹp văn hóa ấy sẽ là *bệ phóng* để tiếp thêm *lửa* cho hành trình đi lên từ văn hóa.

Trên đây là một tham luận nhỏ của riêng em, rất mong nhận được sự đóng góp của thầy cô và các bạn để bài tham luận được hoàn thiện hơn. Cảm ơn mọi người đã lắng nghe! nghe

BÀI 5: NHỮNG NỖ ĐƯỜNG XỨ SỞ (3 buổi)

BUỔI 13:

Ngày soạn: / /2021

Ngày dạy: / /2021

VĂN BẢN 1: CÔ TÔ (Nguyễn Tuân)

THỰC THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, ẨN DỤ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;
- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lạng lã bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh...
- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cô Tô*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô Tô*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về đặc sắc nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- Năng lực sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

3. Phẩm chất:

- Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI a. Kí - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật; - Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;

- Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.

b. Du kí

- Du kí là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

II. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM:

1. Tác giả:

- Nguyễn Tuân (1910-1987), quê ở Hà Nội.
- Từ những năm 30 của thế kỉ XX, Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn và làm báo, chủ yếu đăng trên các báo, tạp chí.
- Ông là nhà văn nổi tiếng, có sở trường về thể tùy bút và kí
- Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật năm 1996
- Phong cách sáng tác: tác phẩm của ông luôn thể hiện phong cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú về nhiều mặt và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện
- Những tác phẩm đã xuất bản: *Ngon đèn dầu lạc (phóng sự, 1939)*; *Vang bóng một thời (truyện ngắn, 1940)*; *Chiếc lư đồng mắt cua (tùy bút, 1941)*; *Tóc chị Hoài (tùy bút, 1943)*; *Tùy bút II (tùy bút, 1943)*,...

2. Tác phẩm:

a. Thể loại: Thể kí

b. Xuất xứ:

Bài văn “Cô Tô” là phần cuối của bài kí Cô Tô – tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo

c. Giá trị nội dung:

Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

d. Giá trị nghệ thuật:

- Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo
- Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc
- Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,...

TIẾT 2: LUYỆN TẬP

Bài tập 1.

Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"... Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả

trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông".

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả đoạn văn trên là ai?
- Tìm từ láy trong câu: "Tròn trĩnh phúc hậu nước biển ửng hồng" ?
- Chỉ ra một hình ảnh so sánh trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh ấy?

Hướng dẫn làm bài:

- Đoạn văn trên trích từ văn bản: Cô Tô.
- Tác giả: Nguyễn Tuân.
- Từ láy: tròn trĩnh, đầy đặn
- Hình ảnh so sánh trong đoạn văn: "chân trời, ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây, hết bụi. "
- Tác dụng: Miêu tả vẻ đẹp trong sáng, tinh khôi của bầu trời Cô Tô sau trận bão.

Bài tập 1.

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

" . . . Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sù, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó nhìn mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông".

(Cô Tô, Nguyễn Tuân)

- Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt gì? Trình bày theo thứ tự nào?
- Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn trên và nêu tác dụng?
- Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?
- Hình ảnh mặt trời được tác giả miêu tả như thế nào trong đoạn văn trên ?
- Trình bày những cảm nhận của em về nghệ thuật miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô lúc hừng đông.
- HS: làm việc cá nhân
- Học sinh trình bày, nhận xét.
- GV: nhận xét, bổ sung chốt kiến thức.

Hướng dẫn làm bài:

- Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.
- Đoạn văn trên trình bày theo thứ tự: không gian, thời gian.
- Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn trên là nhân hóa, so sánh.
- Tác dụng: làm cho khung cảnh thiên nhiên khi mặt trời mọc ở Cô Tô hiện lên sinh động, gần gũi.
- Nội dung chính của đoạn văn trên là: Cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô.
- Hình ảnh mặt trời được tác giả miêu tả:
- Rực rỡ, tráng lệ
- Độc đáo, ấn tượng

- Chân thực, gợi cảm

e. Đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô là bức tranh rất đẹp, rất nên thơ. Với Nguyễn Tuân, ngắm bình minh trên đảo là một cuộc đi tìm cái đẹp đầy công phu và sáng tạo.

Nhà văn đã quan sát thật tinh tế và có nhiều hình ảnh so sánh độc đáo, là kết quả của trí tưởng tượng phong phú và tâm hồn yêu thiên nhiên :

– Hình ảnh so sánh chân trời ngấn bể *như tấm kính lau hết mây hết bụi* vẽ ra một cái nền trong trẻo, tinh khiết cho bức tranh bình minh.

– Mặt trời được miêu tả trong hình ảnh *tròn trĩnh phúc hậu như một quả trứng thiên nhiên đầy đặn* – một hình ảnh so sánh độc đáo chỉ Nguyễn Tuân mới có. Miêu tả như vậy, không những vẽ được hình khối đầy đặn, màu sắc dịu êm mà còn gợi đến cả sức sống mặt trời ban cho trái đất.

– Vẻ đẹp kì ảo của mặt trời lại làm người đọc ngạc nhiên khi biển là *mâm bạc đường kính rộng bằng cả chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng* đặt trên đó là một mặt trời đẹp đẽ, hùng vĩ như *quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ*.

– Gợi cảnh tượng đó y như mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông, nhà văn đã ca ngợi con người và thiên nhiên cũng được nhìn nhận trong vẻ trang trọng, uy nghi, lộng lẫy, đẹp lên vì cuộc sống của con người.

-> Tình yêu của Nguyễn Tuân với thiên nhiên và con người tạo nên những liên tưởng thú vị đó.

Bài tập 3:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Mặt trời nhú lên dần dần rồi lên cho kỳ hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhíp cánh...”

(Cô Tô, Ngữ văn 6, tập 1)

Câu 1: Cảnh được miêu tả theo trình tự nào?

Câu 2: Nhận xét về cách dùng hình ảnh so sánh của tác giả?

Câu 3: Nhận xét về sự chính xác và sáng tạo trong cách sử dụng từ ngữ ở đoạn văn này?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Cảnh được miêu tả theo trình tự thời gian mặt trời mọc và trên nền cảnh không gian rộng lớn của bầu trời, mặt biển.

Câu 2: Đoạn văn có một hình ảnh so sánh kép: “tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm... mâm bạc ... như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh”. Hình ảnh so sánh vừa gần gũi, quen thuộc, dễ hình dung (lòng đỏ quả trứng, mâm lễ vật) vừa chính xác và độc đáo.

Câu 3: Nhiều từ ngữ miêu tả giàu tính tạo hình và sắc thái biểu cảm: nhú lên, hồng hào, thăm thẳm, đường bệ, hừng hồng.

Bài tập 4:

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo và sáng sủa. Từ khi có Vịnh Bắc Bộ và từ khi Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người, thì sau mỗi lần đông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong những ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi”.

(Ngữ văn 6 – tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai ?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì ?

Câu 3: Xác định biện pháp nghệ thuật và tác dụng trong câu văn: *“Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa”.*

Câu 4: Xác định câu trần thuật đơn có từ “là” trong đoạn văn và cho biết câu ấy thuộc kiểu câu nào trong các kiểu câu trần thuật đơn có từ “là” ?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trích: văn bản Cô Tô.
- Tác giả Nguyễn Tuân.

Câu 2: - Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả.

Câu 3:

- Tác giả dùng tính từ gợi tả màu sắc vừa tinh tế, gợi cảm : *xanh mượt, lam biếc.*
- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (vàng giòn) gợi tả sắc vàng riêng biệt ở Cô Tô
- Tác dụng : gợi một bức tranh biển đảo trong sáng, phóng khoáng, lộng lẫy.

Câu 4:

- HS xác định đúng câu trần thuật đơn có từ “là” :

Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.

- Đó là câu miêu tả.

Bài tập 5:

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo và sáng sủa. Từ khi có Vịnh Bắc Bộ và từ khi Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người, thì sau mỗi lần đông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong những ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi”.

(Ngữ văn 6 – tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai ?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì ?

Câu 3: Xác định biện pháp nghệ thuật và tác dụng trong câu văn: *“Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa”.*

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trích: văn bản Cô Tô.
- Tác giả Nguyễn Tuân.

Câu 2: - Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả.

Câu 3:

- Tác giả dùng tính từ gợi tả màu sắc vừa tinh tế, gợi cảm : *xanh mượt, lam biếc*.
- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (vàng giòn) gợi tả sắc vàng riêng biệt ở Cô Tô
- Tác dụng : gợi một bức tranh biển đảo trong sáng, phóng khoáng, lộng lẫy.

Bài tập 6:

Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“ Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo và sáng sủa. Từ khi có Vịnh Bắc Bộ và từ khi Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người, thì sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong những ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi.

(Ngữ văn 6 – tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp so sánh và ẩn dụ có trong đoạn văn trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

+Đoạn văn trích trong văn bản Cô Tô.

+ Tác giả Nguyễn Tuân.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả.

Câu 3:

+Nghệ thuật so sánh: Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo và sáng sủa.

+ Nghệ thuật ẩn dụ: cát lại vàng giòn

-Tác dụng: làm nổi bật vẻ đẹp của khung cảnh thiên nhiên Cô Tô sau trận bão rất đẹp, trong sáng, gợi được sắc vàng riêng biệt ở Cô Tô.

Bài tập 7:

Cho đoạn văn sau :

“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh...”

(Ngữ văn 6, Tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích ở tác phẩm nào? Của ai ?Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Đoạn trên tả cảnh gì? Cho biết tác giả đã chọn điểm nhìn ở đâu để miêu tả cảnh ấy.

Câu 3: Chỉ ra biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?.

Câu 4: Từ nội dung của đoạn văn trên , em hãy viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về biển đảo quê hương?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- + Đoạn văn được trích trong văn bản Cô Tô của Nguyễn Tuân
- + Phương thức biểu đạt chính : Miêu tả

Câu 2:

- + Đoạn trên tả cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô.
- + Tác giả đã chọn điểm nhìn ở đầu mũi đảo Cô Tô.

Câu 3:

- + Biện pháp tu từ so sánh
- + Nhấn mạnh việc miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô đẹp rực rỡ, tráng lệ, hùng vĩ

Câu 4:

Học viết đoạn văn phải đảm bảo các ý sau:

- + Biển đảo nước ta rất đẹp, rộng lớn, hùng vĩ: với nhiều bãi tắm, vũng, vịnh, và hàng nghìn đảo, quần đảo lớn nhỏ
- + Biển đảo nước ta rất phong phú và giàu có về tài nguyên khoáng sản, hải sản với nguồn dầu khí quan trọng, kho muối vô tận và hàng nghìn loài ốc, tôm, cua, mực
- + Biển có giá trị lớn về nhiều mặt. Vì vậy cần yêu mến, tự hào, biết ơn đối với biển

Bài tập 8:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây, hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kỳ hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông.”

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Của ai? Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn bản?

Câu 2: Trình bày nội dung của đoạn văn?

Câu 3: Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?

Câu 4: Đoạn văn đã khơi gợi trong em tình cảm gì với biển đảo quê hương? Bằng hiểu biết của bản thân em hãy cho biết biển đảo có vai trò gì đối với đời sống con người và dân tộc Việt Nam? Là học sinh, em có thể làm gì để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích từ văn bản “Cô Tô”
- Của tác giả Nguyễn Tuân
- Phương thức biểu đạt: miêu tả

Câu 2. Nội dung: Tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo Cô Tô

Câu 3:

- Biện pháp nghệ thuật: so sánh
 - + *chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi.*
 - + *(mặt trời) tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.*
 - + *(vàng mây mặt trời) y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh.*

- **Tác dụng:** Biện pháp nghệ thuật làm cho cách diễn đạt của tác giả trở nên hình ảnh, gợi cảm góp phần làm nổi bật vẻ đẹp rực rỡ, tráng lệ, độc đáo, hùng vĩ của cảnh mặt trời mọc, của biển trời Cô Tô.

Câu 4.

- Đoạn văn khơi gợi trong em niềm tự hào, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương.

- **Vai trò của biển đảo đối với đời sống con người và dân tộc Việt Nam**

Một số Hướng dẫn làm bài

+ Biển có giá trị to lớn về kinh tế: cung cấp nguồn tài nguyên vô giá (dầu lửa, thủy hải sản...); là địa điểm du lịch hấp dẫn với du khách trong và ngoài nước.

+ Biển còn có giá trị về quân sự, quốc phòng an ninh.

- **Những việc em có thể làm để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển:**

Một số Hướng dẫn làm bài

+ Không xả rác xuống biển hay vùng ven biển

+ Không đánh bắt thủy sản bằng những hình thức như dùng điện ...khiến các loài động vật biển bị tuyệt chủng.

+ Không săn bắt các loại động vật quý hiếm.

+ Bảo vệ các loại động vật biển quý hiếm.

+ Tuyên truyền vận động mọi người phải giữ gìn vệ sinh môi trường biển.

TIẾT 3: THỰC THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, ẨN DỤ

I. LÝ THUYẾT

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản các biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ và so sánh - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	1. Ẩn dụ - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. So sánh a. Khái niệm: So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. b. Cấu tạo của phép so sánh. Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh gồm: - Vế A: Nêu tên sự vật, sự việc được so sánh. - Vế B: Nêu sự vật, sự việc dùng để so sánh. - Từ chỉ phương diện so sánh. - Từ so sánh. c. Các kiểu so sánh - Có 2 kiểu so sánh cơ bản:

	+ Ngang bằng: Như, tựa, ý như, như là bao nhiêu - bấy nhiêu, . . . + Không ngang bằng: Chẳng bằng, chưa bằng, hơn là. . . Vd: - Quê hương là chùm khế ngọt - Chiếc áo này rách hơn là chiếc áo kia. d. Tác dụng của phép so sánh. - Tác dụng của phép tu từ so sánh: Vừa có tác dụng gợi hình giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động, vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.
--	---

II. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1

Chỉ ra các ẩn dụ và nêu ý nghĩa ẩn dụ trong các câu ca dao, câu thơ sau:

- a. *Trăm năm đành lỗi hẹn hò*
Cây đa bến cũ con đò khác đưa.
- b. *“Ơi con chim chiền chiện*
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng. ”

Hướng dẫn làm bài

- a. *Cây đa bến cũ*- những kỷ niệm đẹp
Con đò khác đưa- cô gái đã đi lấy người con trai khác làm chồng- đã thay đổi, xa nhau...
(Tác giả dân gian đã chọn được hình ảnh ẩn dụ đẹp, quen thuộc, gợi nhớ diễn đạt được một lời oán trách kín đáo).
- b. *Giọt* (tiếng hót- chuyển đổi cảm giác)- ca ngợi cái đẹp của sáng xuân cũng là cái đẹp của cuộc đời, cuộc sống.
hứng (tiếng hót- chuyển đổi cảm giác)- sự thừa hưởng một cách trân trọng những thành quả cách mạng.

Bài tập 2: Xác định phép tu từ ẩn dụ được sử dụng trong các câu dưới đây. Rút ra bài học được gửi gắm qua các hình ảnh ẩn dụ đó.

- a, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
b, Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng

Hướng dẫn làm bài

- a, ăn quả nhớ kẻ trồng cây
ăn quả: tương đồng cách thức với sự hưởng thụ thành quả lao động
Kẻ trồng cây: Tương đồng phẩm chất với người lao động
→ Bài học: khuyên chúng ta khi hưởng thụ thành quả phải nhớ đến công lao người lao động đã vất vả tạo ra thành quả
- b, Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng

- Mực đen có nét tương đồng về phẩm chất với cái xấu
 - Đèn sáng có nét tương đồng về phẩm chất với cái tốt cái hay.
- Bài học: Khuyến chúng ta nên biết lựa chọn môi trường sống, lựa chọn bạn bè để có thể học hỏi được những điều tốt, tránh xa điều xấu.

Bài tập 3: Chỉ ra và cho biết tác dụng của phép so sánh trong câu ca dao sau:

a. “ Ngó lên nuộc lạt mái nhà

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

b. Đường vô xứ Huế quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ

- Học sinh trả lời, nhận xét, tranh luận, phản biện

Hướng dẫn làm bài

a. **Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu**

- Kiểu so sánh: so sánh ngang bằng

→ Tác dụng: những nỗi nhớ và thương là những khái niệm trừu tượng đã được cụ thể hóa bằng hình ảnh rất quen thuộc trong câu ca dao đó chính là nuộc lạt (nuộc: nút, mối) trên mái nhà. Phép so sánh “ bao nhiêu – bấy nhiêu” để thể hiện nỗi nhớ da diết, sâu nặng, tình cảm vô cùng thiêng liêng và cao quý của con cháu với ông bà tổ tiên mình. Câu ca dao khuyến chúng ta phải luôn biết ơn những người đi trước, đó là truyền thống quý báu của dân tộc “Uống nước nhớ nguồn”.

b. **Non xanh nước biếc như tranh họa đồ**

- Kiểu so sánh: so sánh ngang bằng

→ Tác dụng:

Khung cảnh thiên nhiên trên đường vô xứ Nghệ đẹp như tranh họa đồ - vẻ đẹp hòa quyện, gắn bó giữa non và nước tạo nên một cảnh đẹp êm dịu, tươi xanh, hài hòa. Cảnh ấy đẹp như trong tranh vẽ: “tranh họa đồ” – trong cái nhìn thẩm mỹ của người Việt xưa, cái đẹp thường được ví với tranh (đẹp như tranh).

- Câu hát thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào về vẻ đẹp thơ mộng của đất cố đô. Đây cũng là cách giới thiệu mang sắc thái tinh tế, thanh lịch của người dân xứ Huế. Khẳng định vẻ đẹp tuyệt vời của phong cảnh trên con đường thiên lý từ miền Bắc vào miền Trung, đặc biệt là xứ Nghệ.

Bài tập 4: Sưu tầm những bài ca dao, câu tục ngữ, thành ngữ có sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh:

- Hình thức tổ chức: Gv tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi **TIẾP SỨC**

- Luật chơi: Mỗi tổ là một đội chơi, các đội chơi lần lượt viết các câu ca dao hoặc tục ngữ có sử dụng phép so sánh; mỗi bàn viết một câu rồi chuyển xuống bàn dưới lần lượt cho đến hết, nếu còn thời gian lại tiếp tục chuyển lên bàn trên. Sau 4 phút, đội nào nhanh hơn, viết được nhiều câu có biện pháp tu từ so sánh thì đội đó giành chiến thắng.

- HS chơi

- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc

Đáp án tham khảo

- Anh em cùng một mẹ cha

Cũng như cây cọ sinh ra nhiều cành

- Trên trời mây trắng như bông

Ở giữa cánh đồng, bông trắng như mây

- Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu
- Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
- Thân em như ốt trên cây
Càng tươi ngoài vỏ, càng cay trong lòng
- Tình anh như nước dâng cao
Tình em như tắm lụt đào tắm hương
- Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu
- Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân
- Công cha như núi thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
- Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã
- Rành rành như canh nấu hẹ
- Lầm rầm như thầy bói nhảm quẻ
- Dù ai nói ngả nói nghiêng Lòng ta vẫn vững như kiềng 3 chân
- Thân em như tấm lụa đào
phát phơ giữa chợ, biết vào tay ai
- Anh em như thể tay chân
Lá lành đùm bọc, dở hay đỡ đần
- Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi, biết tấp vào đâu
- Đường vô xứ nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
- Em như trái ốt chín cây
Càng tươi ngoài vỏ càng cay trong lòng
- Miệng cười như thể hoa ngâu
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen

. . .

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: **Hang é, Cửu Long Giang ta ơi!**

VĂN BẢN 2: HANG ÉN (Hà My)
VĂN BẢN 3: CỬU LONG GIANG TA OI (Trích, Nguyễn Hồng)
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
CÁC DẤU CÂU
BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, NHÂN HÓA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én, Cửu Long Giang ta ơi*;
- HS thấy được tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh,...
- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hang Én, Cửu Long Giang ta ơi*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én Cửu Long Giang ta ơi*;
 - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
 - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...
- Năng lực nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn;
- Năng lực nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: HANG ÉN

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức.	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Thông tin về văn bản - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình; truy cập: 14/10/2020 - Tác giả: Hà My. 2. Đọc, kể tóm tắt a. Thể loại: Kí b. Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm c. Bố cục: 2 phần chính: + Phần 1: Từ đầu... <i>lòng hang chính</i>: Hành trình đi đến hang Én + Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én (Lưu ý Phần 2 có thể chia nhỏ hơn: Tiếp... <i>trần hang cao vài trăm mét</i>: Kích thước của hang Én Tiếp... <i>đôi cánh ấy sẽ lành hẳn</i>: Những con chim én trong hang Én Tiếp... <i>tạo tác của tự nhiên</i>: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. Tiếp... tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều: Hang Én khi trời tối. Tiếp... hết: Hang Én vào sáng hôm sau.) d. Nghệ thuật - Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc; - Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc e. Nội dung VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên.

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM 1. Hành trình đến hang Én - “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông” Đến được hang Én là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục - Chỉ có cách đi bộ cách duy nhất để đến được hang Én có thời gian để khám phá và hòa mình vào thiên nhiên: + Thách thức, nguy hiểm: dốc cao gập ghềnh; đường mòn, trơn; cây cổ thụ chắn ngang, vòm dây leo giăng kín; lội sông, trèo ngược vách đá cao hiểm trở; + Vẻ đẹp: + một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai; + cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc; + con đường, thảm cỏ (cách dùng từ “thảm”, không phải “bãi), tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người; + các từ, cụm từ chỉ cảm xúc: thích nhất, yêu vô cùng, ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp; Các từ ngữ miêu tả thiên nhiên có độ gợi cảm cao, thể hiện thái độ, tình cảm yêu mến của người viết. 2. Vẻ đẹp bên trong hang Én a. Kích thước - Số đo: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; - Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng. Cụ thể hóa hang Én cho người đọc: Hang Én rất cao, rộng, dài Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn b. Vẻ đẹp trong hang Én - Sự kiến tạo của tự nhiên: + Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường; + “Bờ sông cát mịn, nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo”; + Dải hóa thạch sò, ốc, san hô; nhũ đá, măng đá, ngọc động
--	---

tuyệt đẹp, trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên
Những vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành,
biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất.

Chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành
tinh.

- Sinh vật tự nhiên sống trong hang Én: chim én

+ Tính từ: “dày đặc”

+ Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm,
cảm xúc:

Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, bạn én thiếu niên

Ngủ nướng; say giấc.

“Nếu đặt lên vai, bạn sẽ rúc vào tóc hoặc đầu trên đầu
mình để... ngủ tiếp!” dấu ba chấm để thể hiện sự bất
ngờ ở phía sau: bạn én thiếu niên ham ngủ lối viết giàu
cảm xúc, tình cảm; không mảy may để ý đến sự hiện
diện của nhóm du khách; ung dung mỗ còm trong lòng
bàn tay

- Khung cảnh trong hang Én thay đổi theo thời gian:

+ Tối:

Bóng tối trùm trong hang, khoảng trời trên cửa hang
vẫn sáng rất lâu;

Đàn én bay về hang; tứ bề tiếng chim líu ríu, chiu chít,
tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều;

Tiếng nước chảy âm âm.

+ Sáng:

Năm giờ: luồng nắng ban mai rực rỡ sáng bừng cả lòng
hang, tương bật điện từ tối sang sáng, con người chưa
kịp thích nghi;

Khói mờ lảng đãng trên mặt nước do nắng và hơi nước
mỏng cộng lại vẻ đẹp thơ mộng, bình yên, trong trẻo
của buổi sáng. Cách dùng từ đảo ngữ: không phải “khói
mờ lảng đãng” mà là “lảng đãng khói mờ”;

Không khí mát lành, tinh khiết.

c. Sự hòa mình của con người với tự nhiên

- Cách con người tương tác với tự nhiên:

+ Cách gọi hang Én: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban
tặng. “Cái tổ” gợi cảm giác nguyên thủy, ấm áp, gần
gũi. “Mẹ Thiên Nhiên”: gọi thiên nhiên là “Mẹ”, viết
hoa các tiếng thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng
sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên;

+ Thời xa xưa, tộc người A-rem đã sống trong hang Én,
có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao thế hệ

	leo vách đá con người sống giữa thiên nhiên, hòa hợp và thích ứng với thiên nhiên; + Tộc người A-rem khi ra ngoài sinh sống: vẫn giữ lễ hội “ăn én”; + Cư xử với đàn bướm: thái độ yêu thích, bước đi cùng đàn bướm, ngắm cánh hồ điệp monh manh thái độ trân trọng, nâng niu vẻ đẹp mong manh; + Cư xử với chim én: đặt lên vai, cho ăn trong lòng bàn tay sự gần gũi, thân thiện; + Sống trong hang: Ngồi bệt trên cát, chân trần trực tiếp tiếp xúc với thiên nhiên, không cần vật bảo hộ, ngăn, kê, lót. Tối: Ngắm sông, ngắm trời; Sáng: ngoài người ra khỏi lều Tâm trạng, thái độ: yêu thích, cảm phục, ngưỡng vọng, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống an nhiên trong cái “tổ” của “Mẹ Thiên Nhiên”.
--	--

TIẾT 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN VĂN BẢN: CỬU LONG GIANG TA ƠI!

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về thể loại và văn bản. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. KIẾN THỨC CHUNG: 1. Tác giả - Tên: Nguyên Hồng; - Năm sinh – năm mất: 1918 – 1982; - Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng; - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. - Các tác phẩm chính: <i>Những ngày thơ ấu</i> (hồi kí), <i>Bỉ vỏ</i> (tiểu thuyết), <i>Trời xanh</i> (thơ), <i>Cửa biển</i> (tiểu thuyết), <i>Bước đường viết văn</i> (hồi kí), v.v... 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: - VB <i>Cửu Long Giang ta ơi</i> được trích trong <i>Trời xanh</i>, NXB Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 5 – 9. b. Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm; c. Bố cục:

GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức trọng tâm về văn bản. - Hình thức văn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	+ Phần 1: Từ đầu □ “... hai ngàn cây số mệnh mông”: Hình ảnh sông Mê Kông trong những ngày đi học; + Phần 2: Tiếp □ “... không bao giờ chia cắt”: Hình ảnh sông Mê Kông gắn liền với những sinh hoạt lao động; + Phần 3: Còn lại: Chủ thể trữ tình nhìn sự đổi thay hiện tại và nhớ lại kỷ niệm xưa. d. Nghệ thuật - Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng; - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc; - Sử dụng các từ ngữ đắt giá, có tính biểu cảm cao; - Các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, v.v... e. Nội dung Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước. II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM: 1. Nhân vật/chủ thể trữ tình - “Ngày xưa ta đi học”: + “Tám bản đồ rực rỡ”: tám bản đồ trong bài giảng của thầy giáo trở nên đẹp đẽ lạ thường, không chỉ là hình ảnh sông Mê Kông mà còn tượng trưng cho Tổ quốc thiêng liêng. □ Tám bản đồ trong cảm nhận của cậu học trò mười tuổi như mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say. - Hình ảnh người thầy trở nên kỳ diệu, như có phép lạ: “gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”; - “Ta đi... bản đồ không nhìn nữa”: câu thơ mang tính chất tự sự, ngầm bên trong là trữ tình □ So sánh với ngày mười tuổi, nhân vật trữ tình không còn nhìn vào bản đồ mê say; thay vào đó là bắt tay vào lao động, gây dựng đất nước, Tổ quốc, tiếp nối truyền thống ông cha: “Những mặt đất Cha ông ta nhắm mắt Truyền cháu con không bao giờ chia cắt” □ Ý thức được truyền thống, trân trọng những giá trị, sự tiếp nối các thế hệ trên mảnh đất quê hương. □ Sự thay đổi của nhân vật trữ tình gắn với sự thay đổi trong hành động: từ nhỏ tuổi sang lớn lên, từ ngồi học
--	--

sang bước đi, từ nhìn bản đồ mê say đến không nhìn nữa. Nhưng tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần, đậm sâu.

- “Ta đã lớn”:

+ “Thầy giáo già đã khuất”: câu thơ tự sự, vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa nói lên sự đổi thay của thời gian, và hình ảnh thầy giáo không còn là hình ảnh to lớn như đạo sĩ trước kia. Nhưng hình ảnh thầy lại đọng lại là một kỷ niệm của cậu bé năm mười tuổi. Câu thơ có sự suy niệm, hồi tưởng;

+ “Thước kẻ to nay thành cán cờ sao”: hình ảnh mang ý nghĩa hình tượng: những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc. Nhịp thơ 3/5: về sau dài hơn về trước tạo giọng điệu kể, thủ thỉ, tạo nên sự xúc động.

+ “Những tên làm man mác tuổi thơ xưa

Đã thấm máu của bao hồn bất tử”

□ Tiếp tục mạch cảm xúc của khổ cuối bài thơ, khẳng định giá trị vĩnh cửu (“bất tử”) của những người đã cống hiến vì Tổ quốc.

- Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông:

+ *Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát*

+ *Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng*

Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa

Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền

+ *Mê Kông quận đê*: quận đê □ đau đớn, nhưng cố gắng vô cùng vì tương lai.

+ Đọc lên nước mắt đều muốn ứa

□ Hình ảnh dòng sông Mê Kông đối với tác giả có sự gần gũi, thân thiết, gắn bó sâu sắc như tình cảm với những người thân ruột thịt. Dòng sông Mê Kông chảy cùng với những sinh hoạt của người dân, bồi đắp và tạo nên sản vật trù phú cho người dân, cùng người dân trải qua những lao động vất vả.

□ Tình yêu, sự trân trọng, đồng cảm của tác giả đối với dòng Mê Kông và những người nông dân □ Tình yêu đối với quê hương, đất nước.

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

- Trong dòng chảy của nó, sông Mê Kông hiện lên với nhiều vẻ đẹp khác nhau;

	- Khi chảy vào vùng đất Nam Bộ - Việt Nam (đoạn này gọi là sông Cửu Long) được đặc tả ở vẻ trù phú – gắn liền với tính chất của người mẹ: + Trúc đào tươi chim khuyên rìa cánh sương đọng long lanh; + <i>Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng</i> <i>Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa</i> <i>Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền</i> □ chín nhánh Mê Kông – cách nói khác ám chỉ sông Cửu Long, nhưng đồng thời còn cho thấy số lượng của những nhánh Mê Kông nhiều, màu mỡ, đầy phù sa. Từ <i>nổi vầng</i> ở cuối, kết thúc bằng thanh T, giúp để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc; □ Thủ pháp liệt kê kết hợp với điệp ngữ: Chín nhánh Mê Kông; Ruộng bãi Mê Kông, Bến nước Mê Kông □ Nhấn mạnh, tạo cảm giác nhiều, và khơi lên cảm xúc. + Sầu riêng thơm dậy, suối mát dội trong lòng dừa trầu quả, v.v... + <i>Mê Kông quận đê</i>: quận đê 3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ - Cuộc sống của người nông dân Nam Bộ gắn với ruộng đồng vùng lưu vực sông Cửu Long: <i>Nông dân Nam Bộ gói đất nằm sương... Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.</i>
--	--

TIẾT 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT CÁC DẤU CÂU BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, NHÂN HÓA

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Dấu câu 1. Dấu ngoặc kép - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu. - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt. - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm. 2. Dấu phẩy - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu; - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng;

	- Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu. 3. Dấu gạch ngang - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê; - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại; - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu; - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau; - Phiên âm tên nước ngoài; - Dùng trong cách để ngày, tháng, năm. II. Biện pháp tu từ 1. So sánh - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. 2. Nhân hóa - <i>Nhân hóa</i> là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt. - Các kiểu nhân hoá + Gọi vật bằng những từ vốn gọi người: Lão miệng, cô mắt. . . + Dùng những từ chỉ hoạt động tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của vật, của thiên nhiên; Sông gầy, đê choãi chân ra. . . + Trò chuyện xưng hô với vật như với người. <i>Khăn thương nhớ ai</i> <i>Khăn rơi xuống đất?</i> <i>Khăn thương nhớ ai</i> <i>Khăn vắt lên vai?</i>
--	--

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
GV có thể tổ chức câu hỏi thành trò chơi theo đội nhóm - Phép nhân hóa là gì? - các kiểu nhân hóa? (yêu cầu mỗi kiểu lấy ví dụ cụ thể)	I. Lý thuyết: Phép nhân hóa 1. Khái niệm là cách gọi, tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ được dùng để gọi hoặc tả con người. 2. Tác dụng: làm cho đồ vật, cây cối thiên nhiên trở nên gần gũi với con người - diễn đạt sinh động cụ thể gợi cảm. 3. Các kiểu nhân hoá

	+ Gọi vật bằng những từ vốn gọi người: Lão miêng, cô mắt. . . + Dùng những từ chỉ hoạt động tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của vật, của thiên nhiên; Sông gầy, đê choãi chân ra. . . + Trò chuyện xưng hô với vật như với người. <i>Khăn thương nhớ ai</i> <i>Khăn rơi xuống đất?</i> <i>Khăn thương nhớ ai</i> <i>Khăn vắt lên vai?</i>
--	---

II. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Tìm 5 bài ca dao có sử dụng phép nhân hoá.

HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả

Gv nhận xét, chốt đáp án

Hướng dẫn làm bài

Năm bài ca dao có sử dụng phép nhân hoá.

1. Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
2. Núi cao chi lắm núi ơi,
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.
3. Núi cao bởi có đất bồi,
Núi chề đất thấp, núi ngồi ở đâu ?
4. Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chề sông nhỏ biển đâu nước còn.
5.
Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt. . .

Bài tập 2

Viết đoạn văn (6-8 câu) tả trận mưa rào có sử dụng phép nhân hoá và các dấu câu trên.

Hs làm việc cá nhân

GV gợi dẫn: hình thức là đoạn văn, dung lượng 6-8 câu, nội dung tả cơn mưa rào. (trước-trong-sau cơn mưa)

Đoạn văn tham khảo:

Sau một tuần nắng nóng kéo dài, cuối cùng cơn mưa rào cũng đã đến. Mây đen ùn ùn kéo từ đâu tới, bầu trời trong xanh phút chốc đã khoác lên mình chiếc áo đen. Sau đó, là những giọt mưa bắt đầu rơi tí tách. Chỉ gió nhón nhẹ chân qua làm cây cối đung đưa. Làn nước chảy đi mang theo những chiếc lá vàng khô trông như những con thuyền đang đi vào dòng nước xoáy. Trên bầu trời

là chớp loé sáng rạch ngang chân trời. Một lúc sau, mưa bắt đầu ngớt dần. Chiếc cầu bảy sắc hiện ra cuối trời tăng thêm vẻ đẹp cho thiên nhiên kiến ai ngắm nhìn cũng phải trầm trồ khen ngợi. Sau cơn mưa, vạn vật như được tắm gội thay bộ quần áo mới. Em rất thích cơn mưa. (*Phép nhân hóa là phần được gạch chân*)

- HS nhìn vào bài và chỉ ra các dấu câu đã sử dụng và nêu công dụng của các dấu câu đó.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: ***Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.***

BUỔI 15:

Ngày soạn: / /2021

Ngày dạy: / /2021

VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt trong văn bản Cô Tô, Hang Én
- Tả bao quát quang cảnh chung (không gian, thời gian, hoạt động chính)
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.
- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự chủ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về yêu cầu để làm tốt một bài văn tả cảnh. - Hình thức vấn đáp. - HS trả lời. - GV chốt kiến thức	I. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt - Giới thiệu khái quát cảnh sinh hoạt; - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian) - Tả hoạt động cụ thể của con người; - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt được tả. Lưu ý: Khi tả sử dụng từ ngữ phù hợp để tả làm cho quang cảnh, hoạt động của con người hiện lên một cách rõ nét, sinh động; III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài: Cảnh thu hoạch mùa màng b. Tìm ý: -Đề bài: Miêu tả cảnh thu hoạch mùa màng + Cảnh diễn ra ở làng quê Việt Nam vào khoảng tháng 6, (tháng 12) -Khung cảnh đang diễn ra tấp nập, khẩn trương và sôi động. -Tiếng gọi nhau ý ới, âm thanh của máy tuốt lúa vang khắp cả vùng trời -Con người cần mẫn gom từng bó lúa cho vào máy tuốt, thu lúa vào bao, vận chuyển về nhà... -Báo hiệu một mùa bội thu, cuộc sống người dân được ấm no, đầy đủ. c. Lập dàn ý: * Mở bài: Giới thiệu khái quát cảnh thu hoạch lúa trên quê hương em * Thân bài: Miêu tả cảnh thu hoạch (các ý trong phần tìm ý) * Kết bài: Suy nghĩ của em về cảnh thu hoạch mùa màng. Lưu ý: - Khi viết có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa

- Sử dụng từ ngữ thể hiện chân thực, tình cảm, suy nghĩ của bản thân.

2. Viết bài

- Viết đoạn văn phần mở bài
- Viết các đoạn văn phần thân bài
- Viết đoạn văn kết bài

3. Chỉnh sửa bài viết

TIẾT 2+3: LUYỆN TẬP:

GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước và viết bài, đọc bài, nhận xét và chữa bài.

Đề bài: Tả lại cảnh sum họp của gia đình em.

Dàn ý

1. Mở bài

- Thời gian: vào buổi tối cuối tuần.
- Không gian: ngôi nhà của em.
- Nhân vật: Những người thân trong gia đình.

2. Thân bài

- Cách bài trí trong nhà, dưới bếp. (Chú ý các chi tiết, hình ảnh có liên quan đến Tết)
- Không khí chuẩn bị ra sao? (Mọi người trong gia đình cùng nhau chuẩn bị...)
- Bàn ăn (hay mâm cơm) có những món gì?
- Bữa ăn diễn ra đầm ấm, vui vẻ như thế nào?
- Sau bữa ăn, mọi người làm gì? (uống nước, chuyện trò tâm sự...)

3. Kết bài

- Cảm động và thích thú.
- Mong có nhiều dịp được sum họp đầy đủ với người thân.
- Nhận ra rằng gia đình quả là một tổ ấm không thể thiếu đối với mỗi con người.

BÀI VIẾT THAM KHẢO SỐ 1:

Thật khó để có thể nói hết được ý nghĩa của mái ấm gia đình. Em luôn cảm thấy may mắn vì gia đình của em là một gia đình hạnh phúc. Dù ban ngày mỗi người một công việc ở những nơi khác nhau nhưng đến tối là tất cả đều tụ họp đông đủ sum vầy bên nhau.

Gia đình em gồm bốn thành viên: bố, mẹ, chị gái và em. Sau một ngày làm việc và học tập vất vả thì cũng là lúc mọi người trở về nhà. Mỗi người một công việc khác nhau. Bố thì tưới cây, chị thì quét sân, còn em phụ mẹ nấu cơm. Bữa cơm buổi tối luôn thịnh soạn nhất. Mẹ đã nấu rất nhiều món ngon mà ai cũng thích. Nhà em thường ăn cơm lúc bảy giờ tối, cả gia đình bên chiếc bàn tròn nhỏ ở giữa nhà bếp, mọi người ăn rất ngon miệng và vui vẻ. Sau khi ăn và dọn dẹp bát đĩa xong mọi người lại quây quần ở phòng khách. Em cùng chị gọt hoa quả mời bố mẹ ăn, vừa ăn vừa chuyện trò rất vui vẻ. Bố hỏi em và chị ngày hôm nay đi học như thế nào, dù có điểm thưởng hay không bố vẫn khen và tặng em một cái thơm. Công việc của bố mẹ tuy rất mệt và căng thẳng nhưng khi về nhà bố mẹ lại là những người tươi vui nhất, không hề than vãn dù nửa lời, chỉ lắng nghe lời kêu của con cái rồi mỉm cười động viên.

Em nhận ra dù chỉ là khoảnh khắc gia đình sinh hoạt ngắn ngủi buổi tối nhưng đó chính là thứ keo tốt nhất gắn kết tình cảm gia đình.

BÀI VIẾT THAM KHẢO SỐ 2:

Gia đình em gồm có bốn thành viên là bố, mẹ, anh trai và em. Bố mẹ em là viên chức nhà nước còn hai anh em đều đang đi học. Khi bắt đầu một ngày mới là lúc mọi người rời khỏi nhà để đi học đi làm. Chỉ đến tối, cả gia đình mới được sum họp bên nhau.

Giờ sinh hoạt gia đình vào buổi tối của nhà em bắt đầu bằng bữa cơm tối. Mẹ là người đầu bếp tài ba của gia đình. Tài nấu nướng của mẹ là số một. Ba bố con chỉ dọn dẹp rồi đi tắm xong là đã có một bàn ăn thịnh soạn. Mẹ em nói dù có mệt mỏi hay bận rộn đến đâu thì bữa cơm gia đình vẫn phải chu toàn, thơm tất, phải thực sự ngon miệng mới xua tan được những mệt mỏi, muộn phiền sau một ngày dài.

Bố em là người vui tính, trong bữa cơm bố thường trêu đùa khiến ai cũng bật cười sảng khoái. Mẹ em thì không quên gấp thức ăn cho mọi người, nhắc nhở mọi người ăn thật nhiều. Ăn cơm xong em phụ mẹ dọn dẹp, rửa bát. Anh trai em pha trà, gọt hoa quả chờ mọi người xong việc cùng ngồi ăn tráng miệng. Gia đình em thường cùng nhau xem chương trình thời sự sau khi ăn cơm xong, vừa xem vừa trò chuyện với nhau, chia sẻ những điều thú vị trong cuộc sống. Cảm giác được chia sẻ, giải tỏa cùng những người thân yêu sau một ngày thật thoải mái, dễ chịu, khung cảnh gia đình thật ấm cúng, tràn ngập yêu thương.

Đối với em gia đình là điều quan trọng nhất không có gì có thể thay thế được, em luôn trân trọng những bữa cơm sinh hoạt gia đình, những giây phút quây quần bên người thân yêu.

BÀI VIẾT THAM KHẢO SỐ 3:

Ba tôi công tác xa nhà mấy chục cây số, một tuần mới về một lần. Cho nên tối thứ bảy là tối gia đình tôi sum họp đông vui nhất.

Cơm nước xong xuôi, mọi người mới quây quần trong gian phòng khách nhỏ bé và ấm cúng. Ánh đèn nê-ông tỏa ánh sáng xanh dịu. Mấy lồng hoa bằng nhựa sáng rực lên trông y như hoa thật. Chiếc tủ li bằng gỗ cẩm lai được đánh véc-ni láng bóng như mặt gương soi, nổi bật những đường vân như những nét hoa văn kỳ ảo. Phía trên, là chiếc ti vi màu mười chín inch được phủ bằng một tấm lụa xanh rêu. Đồ đạc trong phòng được xếp đặt thật gọn gàng, ngăn nắp.

Ba tôi bỗng bế Thảo Ngọc vào lòng âu yếm hôn lên tóc, lên má bé. Ngọc ôm lấy cổ ba nũng nịu: “Ba! Ba có nhớ con không?”. Ba cầm bàn tay nhỏ bé của bé áp lên má mình vuốt vuốt rồi nhỏ nhẹ với bé: “Ba nhớ con nhiều nhất đấy!”. Rồi ba hỏi lại bé: “Thế Ngọc có thương ba không?”. Thảo Ngọc cười nhe hàm răng nhỏ xíu trông thật dễ thương. Bàn tay vào chiếc cằm vừa mới cạo của ba và nói lớn: “Con thương ba nhất nhà này! Thương mẹ nhất nhà này! Và cả chị hai nữa! Con thương cả nhà như nhau! Bằng thế này này!”. Bé đưa ba ngón tay lên, đưa qua đưa lại như chứng tỏ điều mình nói là đúng, là sự thật. Lúc này, mẹ đang đọc báo, tôi đang chơi đàn. Cả tôi và mẹ đều phải phì cười vì vẻ đáng yêu của bé.

Đúng tám giờ, tôi bật vô tuyến để xem tiết mục “Ngôi nhà tuổi thơ”. Tối nay có chương trình văn nghệ của các trường mẫu giáo rất hay. Bé Ngọc vừa xem vừa vỗ tay hát theo. Ba khen hát hay, bé cười tít mắt. Càng hát, bé càng rướn giọng to lên, đầu lắc qua lắc lại theo nhịp đàn. Đôi bím tóc thắt nơ hồng ngoe nguẩy như đuôi chú cún con trông thật ngộ, thật dễ thương. Ba hỏi tôi: “Tuần này được mấy điểm mười hả con? Môn nào nhiều điểm mười hơn cả?” Tôi sung sướng khoe: “Hơn tuần trước bốn điểm mười ba ạ! Nhiều nhất là môn Toán, sau đến là môn Tiếng Việt. Riêng

môn Mỹ thuật con cố gắng lắm chỉ được điểm tám thôi!”. Ba xoa đầu tôi rồi động viên: “Con đạt được như thế là tốt lắm. Với đà này ba tin cuối năm con sẽ là một học sinh xuất sắc. Gắng lên nữa nghe con! Tuần sau, ba sẽ thưởng cho con cái đồng hồ có nhạc báo thức!”. Tôi thầm cảm ơn ba rất nhiều. Chính những lời động viên của ba mỗi tuần đã làm cho tôi thêm ý chí và nghị lực phấn đấu trong học tập. Cứ mỗi lần về thăm nhà, ba thường hướng dẫn thêm cho tôi phương pháp giải các bài toán và cách thức viết những câu văn hay, có hình ảnh.

Mẹ bụng ra một đĩa bánh kẹo, quà của ba mang về hồi chiều. Bé Thảo Ngọc thích quá vỗ tay reo: “A, kẹo ngon quá! Mẹ cho con nhiều nghe mẹ!”. Ba tôi cười tủm tỉm rồi nhắc hai đứa chúng tôi: “Ăn kẹo xong, chị em nhớ đánh răng súc miệng kẻo sâu răng đấy!”. Rồi ba quay sang mẹ hỏi han về tình hình công việc nhà trong tuần qua. Mẹ tôi cười nhìn ba tôi đáp: “Hai đứa nó ngoan cả. Tuần này, cơ quan em hơi nhiều việc nên cũng lu bu nhưng anh cứ yên tâm, đâu rồi vào đấy cả!”. Biết mẹ ở nhà vất vả, vừa phải hoàn thành nhiệm vụ ở cơ quan vừa phải lo việc nhà nên mỗi tuần được nghỉ hai ngày thứ bảy và chủ nhật, ba tôi thường tranh thủ về sớm để giúp đỡ mẹ. Ba quay sang tôi nói nhỏ: “Con ráng đỡ đần thêm công việc giúp mẹ. Mẹ mà ốm ra thì ba con mình vất vả đấy con ạ! Ba trông cậy vào con gái lớn của ba đấy!”. Tôi chạy đến bên mẹ rồi nói như để ba tôi cùng nghe: “Mẹ khỏe lắm. Chẳng có bệnh tật nào làm mẹ ốm đau phải không mẹ? Nhưng ba phải thường xuyên về thăm nhà đấy. Mẹ có trông ba về không mẹ?” Mẹ tôi cười, mắng yêu tôi: “Mẹ chả chông, chỉ có các con thôi!”

Tối thứ bảy tuần nào cũng thế, gia đình tôi luôn có được những giờ phút sum họp thật vui vẻ và đầm ấm. Hai chị em tôi thật sự hạnh phúc trong mái ấm gia đình, trong vòng tay ấm áp của ba mẹ tôi.

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Học bài
- Hoàn thiện bài văn trên.
- Chuẩn bị nội dung buổi học sau: **Ôn tập tổng hợp học kì I chuẩn bị kiểm tra cuối kì.**

BUỔI 16:

Ngày soạn: / /2021

Ngày dạy: / /2021

ÔN TẬP TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì I.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học.
- Năng lực sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ để hình thành đoạn văn, bài văn theo yêu cầu.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1 + 2: ÔN TẬP LÝ THUYẾT

A. HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN ĐỌC

I. ÔN TẬP TRUYỆN KÝ

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
Tôi và các bạn	Bài học đường đời đầu tiên	Tô Hoài	Truyện đồng thoại	- Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.	- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn - Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc - Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình. - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.
	Nếu cậu muốn có một người bạn	Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pê-ri	Truyện đồng thoại;	- Truyện kể về hoàng tử bé và con cáo. - Bài học về cách kết bạn cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè.	- Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ. - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc.
Gỗ cửa trái tim	Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh	Truyện ngắn	- Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và	- Sử dụng cách trần thuật ngôi thứ nhất trong vai người anh,

				đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ. - Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.	truyện đã diễn tả tinh tế diễn biến tâm lý của nhân vật người anh và những nét đẹp trong tâm hồn tính cách cô em gái. - Truyện sáng tạo được một tình huống làm bộc lộ được chiều sâu nội tâm nhân vật và tư tưởng tác phẩm.
Yêu thương và chia sẻ	Cô bé bán diêm	An – đéc – xen	truyện ngắn	Truyện không có một lời trữ tình ngoại đề nào của tác giả, nhưng đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống.	- Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập. - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập. - Sáng tạo trong cách viết kết truyện.
				Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết	- Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Khắc họa tâm lý nhân vật tự nhiên, tinh tế

	Gió lạnh đầu mùa	Thạch Lam	Truyện ngắn	chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.	
Quê hương yêu dấu	Cây tre Việt Nam	Thép Mới	Thể kí	Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.	- Sử dụng chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng - Sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hóa - Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu.
Những nẻo đường xứ sở	Cô Tô	Nguyễn Tuân	Thể kí	Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.	- Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo - Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc - Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,...
	Hang Én	Hà Mi	Thể kí	VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên.	- Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc; - Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống

					động, chân thực với người đọc

II. ÔN TẬP THƠ

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
	<i>Bắt nạt</i>	Nguyễn Thế Hoàng Linh	Thơ 5 chữ.	- Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đứng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.	- Thể thơ 5 chữ. - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung.
Gỗ cửa trái tim	<i>Chuyện cổ tích về loài người</i>	Xuân Quỳnh	Thơ 5 chữ.	Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu về nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trù mên đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu	Hình ảnh thơ kỳ lạ, bay bổng, từ hình ảnh thiên nhiên như: mặt trời, cỏ cây, hoa lá, con bống, cái cò, dòng sông, biển cả, bãi cát đến hình ảnh mẹ, bố, thầy giáo ... rất chân thực và sinh động.

				mến và giúp đỡ trẻ em.	
	<i>Mây và sóng</i>	Rabindranath Tagore	Thơ văn xuôi (thơ tự do)	Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị.	- Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại; - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển; - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.
Yêu thương và chia sẻ	<i>Con chào mào</i>	Mai Văn Phấn	thơ tự do	Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.	- Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc; - Sử dụng các biện pháp điệp ngữ nhằm miêu tả, nhấn mạnh hình ảnh, vẻ đẹp trong tiếng hót của con chim chào mào. Từ đó làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên và cảm xúc của chủ thể trữ tình với thiên nhiên.
Quê hương yêu dấu	Chùm ca dao về quê hương đất nước		Thể thơ lục bát		
	Chuyện cổ nước mình	Lâm Thị Mỹ Dạ	Thể thơ lục bát	- Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của	- Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.

				dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.	- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đậm sâu, nhưng đầy tự hào.
Những nẻo đường xứ sở	Cửu Long Giang ta ơi	Nguyễn Hồng	Thơ tự do	Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước.	- Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng; - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc; - Sử dụng các từ ngữ đắt giá, có tính biểu cảm cao; - Các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, v.v...

B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

I. CẤU TẠO TỪ:

- Từ đơn do một tiếng tạo thành.
- Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy).
- + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.
- + Từ láy là những từ phức có quan hệ láy âm.

II. NGHĨA CỦA TỪ

- Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.
- Từ một nghĩa là tên gọi của một sự vật, hiện tượng.
- Từ đa nghĩa là tên gọi của nhiều sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất
- Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
- Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc

III. CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ:

1. So sánh

a. Khái niệm: So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

*Ví dụ:

- Mặt trời xuống biển như hòn lửa
- Hôm nào trăng khuyết nhìn giống con thuyền trôi trên dòng sông ngân hà.
- Trăng khuyết như cái lưỡi liềm ai bỏ quên trên cánh đồng mênh mông.

- Trăng khuyết trông như miệng em bé cười rất duyên.
- Trăng tròn như quả bóng bay.
- Trăng sáng như gương.

b. Cấu tạo của phép so sánh.

Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh gồm:

- Vế A: Nêu tên sự vật, sự việc được so sánh.
- Vế B: Nêu sự vật, sự việc dùng để so sánh.
- Từ chỉ phương diện so sánh.
- Từ so sánh.

c. Các kiểu so sánh

- Có 2 kiểu so sánh cơ bản:
 - + Ngang bằng: Như, tựa, ý như, như là bao nhiêu - bấy nhiêu, . . .
 - + Không ngang bằng: Chẳng bằng, chưa bằng, hơn là. . .

Vd:

- Quê hương là chùm khế ngọt
- Chiếc áo này rách hơn là chiếc áo kia.

d. Tác dụng của phép so sánh.

- Tác dụng của phép tu từ so sánh: Vừa có tác dụng gợi hình giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động, vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

2. Nhân hóa

a. Khái niệm: *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.

-Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa

b. Tác dụng: làm cho đồ vật, cây cối thiên nhiên trở nên gần gũi với con người - diễn đạt sinh động cụ thể gợi cảm.

c. Các kiểu nhân hoá

- + Gọi vật bằng những từ vốn gọi người: Lão miệng, cô mắt. . .
- + Dùng những từ chỉ hoạt động tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của vật, của thiên nhiên; Sông gầy, đê choãi chân ra. . .
- + Trò chuyện xưng hô với vật như với người.

Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất?

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai?

3. Điệp ngữ

a. Khái niệm: *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu)

b. Tác dụng: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

c. Các kiểu điệp ngữ: Điệp ngữ có 3 dạng:

- + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.
- + Điệp ngữ cách quãng

+ Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

Ví dụ: Một bầy gà mà bơi trong bể

Chết ba con hỏi còn mấy con

4. Ẩn dụ

a. Khái niệm: Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

b. Tác dụng: làm cho câu văn, câu thơ có tính hàm xúc, tăng tính gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

c. Các kiểu ẩn dụ:

Có 4 kiểu ẩn dụ :

+ Ẩn dụ hình thức (dựa trên sự tương đồng với nhau về hình thức)

Vd : *Dưới trăng quỳên đã gọi hè*

Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông.

+ Ẩn dụ cách thức (dựa trên sự tương đồng với nhau về cách thức, hành động)

Vd: *Uống nước nhớ nguồn.*

+ Ẩn dụ phẩm chất (dựa trên sự tương đồng với nhau về phẩm chất)

Vd: “**Đền** khoe **đền** **tổ** hơn **trăng**

Đền ra trước **gió** còn **chăng** **hời** **đền**?”

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (dựa trên sự tương đồng với nhau về cảm giác)

Vd: “*Một tiếng chim kêu sáng cả rừng*”

(Khương Hữu Dụng)

5. Hoán dụ

a. Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó

b. Tác dụng: nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

c. Các kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Hoán dụ dựa trên mối quan hệ toàn thể- bộ phận;

+ Hoán dụ dựa trên mối quan hệ vật chứa với vật được chứa;

+ Hoán dụ dựa trên mối quan hệ sự vật - chất liệu...

II. Biện pháp tu từ

1. So sánh

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

2. Nhân hóa

III. Đại từ nhân xưng

- Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...);

- Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi:

+ Ngôi 1

Số ít: tôi/tao/tớ/ta

Số nhiều: chúng tôi/chúng ta, bọn tao/bọn tớ

+ Ngôi 2

Số ít: mày/mi/người/bạn

Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay

+ Ngôi 3

Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy

Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ

IV. CỤM TỪ

1. Cụm danh từ

a. Khái niệm: Cụm danh từ là tập hợp từ, gồm danh từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau danh từ trung tâm ấy.

b. Cấu tạo:

Cụm danh từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: là danh từ

+ Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện

+ Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.

2. Cụm động từ

a. Khái niệm: Cụm động từ là tập hợp từ, gồm động từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau động từ trung tâm ấy.

b. Cấu tạo:

Cụm danh từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: là động từ

+ Phần phụ trước: Thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về

+ Thời gian(*đã, đang, sẽ,...*)

+ Khẳng định/phủ định(*không, chưa, chẳng...*)

+ Tiếp diễn(*đều, vẫn, cứ,...*).

+ Mức độ của trạng thái (*rất, hơi, quá,...*)

...

+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về :

+ Đối tượng (*đọc sách*),

+ Địa điểm (*đi Hà Nội*),

+ Thời gian (*làm việc từ sáng*),...

3. Cụm tính từ

a. Khái niệm: Cụm tính từ là tập hợp từ, gồm tính từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau tính từ trung tâm ấy.

b. Cấu tạo:

Cụm danh từ gồm ba phần:

+ Phần trung tâm ở giữa: là tính từ

+ Phần phụ trước: Thường bổ sung cho tính từ ý nghĩa về

+ Mức độ (*rất, hơi, khá,...*),

+ Thời gian (*đã, đang, sẽ,...*),

- + Tiếp diễn (*vẫn, còn,...*).
- ...+ Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về :
- + Phạm vi (*giỏi toán*),
- + So sánh (*đẹp như tiên*),
- + Mức độ (*hay ghê*),...

V. PHÂN BIỆT TỪ ĐỒNG ÂM VÀ TỪ ĐA NGHĨA

Từ đồng âm	Từ đa nghĩa
Giống nhau - Đều có cách viết hết và cách đọc trong tiếng Việt giống nhau - Dựa vào ngữ cảnh để xác định nghĩa của từ	
Khác nhau	
Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh Ví dụ: - Em rất thích đá bóng. - Hòn đá đẹp quá! + Từ đá trong câu <i>Em rất thích đá bóng</i> .là động từ ,chỉ một hành động - Từ đá trong câu <i>Hòn đá đẹp quá!</i> là một danh từ. - Hai từ đá trên giống nhau về mặt âm thanh không có mối liên hệ về mặt ngữ nghĩa	Từ đa nghĩa là những từ có nghĩa gốc và một hoặc nhiều nghĩa chuyển, giữa các nghĩa có mối quan hệ với nhau. Ví dụ Từ ăn có nhiều nghĩa - Nghĩa gốc từ ăn là chỉ hành động nạp thức ăn vào cơ thể con người để duy trì sự sống - Nghĩa chuyển: + Ăn ảnh: hình ảnh xuất hiện trong ảnh đẹp hơn bên ngoài. + Ăn cưới: ăn uống nhân dịp có hai người kết hôn. + Sông ăn ra biển: chỉ hiện tượng nước ở sông tràn ra biển. + Ăn hoa hồng: nhận lấy để hưởng. + Da ăn nắng: làm hủy hoại từng phần
Thường khác từ loại Ví dụ: - Chúng nó tranh nhau quyền sách. (tranh là động từ) - Em tôi vẽ tranh rất đẹp. (tranh là danh từ) - Nếu cùng từ loại thì phần lớn là danh từ Ví dụ: Tôi rất thích tắm vải này. (vải là danh từ) - Năm nay quả vải đã được xuất khẩu sang nhiều nước khác	Luôn cùng từ loại Ví dụ: - Tôi ăn cơm. (ăn là động từ) - Tàu ăn hàng. (ăn là động từ)

(V ải là danh từ)	
Các từ đồng âm có nghĩa khác xa nhau Ví dụ: Từ lồng - Con ngựa đang đứng bỗng lồng lên. (từ lồng trong câu là động từ chỉ hoạt động cất vó lên cao với một sức mạnh đột ngột rất khó kìm giữ) - Mua được con chim bạn tôi nhốt ngay vào lồng (từ lồng trong câu này có nghĩa là đồ dùng bằng tre, nứa hoặc bằng gỗ dùng để nhốt chim, gà) Nghĩa của hai từ lồng trong hai câu trên khác xa nhau về nghĩa, không có sự liên quan nào về nghĩa	Tất cả cả các nghĩa triển đều xuất phát từ quy luật chuyển nghĩa của từ Ví dụ: - Ngôi nhà mới xây xong. (Từ nhà chỉ nơi ở) - Cả nhà đang ăn cơm (Từ nhà chỉ những người sống trong một ngôi nhà)
Không thể thay thế được cho nhau vì mỗi từ đều mang nghĩa gốc. Ví dụ - Con đường về quê em đang được đổ bê tông. (từ đường trong câu chỉ bề mặt bằng đất, nhựa hoặc bê tông... để đi lại) - Em mua giúp mẹ hai cân đường. (từ đường trong câu chỉ một loại thực phẩm dùng để pha chế các loại nước giải khát làm bánh kẹo...) - Hai từ đường trong 2 trường hợp trên không thể thay thế được cho nhau.	Có thể thay thế từ đa nghĩa trong nghĩa chuyển bằng một từ khác. Ví dụ Mùa xuân là tết trồng cây Trồng cho đất nước ngày càng thêm xuân (Hồ Chí Minh) từ xuân trong dòng 1 có nghĩa gốc chỉ một mùa trong năm. từ xuân trong dòng thơ 2 là nghĩa chuyển được hiểu là mùa xuân mang đến sự tươi trẻ, sức sống mới Vì vậy, có thể thay được từ tươi đẹp

IV. DẤU CÂU

- Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên mặt văn bản một cấu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa cá thành phần của câu.
- Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết.
- Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm.
- ☐ Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc.
- Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “”.

STT	Dấu câu	Công dụng
-----	---------	-----------

1	Dấu ngoặc kép	- Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu. - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt. - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.
2	Dấu phẩy	- Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu; - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép; - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng; - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu.
3	Dấu gạch ngang	- Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê; - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại; - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu; - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau; - Phiên âm tên nước ngoài; - Dùng trong cách để ngày, tháng, năm.

C. THỰC HÀNH VIẾT:

DẠNG 1: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

II. Các bước làm bài

1. Trước khi viết

a) Lựa chọn đề tài

b) Tìm ý

Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào?	
Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì?	
Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào?	
Vì sao truyện lại xảy ra như vậy?	
Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện?	

c) Lập dàn ý

- *Mở bài*: giới thiệu câu chuyện.
- *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.
- + Thời gian
- + Không gian
- + Những nhân vật có liên quan
- + Kể lại các sự việc
- *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.

2. Viết bài

- Kể theo dàn ý
- Nhất quán về ngôi kể
- Sử dụng những

3. Chỉnh sửa bài viết

- Đọc và sửa lại bài viết theo.

DẠNG 2: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

I. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

- Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả;
- Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;
- Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;
- Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

2. Các bước thực hiện

a. Trước khi viết

- Lựa chọn đề tài:

- + Bài thơ được chọn phải có yếu tố kể chuyện (xuất hiện câu chuyện, nhân vật chính, dù nhân vật có thể chỉ mang một cái tên chung chung), có các chi tiết miêu tả không gian, thời gian, con người
- + Các bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả: Chuyện cổ tích về loài người - Xuân Quỳnh, Mây Và Sóng – Ta-go, Lượm - Tố Hữu, Đêm nay bác không ngủ - Minh Huệ

- Tìm ý:

Để tìm ý, các em hãy ngầm nêu các câu hỏi để tự trả lời như:

- + Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?
- + Đây là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật
- + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như nào?
- + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn bày tỏ ra sao?

...

- Lập dàn ý.

Từ các ý đã được hình thành qua cách nêu và trả lời các câu hỏi trên, em hãy sắp xếp thành một dàn ý như sau:

a. Mở đoạn: Giới thiệu tác giả và bài thơ, nêu khái quát ấn tượng cảm xúc về bài thơ

b. Thân đoạn:

- + Nêu ấn tượng cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ
 - + Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.
 - + Đánh giá hiệu quả cách triển khai bài thơ bằng câu chuyện và các chi tiết miêu tả.
- c. Kết đoạn: Nêu khái quát đầu em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở trên)

b. Viết bài

Khi viết bài các em cần lưu ý:

- + Bám sát dàn ý để viết đoạn
- + Lựa chọn từ ngữ để diễn đạt cảm xúc của em về nội dung bài thơ cũng như những từ ngữ, hình ảnh biện pháp tu từ độc đáo nhất.
- + Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu tiên của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn có dấu chấm câu. Các câu trong đoạn tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có dùng từ ngữ liên kết.
- + Đoạn văn khoảng 10 đến 15 câu.

Chỉnh sửa bài viết:

- Kiểm tra bài viết của em theo những yêu cầu sau:
 - + Giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm nhận chung của người viết.
 - + Nêu được cảm xúc và ý kiến đánh giá về nét đặc sắc của bài thơ có sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả.
- Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt: dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết.

DẠNG 3: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

- Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có);
- Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ;
 - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v...)

II. Các bước tiến hành

1. Trước khi viết

- Lựa chọn đề tài
- Tìm ý
- Lập dàn ý

2. Viết bài

3. Chỉnh sửa bài viết

DẠNG 4: VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt

- Giới thiệu khái quát cảnh sinh hoạt;
- Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian)
- Tả hoạt động cụ thể của con người;
- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt được tả.

Lưu ý: Khi tả sử dụng từ ngữ phù hợp để tả làm cho quang cảnh, hoạt động của con người hiện lên một cách rõ nét, sinh động;

II. Thực hành viết theo các bước

1. Trước khi viết

- Lựa chọn đề tài;
- Tìm ý.
- Lập dàn ý.

* Mở bài:

Giới thiệu khái quát cảnh thu hoạch lúa trên quê hương em

* Thân bài: Miêu tả cảnh thu hoạch

(các ý trong phần tìm ý)

* Kết bài: Suy nghĩ của em về cảnh thu hoạch mùa màng.

Lưu ý: - Khi viết có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa

- Sử dụng từ ngữ thể hiện chân thực, tình cảm, suy nghĩ của bản thân

2. Viết bài

- Viết đoạn văn phần mở bài
- Viết các đoạn văn phần thân bài
- Viết đoạn văn kết bài

3. Chỉnh sửa bài viết

TIẾT 3: LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

ĐỀ SỐ 1:

I. ĐỌC – HIỂU

Đọc kĩ đoạn văn, sau đó trả lời bằng cách chọn ý đúng nhất:

“...Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì của cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào”.

(Bài học đường đời đầu tiên - Ngữ văn 6, tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả? Văn bản thuộc thể loại truyện nào?

Câu 2: Đoạn văn trên trình bày theo phương thức biểu đạt nào? Phương thức nào là chính?

Câu 3: Đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ mấy? Người kể là ai?

Câu 4: Nội dung của đoạn văn trên?

Câu 5: Bài học cuộc sống em rút ra từ văn bản chứa đoạn văn trên ?

II. THỰC HÀNH VIẾT:

Câu 1: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em đoạn thơ sau trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*:

*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bé bỏng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát*

Từ cái bóng cái bang
 Từ cái hoa rất thơm
 Từ cánh cò rất trắng
 Từ vị gừng rất đắng
 Từ vết lấm chưa khô
 Từ đầu nguồn cơn mưa
 Từ bãi sông cát vắng, ...

Câu 2: Hãy kể lại một trải nghiệm mà em ấn tượng nhất.

Hướng dẫn làm bài

Phần	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	Câu 1 (0,5đ):	
	- Đoạn văn trên trích từ văn bản <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> của tác giả Tô Hoài	0,25
	- Thể loại truyện đồng thoại.	0,25
	Câu 2(0,5đ): Đoạn văn trên trình bày theo phương thức biểu đạt tự sự xen miêu tả, trong đó miêu tả là chính.	0,5
	Câu 3(0,5đ): Đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ nhất. Người kể chuyện là Dế Mèn.	0,5
	Câu 4(0,5đ): Nội dung của đoạn văn trên : cảnh kiếm mồi của các loài sinh vật trên đầm bãi trước cửa hang của Dế Mèn.	0,5
Thực hành viết	Câu 5(1đ): Bài học cuộc sống em rút ra từ văn bản chứa đoạn văn trên :	
	- Trong cuộc sống không được kiêu căng, tự phụ, coi thường người khác.	0,5
	- Cần sống khiêm tốn, biết quan tâm giúp đỡ người khác.	0,5
	Câu 1:	
	- Đoạn văn cần làm nổi bật được các ý sau:	
	+ Khái quát nội dung trước đó của bài thơ: trên trái đất những đứa trẻ sinh ra trước tiên.	0,5
	+ Đoạn thơ đã dần tiếp nối mạch theo ấy: để cho trẻ có tình yêu và lời ru nên mẹ được sinh ra.	0,5
	+ Mẹ mang đến cho trẻ lời ru bất tận được mang về từ mọi nơi: cái bóng cái bang, cánh hoa, cánh cò, vị gừng, vết lấm chưa khô, bờ sông cát vắng ...	0,5
	+ Điệp ngữ từ và những hình ảnh thơ phong phú, sinh động đã gọi lên hình ảnh thế giới qua mắt trẻ nhỏ rất xinh xắn, ngây thơ đồng thời thể hiện được tình yêu thương bao la của mẹ (muốn mang cả thế giới đến cho con), lột tả được những nhọc nhằn, vất vả mà mẹ đã trải qua để nuôi dạy con.	0,5
	Câu 2:	

- Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài.	0,5
- Về nội dung:	
1. Mở bài:	0,5
- Giới thiệu câu chuyện.	
- Ấn tượng của em em về câu chuyện đó.	
2. Thân bài	
- Giới thiệu kỷ niệm về chuyến trải nghiệm	0,75
- Xảy ra trong thời gian, không gian nào?	0,5
- Nhân vật liên quan đến câu chuyện (hình dáng, tuổi tác, tính cách, cách cư xử của người đó...)	0,75
- Diễn biến của câu chuyện.	1,0
- Điểm điểm của câu chuyện.	0,5
- Thái độ tình cảm của nhân vật trong câu chuyện.	0,5
3. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.	

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC – HIỂU

Đọc kĩ đoạn văn sau trả lời các câu hỏi sau:

“Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.”

(Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh)

Câu 1: Lời kể trong đoạn văn trên là của nhân vật nào trong truyện? Kể về sự việc gì?

Câu 2: Vì sao nhân vật “tôi” lại không thể thân với em gái như trước kia được nữa?

Câu 3: Nêu ý nghĩa của truyện “Bức tranh của em gái tôi” (Tạ Duy Anh)?

II. THỰC HÀNH VIẾT:

Câu 1: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau trong bài thơ Mây và sóng của Ta-go:

Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ

Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào

Câu 2: Hãy kể lại một trải nghiệm khiến em ân hận.

Hướng dẫn làm bài

Phần	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	Câu 1 (1đ) : Lời kể trong đoạn văn là của nhân vật người anh trong truyện “ <i>Bức tranh của em gái tôi</i> ” (Tạ Duy Anh).	0,5
	- Đoạn văn kể về tâm trạng, cảm xúc của người anh sau khi tài năng hội họa của em gái được phát hiện.	0,5
	Câu 2 (1đ):	
	- Nhân vật “tôi” – người anh, không thể thân với em gái như trước kia được nữa, vì:	0,5
	+ Người anh mặc cảm, tự ti nghĩ rằng bản thân không có năng khiếu gì, cảm thấy mình thua kém em.	0,75

	+ Ghen tuông, đố kị với tài năng của em Câu 3 (1đ): Ý nghĩa của truyện: Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội họa, truyện “Bức tranh của em gái tôi” cho thấy: Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.	0,75 1,0
Thực hành viết	Câu 1 (2đ): Đoạn văn cần thể hiện được các ý sau: - Em bé bày tỏ những trò chơi mà người tham gia chỉ là hai mẹ con. - Điều này thể hiện tình yêu vô cùng sâu sắc, chân thành của chú bé dành cho mẹ. - Tình yêu ấy vượt lên cả thú vui thường ngày, mãnh liệt tới mức muốn lấn át những thứ lớn lao khác.	0,5 0,75 0,75
	Câu 2 (5đ): - Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài. - Về nội dung:	0,5
	1. Mở bài: Giới thiệu về người thân và sự việc, tình huống người thân khiến em ân hận.	0,5
	2. Thân bài a. Giới thiệu khái quát về câu chuyện - Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện. - Giới thiệu những nhân vật có liên quan đến câu chuyện.	0,75 0,5
	b. Kể lại các sự việc trong câu chuyện - Điều gì đã xảy ra? - Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? - Cảm xúc của người viết khi xảy ra câu chuyện, khi kể lại câu chuyện?	0,75 0,75 0,75
	3. Kết bài Nêu cảm xúc của người viết với câu chuyện đã xảy ra.	0,5

ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC – HIỂU

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Con chào mào đốm trắng mũi đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu ... uýt ... huyt ... tu hù*

Câu 1: Đoạn thơ trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác? Nêu xuất xứ của văn bản? Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

Câu 2: Trong bài thơ tác giả còn lặp lại câu thơ:

triu ... uýt ... huýt ... tu hùi

Việc lặp lại đó có dụng ý gì?

Câu 3: Hãy nêu những suy nghĩ của em khi đọc những câu thơ trên bằng một đoạn văn ngắn.

II. THỰC HÀNH VIẾT:

Câu 1: Trong truyện *Gió lạnh đầu mùa* có nhiều nhân vật. Em hãy viết đoạn văn về một nhân vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng cụm tính từ.

Câu 2: Tả lại cảnh sum họp của gia đình em.

Hướng dẫn làm bài

Phần	Nội dung	Điểm
Đọc hiểu	Câu 1 (1đ): - Văn bản: <i>Con chào mào</i> của tác giả Mai Văn Phấn - Xuất xứ: Bài thơ <i>Con chào mào</i> được trích trong <i>Bầu trời không mái che</i> , NXB Hội nhà văn, 2010. - Thể loại: Thơ tự do	0,5 0,25 0,25
	Câu 2(1đ): Câu thơ : <i>triu ... uýt ... huýt ... tu hùi</i> đã được tác giả viết ở dòng thứ ba của bài thơ. Đến dòng thứ 15 của bài thơ, tác giả đã lặp lại câu thơ này. Đây là sự tinh tế của tác giả trong việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh cho bài thơ. Việc lặp lại này tác giả muốn nhắc rằng con chào mào đã đi qua một hành trình đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lốt, chói gắt <i>trên cây cao chót vót</i> đến phổi bè, vang vọng khi đã được <i>mổ những con sâu ăn trái cây chín đỏ</i> và uống từng giọt nước, thanh sạch của tôi.	1,0
	Câu 3 (1đ): Bài thơ <i>Con chào mào</i> là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Mai Văn Phấn thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu loài vật của tác giả. Con chào mào là hình tượng trung tâm của bài thơ. Với nổi đặc tả gần, khá kỹ, nhà thơ khắc họa hình dáng con chào mào ngay từ câu thơ mở đầu <i>Con chào mào đốm trắng mũi đỏ</i> . Hình ảnh con chào mào hiện lên trước mắt người đọc thật sinh động, đáng yêu. Đặc biệt với ngòi bút tài tình, sáng tạo tác giả đã đưa đến cho người đọc một cảm giác thật thú vị khi nghe tiếng hót của con chào mào <i>triu ... uýt ... huýt ... tu hùi</i> . Tiếng hót của chim phải chăng là tiếng lòng, là sự thổn thức của tác giả trước cảnh thanh bình, tươi đẹp của thiên nhiên.	1,0
Thực hành viết	Câu 1 (2đ): Học sinh lựa chọn một trong các nhân vật mà em yêu thích (mẹ Sơn, Sơn, Hiên, Mẹ Hiên) - Trong đoạn văn cần thể hiện được các ý sau: + Vì sao em lại yêu thích nhân vật đó.	0,5 0,5

	+ Nhân vật đó có đặc điểm gì nổi bật (về hình dáng, hành động, nội tâm, cách ứng xử ...) + Có thể chọn một vài chi tiết mà tác giả miêu tả về nhân vật để minh chứng cho điều em viết về nhân vật.	1,0
	Câu 2 (5đ): - Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài. - Về nội dung: 1. Mở bài - Thời gian: vào buổi tối cuối tuần. - Không gian: ngôi nhà của em. - Nhân vật: Những người thân trong gia đình. 2. Thân bài - Cách bài trí trong nhà, dưới bếp. (Chú ý các chi tiết, hình ảnh có liên quan đến Tết) 0,5 - Không khí chuẩn bị ra sao? (Mọi người trong gia đình cùng nhau chuẩn bị...) 0,75 - Bàn ăn (hay mâm cơm) có những món gì? 0,75 - Bữa ăn diễn ra đầm ấm, vui vẻ như thế nào? 0,75 - Sau bữa ăn, mọi người làm gì? (uống nước, chuyện trò tâm sự...) 0,5 3. Kết bài - Cảm động và thích thú. - Mong có nhiều dịp được sum họp đầy đủ với người thân. - Nhận ra rằng gia đình quả là một tổ ấm không thể thiếu đối với mỗi con người. 0,5	

3. Củng cố:

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Hoàn thiện các đề bài trên.
- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kì I.